



CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁ XÂY DỰNG

Đ/c: Số 2A/55 Nguyễn Ngọc Nại, Thanh Xuân, Hà Nội

ĐT: (04) 35682482 - 0985 099 938 - 0974 889 500

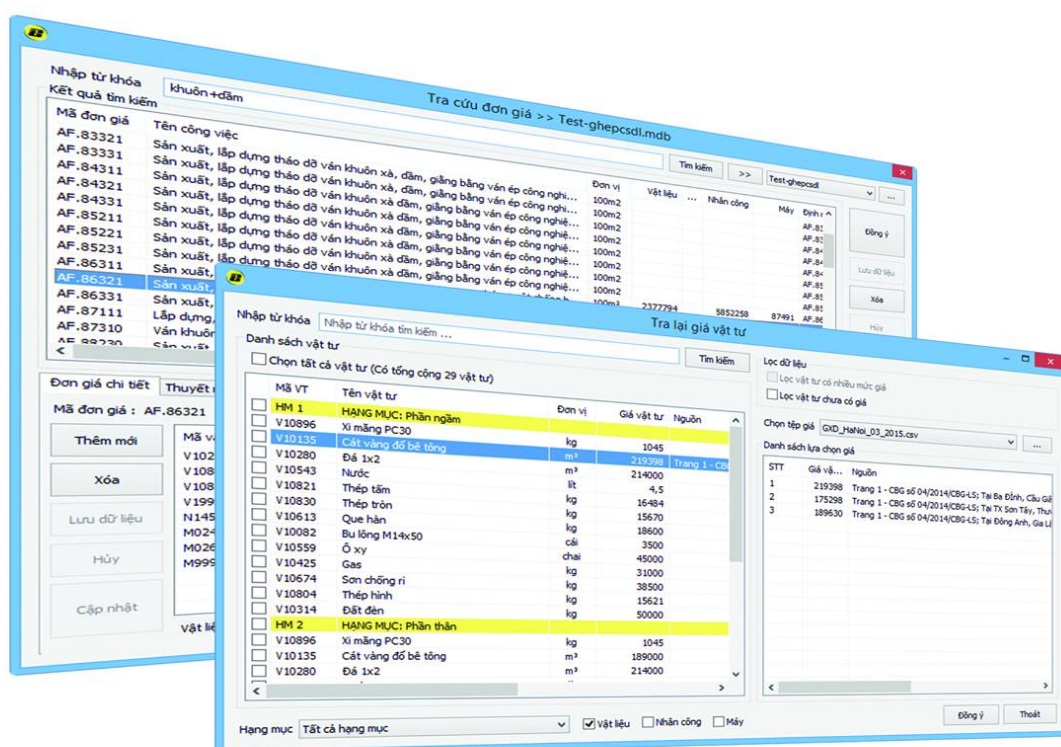
Email: phanmem@giaxaydung.com - daotao@giaxaydung.com

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG PHẦN MỀM



DỰ TOÁN GXD¹⁰

DÙNG LÀ THÍCH - KÍCH LÀ SƯỚNG



2016

MỤC LỤC

PHẦN 1. GIỚI THIỆU PHẦN MỀM DỰ TOÁN GXD 10	4
I. TỔNG QUAN PHẦN MỀM	4
1. Khởi động phần mềm Dự toán GXD 10.....	4
2. Menu Hồ sơ.....	4
II. CÁC TÙY CHỌN, TÍNH TOÁN CƠ BẢN	7
1. Các tùy chọn trong Dự toán GXD.....	7
2. Hộp thoại tra cứu, tìm kiếm và chỉnh sửa mã hiệu trong bảng Dự toán XD.....	13
3. Tính toán khối lượng	14
III. CÁC KÊNH HỖ TRỢ VÀ ĐÀO TẠO GIÁ XÂY DỰNG.....	15
1. Trang DutoanGXD.vn và Giaxaydung.vn.....	15
2. Các Website học tập, đào tạo khác.....	15
PHẦN 2. CÁC MENU LỆNH CỦA DỰ TOÁN GXD	16
I. MENU CHI PHÍ XÂY DỰNG.....	16
1. Tổng hợp vật tư	16
2. Tính giá vật liệu.....	16
3. Tính giá nhân công	18
4. Tính giá ca máy	18
5. Kết nối các bảng.....	20
6. Tính dự toán gói thầu.....	21
7. Tính dự toán dự thầu	21
8. Cập nhật đơn giá, vật tư.....	22
II. MENU CHI PHÍ THIẾT BỊ	23
III. MENU TIỆN ÍCH	24
1. Cập nhật hạng mục	24
2. Tra lại đơn giá	24
3. Tính lại toàn bộ diễn giải	26
4. Thêm hệ số cho công việc.....	26
5. Đổi đơn vị tính cho công tác.....	27
6. Lưu đơn giá chi tiết	27
7. Lưu giá xây dựng tổng hợp.....	28

8. Lưu giá vật tư	29
9. Tra giá vật tư	29
10. Thay đổi cách tính chi phí chung	30
11. Thay đổi cấp phối vữa	31
12. In hồ sơ.....	31
13. Hiện/ ẩn.....	33
14. Xuất báo cáo công trình	36
IV. MENU THĂM TRA, THĂM ĐỊNH	37
1. Lệnh thăm tra toàn bộ.....	37
2. Lệnh kiểm tra lại bảng đơn giá, kiểm tra bảng tổng hợp vật tư.....	37
3. Lệnh Xuất báo cáo.....	37
V. MENU DỮ LIỆU	38
VI. MENU TRỢ GIÚP	39
1. Hướng dẫn sử dụng	39
2. Video HDSD	39
3. Hội quán Dự toán GXD	39
4. Thông tin phần mềm.....	39
5. Hỗ trợ trực tuyến	40
6. Phản hồi, góp ý.....	40
VII. TỔNG HỢP CÁC TÍNH NĂNG HỖ TRỢ KHÁC.....	41
1. Các lệnh menu chuột phải.....	41
2. Một số tính năng đặc biệt khác	46
3. Hiện thị các menu, sheets	50
4. Biểu tượng các lệnh tắt trên Menu Ribbon.....	52
PHẦN 3. THỰC HÀNH LẬP DỰ TOÁN TRÊN DỰ TOÁN GXD	54
I. LẬP DỰ TOÁN SỬ DỤNG ĐƠN KHÔNG ĐẦY ĐỦ	54
1. Sử dụng đơn giá địa phương lập dự toán chi phí xây dựng khi tính chi phí vật liệu, nhân công, máy thi công sẽ có 2 cách tính:	54
2. Chi phí vật liệu, nhân công, máy tính theo đơn giá công trình.....	63
3. Chi phí vật liệu, nhân công, máy tính theo đơn giá kết hợp.....	66
II. LẬP DỰ TOÁN SỬ DỤNG ĐƠN GIÁ ĐẦY ĐỦ	66
III. LẬP DỰ TOÁN CÓ SỬ DỤNG ĐƠN GIÁ TỔNG HỢP	67

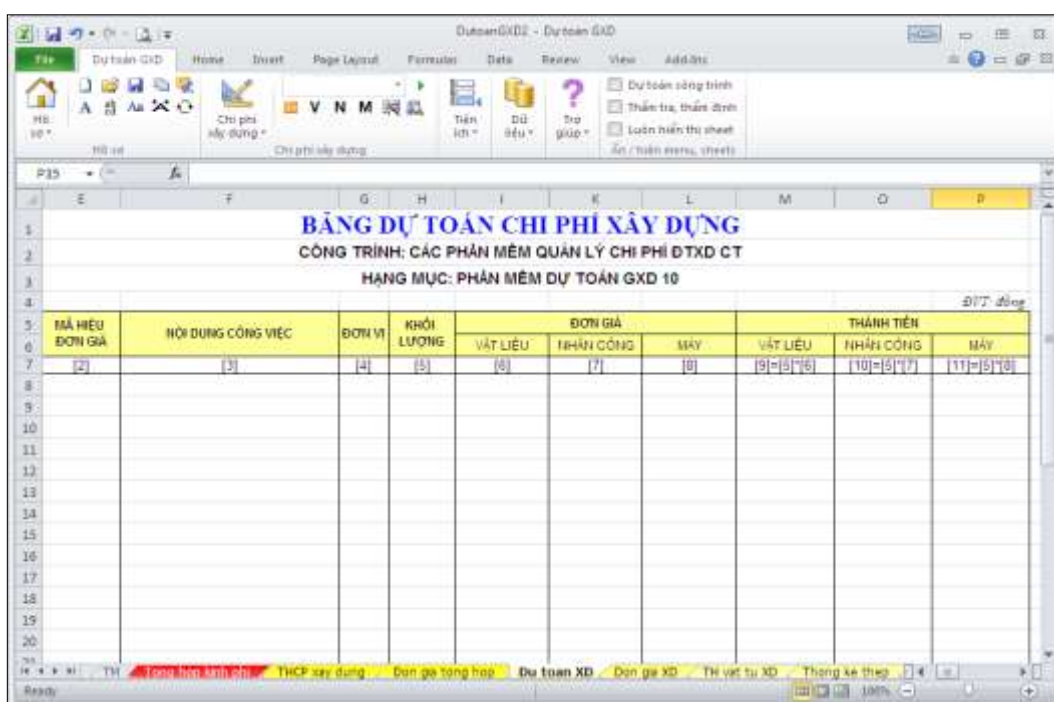
IV. LẬP DỰ TOÁN NHIỀU HẠNG MỤC	71
1. Khai báo hạng mục	71
2. Bảng tổng hợp chi phí.....	71
3. Chèn thêm hạng mục	73

PHẦN 1. GIỚI THIỆU PHẦN MỀM DỰ TOÁN GXD 10

I. TỔNG QUAN PHẦN MỀM

1. Khởi động phần mềm Dự toán GXD 10

Khởi động phần mềm Dự toán GXD 10 (sau đây sẽ gọi tắt là phần mềm hoặc Dự toán GXD hoặc GXD) sẽ chạy trực tiếp trên nền Excel. Hồ sơ dự toán là file Excel, khi không mở phần mềm thì file dự toán là file Excel thông thường.



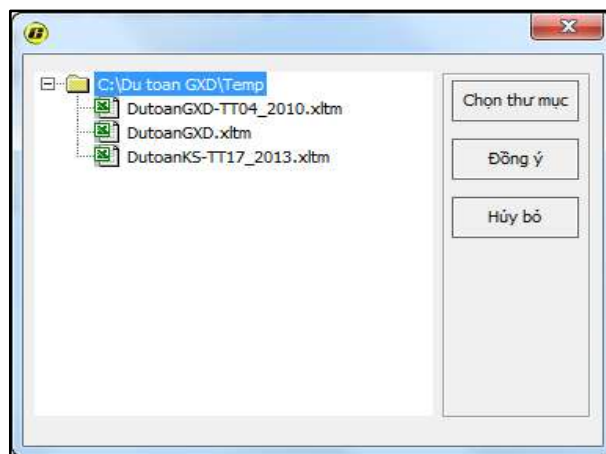
Hình 1.1a - Giao diện Dự toán GXD trên Excel 2010

2. Menu Hồ sơ

	Tạo file dự toán mới	Ctrl+N
	Mở file dự toán...	Ctrl+O
	Lưu file dự toán...	Ctrl+S
	Chọn cơ sở dữ liệu...	Ctrl+Shift+D
	Tùy chọn...	
	Chọn mẫu dự toán...	
	Giới thiệu về chương trình	

2.1. Chọn mẫu dự toán


Mặc định Dự toán GXD10 đang lập dự toán theo Nghị định số 32/2015/NĐ-CP và Thông tư số 06/2016/TT-BXD. Dùng tính năng chọn mẫu này khi cần lập dự toán theo các mẫu cũ như mẫu dự toán xây dựng công trình theo Thông tư số 04/2010/TT-BXD hoặc dự toán khảo sát theo Thông tư số 17/2013/TT-BXD.



Hình 1.1b – Hộp thoại chọn mẫu lập dự toán

Bấm lệnh **Hồ sơ/ Chọn mẫu dự toán** hộp thoại chọn mẫu sẽ hiện ra. Mặc định đang để lập dự toán theo mẫu **DutoanGXD.xltm**. Bấm vào mẫu **DutoanGXD-TT04_2010.xltm** hoặc **DutoanKS-TT17_2013.xltm** cho phù hợp với dự toán cần lập/ **Đồng ý** để kết thúc quá trình chọn mẫu. Từ lần mở phần mềm tiếp theo sẽ chạy theo mẫu vừa chọn. Nếu muốn chọn mẫu khác thao tác tương tự.


2.2. Lưu file, mở file dự toán

File hồ sơ dự toán được lưu như file Excel bình thường: dùng phím tắt **Ctrl+S** hoặc nút  hoặc lệnh **Hồ sơ/ Lưu file dự toán** rồi chọn vị trí lưu file.

Khuyến cáo người sử dụng *ưu tiên lưu file định dạng đuôi .xlsm*.




Hình 1.2 - Lưu file dự toán dạng .xlsm

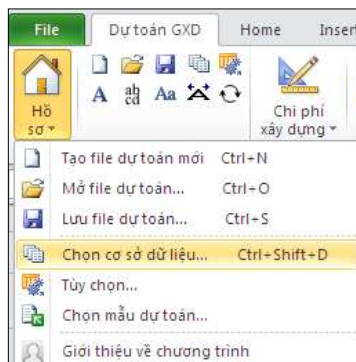
Khi muốn mở file dự toán ra làm tiếp bạn chỉ cần chú ý mở phần mềm **Dự toán GXD** trước, rồi tìm và mở file dự toán đang làm dở. Bằng cách bấm nút  Mở file dự toán hoặc phím tắt **Ctrl+O**.

2.3. Cơ sở dữ liệu của phần mềm

Cơ sở dữ liệu của phần mềm là các tập Định mức, Đơn giá, Giá vật tư được công bố đã được số hóa.

2.3.1. Nạp cơ sở dữ liệu vào phần mềm

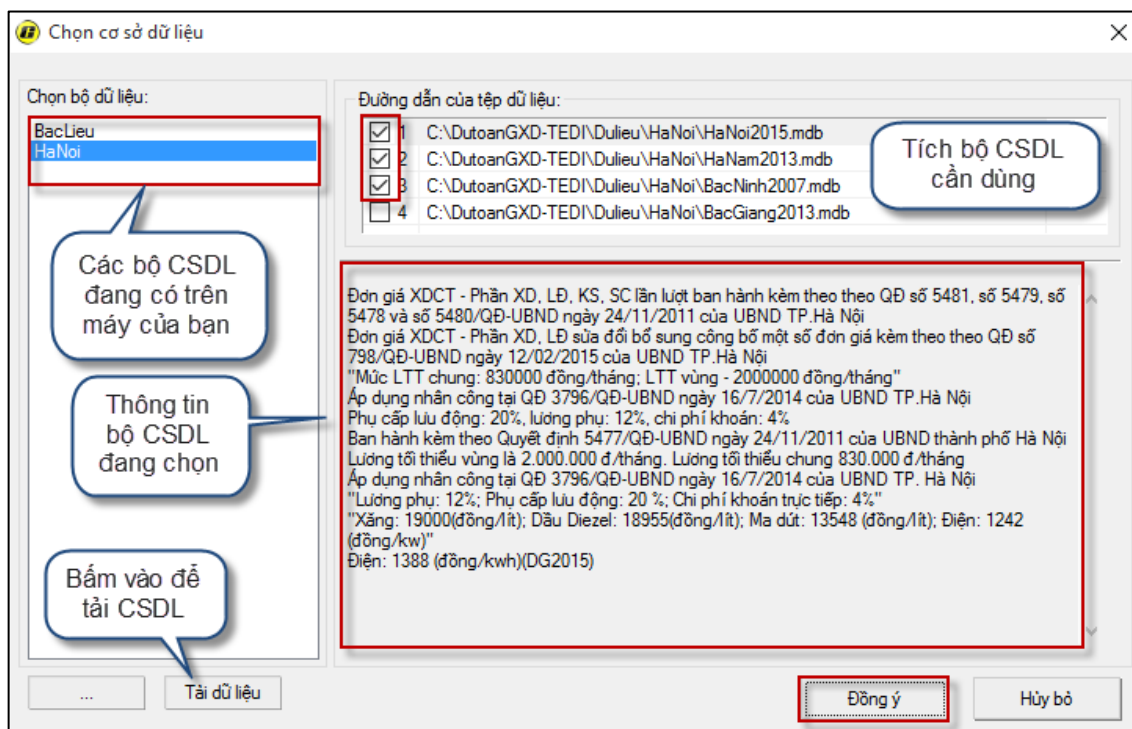
Bấm lệnh **Hồ Sơ/ Chọn cơ sở dữ liệu** (nút  hoặc phím tắt **Ctrl + Shift +D**).



Hình 1.3 – Lệnh chọn cơ sở dữ liệu

Hộp thoại Chọn cơ sở dữ liệu hiện ra, khi kích chọn vào các bộ CSDL sẽ thấy thêm các thông tin về bộ CSDL đang chọn.

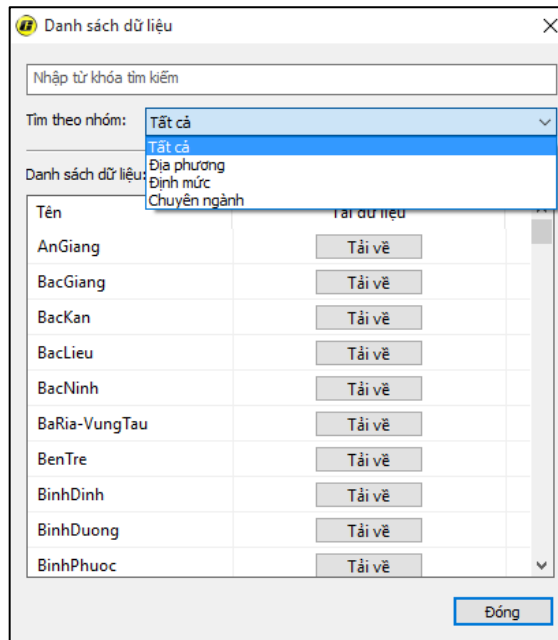
Bấm **Đồng ý** để hoàn thành chọn cơ sở dữ liệu. Trường hợp gộp nhiều file cơ sở dữ liệu, tích chọn để kích hoạt các file dữ liệu bạn muốn sử dụng đồng thời trong một bộ.



Hình 1.4 - Hộp thoại Chọn cơ sở dữ liệu

2.3.2. Tải cơ sở dữ liệu

Nếu bộ dữ liệu đơn giá địa phương chưa có trong thư mục dữ liệu, bấm vào **Tải dữ liệu** khi máy có kết nối Internet.



Hình 1.4b - Hộp thoại Chọn cơ sở dữ liệu

Trong hộp thoại **Danh sách dữ liệu** kích vào tên bộ dữ liệu địa phương cần tải và bấm vào nút **Tải về**, bạn chờ một chút dữ liệu sẽ tải về máy tính để bạn sử dụng.

II. CÁC TÙY CHỌN, TÍNH TOÁN CƠ BẢN

1. Các tùy chọn trong Dự toán GXD

1.1. Thẻ tùy chọn Chung

Cho phép bạn thiết lập các thông số chung cho cả bảng dự toán, chi tiết các lựa chọn mô tả ở bên dưới.



Hình 1.5 – Thẻ tùy chọn Chung trong mục tùy chọn

1.1.1. Đơn giá chưa đầy đủ

Cho phép bạn chọn phương pháp tính chi phí vật liệu, nhân công, máy thi công theo đơn giá công trình hay đơn giá địa phương hoặc đơn giá kết hợp (sẽ hướng dẫn chi tiết ở phần sau).

Khi tùy chọn sử dụng đơn giá chưa đầy đủ, bảng dự toán và bảng THCP sẽ thể hiện chi tiết đơn giá vật liệu, nhân công, máy thi công.

[illegible]

Hình 1.5a – Bảng dự toán sử dụng đơn giá chưa đầy đủ

1.1.2. Đơn giá đầy đủ

Khi tùy chọn sử dụng đơn giá đầy đủ, bảng dự toán và bảng THCP sẽ **không** thể hiện chi tiết đơn giá vật liệu, nhân công, máy thi công để đồng bộ với dự toán gói thầu.

[illegible]

Hình 1.5b – Bảng dự toán sử dụng đơn giá đầy đủ

1.1.3. Bảng tổng hợp chi phí

Khi lập dự toán công trình có nhiều hạng mục, tùy chọn này giúp hiển thị bảng tổng hợp chi phí xây dựng hoặc chi phí lắp đặt thiết bị theo các dạng:

- **Tổng hợp theo dạng bảng:** mỗi hạng mục sẽ có tương ứng một bảng Tổng hợp chi phí, Tổng hợp vật tư, bảng Giá vật liệu hiện trường (nếu có), bảng Lương nhân công, Máy thi công.
- **Tổng hợp theo dạng cột:** mỗi hạng mục một cột trong bảng tổng hợp chi phí, các bảng tổng hợp vật tư... vẫn để dạng bảng ứng với từng hạng mục riêng.
- **Tổng hợp toàn bộ:** các bảng tính của các hạng mục gộp vào một bảng duy nhất.

1.1.4. Lựa chọn cấp phối vữa

Mặc định phân tích đơn giá và hao phí vật tư sử dụng loại xi măng theo đơn giá địa phương đã công bố. Nhưng trước khi tra mã hiệu trong Bảng dự toán bạn có thể tích chọn phân tích theo 4 loại cấp phối vữa sử dụng loại xi măng khác nhau.

1.2. Thẻ tùy chọn Đơn giá

The screenshot shows a software window titled "Tùy chọn" (Options) with a close button (X) in the top right corner. It has three tabs: "Chung" (General), "Đơn giá" (Unit Price), and "Vật tư" (Materials). The "Đơn giá" tab is selected. Inside the tab, there are four main sections:

- Phân tích chi phí:** Contains four checkboxes:
 - ☒ Phân tích chi phí đầu
 - ☒ Phân tích vữa trong đơn giá
 - ☒ Tra lại tên công việc khi thay đổi đơn giá
 - ☐ Đơn giá tổng hợp
- Kết nối đơn giá:** Contains two checkboxes:
 - ☒ Nối giá vật tư từ bảng Tổng hợp vật tư
 - ☒ Nối đơn giá vào bảng Dự toán
- Chi phí chung:** Contains two radio buttons:
 - ☒ Chi phí trực tiếp
 - ☐ Chi phí nhân công
- Đơn giá dự thầu:** Contains three radio buttons:
 - ☒ Trọn gói
 - ☐ Cố định
 - ☐ Điều chỉnh

At the bottom of the dialog, there are three buttons: "Khôi phục về mặc định" (Reset to default), "Đồng ý" (OK), and "Hủy bỏ" (Cancel).

Hình 1.6 – Thẻ tùy chọn Đơn giá trong mục tùy chọn

1.2.1. Phân tích chi phí đuôi

Phần mềm mặc định tích chọn cho phép đưa chi phí đuôi vào từng đơn giá chi tiết. Bỏ tích nếu không muốn sử dụng.

Lưu ý:

- Chỉ có thể bỏ tích chọn khi sử dụng *Đơn giá chưa đầy đủ*.
- Khi bỏ tích chọn, phần mềm sẽ không phân tích chi phí đuôi trong đơn giá chi tiết. Vì vậy sẽ không thể sử dụng lệnh **Chi phí xây dựng/ 6.Tính dự gói thầu** và **7.Tính dự toán dự thầu**.

STT	Mã hiệu đơn giá	MSVT	Tên công việc / Thành phần hao phí	Đơn vị	Định mức hao phí	Đơn giá	Hệ số	Thành tiền
1	AG.11122		Sản xuất cầu kiện bê tông đúc sẵn, bê tông cọc cừ, vữa bê tông đá 1x2 mức 150	m³				
			Vật liệu					389.928
	V10896		N้ำมัน PC30	kg	285.215	1.045		298.050
	V10135		Cát vàng độ mịn	m³	0.506395	189.000		94.575
	V10180		Đá 1x2	m³	0.954365	214.000		193.534
	V10548		Nước	lít	187.775	5		845
	V19999		Vật liệu khác	%	0,5			2.935
			Nhân công					746.711
	N1307		Nhân công 3,0/7 (nhóm 1)	công	3,75	199.123		746.711
			Máy thi công					58.704
	M0313		Máy trộn bê tông 250l	ca	0,095	270.051		25.655
	M0355		Đầm dè 1,5Kw	ca	0,12	230.940		27.713
	M9999		Máy khác	%	10			3.331
2	AG.11124		Sản xuất cầu kiện bê tông đúc sẵn, bê tông cọc cừ, vữa bê tông đá 1x2 mức 250	m³				
			Vật liệu					706.997

Hình 1.6a – Đơn giá chi tiết khi không phân tích chi phí đuôi

1.2.2. Phân tích vữa trong đơn giá

STT	Mã hiệu đơn giá	MSVT	Tên công việc / Thành phần hao phí	Đơn vị	Định mức hao phí	Đơn giá	Hệ số	Thành tiền
1	AG.11123		Sản xuất cầu kiện bê tông đúc sẵn, bê tông cọc cừ đá 1x2, vữa bê tông mức 200	m³				
			Vật liệu					647.498
	C2123		Vữa bê tông M200, XM PC30, cát vàng, đá 1x2, độ sụt 2 - 4cm	m³	1,015	634.756		644.277
	V19999		Vật liệu khác	%	0,5			3.221
			Nhân công					746.711
	N1307		Nhân công 3,0/7	công	3,75	199.123		746.711
			Máy thi công					58.704
	M0313		Máy trộn bê tông 250l	ca	0,095	270.051		25.655

Hình 1.6b – Trường hợp không tích chọn Phân tích vữa trong đơn giá

Định mức của các công tác như bê tông, xây, trát, ốp, lát... vật liệu vữa chưa thể hiện chi tiết hao phí xi măng, cát, đá, nước, phụ gia (tỷ lệ phối trộn). Mặc định tích vào thì phần mềm sẽ phân tích chi tiết cấp phối xi măng, cát, đá, nước và phụ gia (nếu có) khi chiết tính đơn giá. Nếu bỏ lựa chọn này, trong đơn giá chi tiết sẽ chỉ có 1 dòng vật liệu vữa.

1.2.3. Tra lại tên công việc khi thay đổi đơn giá

Thường sau khi tra mã, bạn sẽ sửa tên công việc trong bảng Dự toán. Nếu muốn đổi một mã đơn giá khác mà giữ nguyên tên đã sửa thì không tích lựa chọn này. Nếu muốn mỗi lần tra mã hiệu mới đổi theo tên của mã tra lại thì bạn tích vào lựa chọn này.

1.2.4. Đơn giá tổng hợp

Tùy chọn này sẽ hiện sheet **Đơn giá tổng hợp** khi lập dự toán công trình có sử dụng các đơn giá tổng hợp. Cách lập đơn giá tổng hợp sẽ hướng dẫn ở phần sau.

STT	BH ĐƠN GIÁ	H SVT	THÀNH PHẦN CÔNG VIỆC	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	HẠO PHÍ ĐỊNH MỨC	Giá vật tư	HẾ SỐ	TÍNH PHÂN CHI PHÍ			TỔNG CỘNG
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]	[7]	[8]	[9]	VẬT LIÊU	NHÂN CÔNG	MÁY	[12]
			Công tác tổng hợp 1	ĐVT	1							

Hình 1.6c – Bảng phân tích đơn giá tổng hợp

1.2.5. Kết nối (đơn giá)

Tích chọn **Nội giá vật tư từ bảng Tổng hợp vật tư** nếu muốn khi tổng hợp vật tư xong sẽ nối luôn giá ở cột giá vật tư tại thời điểm hiện tại sang sheet **Đơn giá XD**.

Tích vào **Nội đơn giá với bảng dự toán** nếu muốn tính chi phí vật liệu, nhân công, máy theo đơn giá công trình.

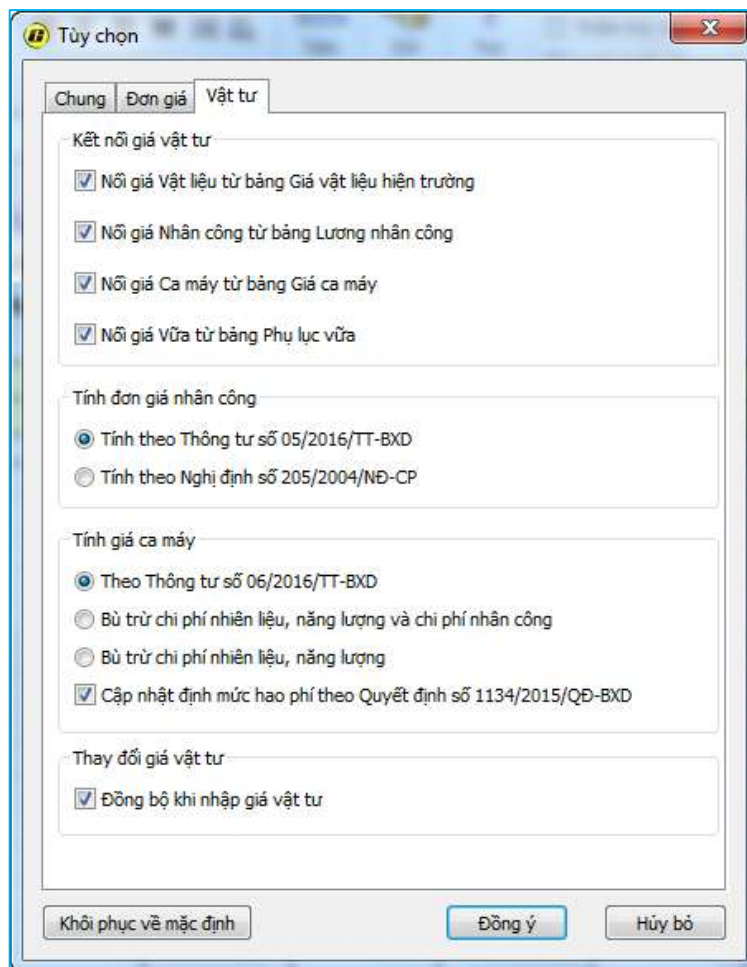
1.2.6. Chi phí chung

Mặc định **Chi phí chung** được tính trên **Chi phí trực tiếp**. Bạn đổi sang tính **Chi phí chung** trên **Chi phí nhân công** với những trường hợp như: lập dự toán cho các hạng mục đào đắp của công trình thủy lợi, lắp đặt thiết bị của công trình hạ tầng kỹ thuật...

1.2.7. Đơn giá dự thầu

Khi sử dụng phần mềm **Dự toán GXD** để tính đơn giá dự thầu, bạn tùy chọn cách tính đơn giá dự thầu cho phù hợp với loại hợp đồng sẽ ký cho gói thầu trong Hồ sơ mời thầu.

1.3. Thẻ tùy chọn Vật tư



Hình 1.7 – Thẻ tùy chọn Vật tư

1.3.1. Kết nối giá vật tư

Tích vào các ô tùy chọn để mặc định kết nối giữa các bảng tính.

1.3.2. Tính đơn giá nhân công

Mặc định phần mềm đang tính đơn giá nhân công theo Thông tư số 05/2016/TT-BXD. Tuy nhiên bạn cũng có thể tùy biến tính nhân công theo Nghị định số 205/2004/NĐ-CP (cũ).

1.3.3. Tính giá ca máy

Lựa chọn phương pháp tính giá ca máy cho phù hợp để lập dự toán (*hướng dẫn chi tiết ở phần sau*).

- Cập nhật định mức hao phí theo Quyết định số 1134/QĐ-BXD:
 - Khi tích vào tùy chọn này thì các định mức hao phí khấu hao, sửa chữa, chi phí khác sẽ được cập nhật theo Quyết định số 1134/QĐ-BXD.
 - Nếu không tích phần mềm sẽ tính giá ca máy theo các định mức hao phí của bộ dữ liệu gốc được lựa chọn.

1.3.4. Thay đổi giá vật tư – Đồng bộ khi nhập giá vật tư

Khi lập dự toán nhiều hạng mục, nếu giá các vật tư tại các hạng mục là khác nhau thì bạn bỏ tích ở đây. Mặc định đang tích thì khi nhập giá cho “cát vàng đổ bê tông” ở hạng mục 1 là 200.000 đ/m³ thì tự động hạng mục khác nếu có cát vàng đổ bê tông cũng đổi thành 200.000 đ/m³ và ngược lại.

Tính năng *Đồng bộ khi nhập giá vật tư* có thể sử dụng tại **Bảng TH vật tư XD**, **Bảng Giá vật liệu HTXD** và **Bảng Giá vữa**.

BẢNG GIÁ VẬT TƯ							
CÔNG TRÌNH: CÁC PHẦN MỀM QUẢN LÝ CHI PHÍ ĐTXD CT							
HẠNG MỤC: Hạng mục 1							
STT	MSVT	TÊN VẬT TƯ	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	GIÁ VẬT TƯ TẠI THỜI ĐIỂM LẬP DỰ TOÁN	THÀNH TIỀN	NGUỒN
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[7]	[7]=[5]*[6]	[10]
A		Vật liệu				204.015	
1	C2123	Vữa bê tông M200, XM PC30, cát vàng, đá 1x2, độ sụt 2 - 4cm	m3	1,02	200.000	203.000	
		Vật liệu khác	%			1.015	
BẢNG GIÁ VẬT TƯ							
CÔNG TRÌNH: CÁC PHẦN MỀM QUẢN LÝ CHI PHÍ ĐTXD CT							
HẠNG MỤC: Hạng mục 2							
STT	MSVT	TÊN VẬT TƯ	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	GIÁ VẬT TƯ TẠI THỜI ĐIỂM LẬP DỰ TOÁN	THÀNH TIỀN	NGUỒN
A		Vật liệu				204.015	
1	C2123	Vữa bê tông M200, XM PC30, cát vàng, đá 1x2, độ sụt 2 - 4cm	m3	1,02	200.000	203.000	
		Vật liệu khác	%			1.015	

Hình 1.7a – Tùy chọn Đồng bộ khi nhập giá vật tư

2. Hộp thoại tra cứu, tìm kiếm và chỉnh sửa mã hiệu trong bảng Dự toán XD

Để tra mã hiệu đơn giá trong bảng Dự toán chi phí xây dựng (sheet **Dự toán XD**) bạn có thể nhập mã hiệu trực tiếp vào một ô trong cột mã hiệu đơn giá. Hoặc đơn giản hơn là bạn chỉ cần nhập từ khóa có trong tên công việc để tìm kiếm.

Một số kinh nghiệm khi tra mã hiệu bằng từ khóa:

- Nên tra bằng những từ hoặc cụm từ ngắn gọn thể hiện được quy cách của công việc hoặc đặc thù của riêng công tác đó. Ví dụ: *Bê tông móng rộng 2m, đá 1x2 mác 250* có thể gõ từ khóa “tông móng 250”. *Công tác Bê tông tấm chóp mác 200* chỉ cần gõ “chóp 200”. *Công tác Bê tông gạch vỡ mác 50* chỉ cần gõ chữ “vỡ” hoặc “vỡ 50”.
- Khi tra mã hiệu cần dựa vào quy cách công việc.
- Nhiều công tác tên không có trong định mức có thể phải vận dụng. Công tác tạm tính không có trong bộ định mức hiện hành được đánh mã TT1÷TT9.

Tại hộp thoại tra cứu đơn giá, bạn có thể tùy ý chỉnh sửa định mức công tác trước khi gọi ra. Hoặc có thể lưu lại công tác đã chỉnh sửa để sử dụng cho những lần sau.

Lưu ý: Chi tiết vữa không thể sửa được hao phí.

The screenshot shows the 'Tra cứu đơn giá' (Unit Price Inquiry) dialog box. It contains a table of construction items with columns: Mã đơn giá, Tên công việc, Đơn vị, Vật liệu, Nhân công, Máy, Định mức, Mã vữa, and Từ khóa. The item 'AF.11222' is selected. Below the table, there are tabs for 'Đơn giá chi tiết', 'Thuyết minh', and 'Công việc tương tự'. The 'Đơn giá chi tiết' tab is active, showing a detailed breakdown of costs for the selected item, including material, labor, and machine costs, along with a total cost.

Hình 1.8 – Hộp thoại tra cứu đơn giá

Khi tra mã hiệu bạn cũng có thể xem được ngay thuyết minh của công việc đó mà không phải mở cuốn định mức xây dựng ra xem nữa.

The screenshot shows the 'Thuyết minh' (Explanation) tab in the 'Tra cứu đơn giá' dialog box. It displays the technical specifications and construction methods for the selected item 'AF.11222'. The text includes details about the construction process, materials, and labor requirements.

Hình 1.8b – Hộp thoại tra cứu đơn giá thể hiện thuyết minh công tác

3. Tính toán khối lượng

Bạn có thể nhập số liệu diễn giải để tính khối lượng dưới tên công tác:

Nhập các số liệu với các dấu cộng (+), trừ (-), nhân (x) hoặc (*), chia (/) sau đó nhấn **ENTER**, phần mềm sẽ tự hiển thị kết quả.

BẢNG DỰ TOÁN CHI PHÍ XÂY DỰNG										
CÔNG TRÌNH: CÁC PHẦN MỀM QUẢN LÝ CHI PHÍ ĐTXD CT										
HẠNG MỤC: PHẦN MỀM DỰ TOÁN GXD 10										
STT	TÊN HỒI	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	ĐƠN VỊ	KHOẢNG	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN	ĐVT: đồng			
					VẬT LIỆU	NHÂN CÔNG	MÁY	VẬT LIỆU	NHÂN CÔNG	MÁY
1	AB.11442	Đào móng đơn, bằng thủ công, rộng >1m, sâu >1m, đất cấp II	m ²	69,530		148.714			10.340.084	
		Móng M1: 4x1,5x1,5x1,45x1,2		15.669						
		Móng M2: 6x1,8x1,8x1,45x1,2		23.828						
		Móng M3: 2x2,4x2,4x1,45x1,2		20.043						
2	AF.11111	Bê tông đá dăm sản xuất bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, bê tông lót móng rộng ≤250cm đá 4x6, vữa bê tông mức 100	m ³	3,996	383.021	203.051	38.776	1.530.552	811.392	154.949
		Móng M1: 4x1,5x1,5x0,1		0.900						
		Móng M2: 6x1,8x1,8x0,1		1.944						
		Móng M3: 2x2,4x2,4x0,1		1.152						
3	AF.61110	Sản xuất, lắp dựng cốt thép móng, đường kính ≤10mm	tấn	0,016	16.989.480	1.756.570	73.294	271.832	28.105	1.173
4	AF.61120	Sản xuất, lắp dựng cốt thép móng, đường kính ≤18mm	tấn	0,396	17.184.840	1.294.151	369.001	6.805.197	512.484	146.124
5	AF.61130	Sản xuất, lắp dựng cốt thép móng, đường kính >18mm	tấn	0,296	17.196.720	985.355	381.251	5.090.229	291.665	112.850
6	AF.81122	Sản xuất, lắp dựng tháo dỡ ván khuôn cho bê tông đổ tại chỗ, ván khuôn gỗ móng cột vuông	100m ²	0,249	2.545.301	4.608.668		633.780	1.147.558	
		→ Đổ móng								
		Móng M1: 4x4x1,3x0,2/100		0,042						
		Móng M2: 6x4x1,6x0,2/100		0,077						
		Móng M3: 2x4x2,2x0,25/100		0,044						

Hình 1.9 – Diễn giải tính toán khối lượng

Chú ý: với phép tính diễn giải có ký hiệu cấu kiện chứa con số sau cùng để số đó không tham gia vào phép tính bạn nhập dấu hai chấm (:) và dấu cách (khoảng trắng tạo ra bằng phím **Space**) hoặc chỉ cần dấu cách hoặc dấu chấm (.) sau cùng.

III. CÁC KÊNH HỖ TRỢ VÀ ĐÀO TẠO GIÁ XÂY DỰNG

1. Trang DutoanGXD.vn và Giaxaydung.vn

Truy cập website <http://dutoangxd.vn> hoặc diễn đàn <http://giaxaydung.vn> các bạn có thể trao đổi, thảo luận chuyên môn, nhờ trợ giúp và tải dữ liệu và tải Thuyết minh, hướng dẫn áp dụng của các bộ đơn giá địa phương...

Website <http://dutoangxd.vn> chỉ dành riêng cho thành viên là người sử dụng phần mềm bản quyền đăng ký và tham gia.

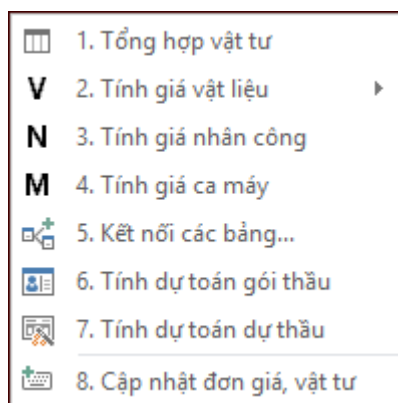
2. Các Website học tập, đào tạo khác

Website <http://youtube.com/giaxaydung> là một kênh video các bạn không thể bỏ qua khi làm việc với các phần mềm GXD của Giá Xây Dựng với nhiều video hướng dẫn sử dụng phần mềm, hướng dẫn chuyên môn nghiệp vụ xây dựng.

Các địa chỉ <http://facebook.com/giaxaydungvn>; <https://facebook.com/giaxaydung> và <https://facebook.com/groups/nghexaydung> là nơi bạn có thể thảo luận, học tập và cập nhật thông tin mới nhất về cập nhật phần mềm, dữ liệu, số liệu...

PHẦN 2. CÁC MENU LỆNH CỦA DỰ TOÁN GXD

I. MENU CHI PHÍ XÂY DỰNG



Hình 2.1 – Menu Chi phí xây dựng

1. Tổng hợp vật tư

Lệnh này sẽ tổng hợp danh mục và khối lượng hao phí của các vật tư để xây dựng công trình tương ứng với các công việc trong sheet dự toán.

BẢNG TỔNG HỢP VÀ TÍNH CHỈNH LỆCH VẬT TƯ XÂY DỰNG									
CÔNG TRÌNH: CÁC PHẦN MỀM QUẢN LÝ CHI PHÍ ĐTXD CT									
HẠNG MỤC: PHẦN MỀM DỰ TOÁN GXD 10									
ĐVT: đồng									
STT	MSVT	TÊN VẬT TƯ	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	GIÁ VẬT TƯ ỐC	GIÁ VẬT TƯ TẠI THỜI ĐIỂM LẬP DỰ TOÁN	CHỈNH LỆCH	THÀNH TIỀN	NGUỒN
1	2	3	4	5	6	7	8=[7]-[6]	9=[5]*[8]	10
Vật liệu									
1	V10135	Cát vàng đỏ bê tông	m ³	2,85	189.000	189.000			
2	V10280	Đá 1x2	m ³	5,35	214.000	214.000			
3	V10543	Nước	lít	1.126,65	5	5			
4	V10896	Xi măng PC30	kg	2.086,84	1.045	1.045			
		Vật liệu khác	%						
Nhân công									
5	N1307	Nhân công 3,0/7 (nhóm 1)	công	15,00	199.123	199.123			
6	N1357	Nhân công 3,5/7 (nhóm 1)	công	3,54	216.523	216.523			
Máy thi công									
7	M0355	Đàn dùi 1,5Kw	ca	0,84	230.940	230.940			
8	M0313	Máy trộn bê tông 250l	ca	0,57	270.051	270.051			
		Máy khác	%						

2. Tính giá vật liệu



Hình 2.2 – Lệnh tính giá vật liệu

2.1. Tính giá vật liệu hiện trường

Bạn chạy lệnh 1. **Bảng giá vật liệu hiện trường** sẽ có bảng để tính giá vật liệu tới hiện trường xây dựng.

BẢNG TÍNH GIÁ VẬT LIỆU ĐẾN HIỆN TRƯỜNG XÂY DỰNG

Hiện/ Ẩn chi phí trung chuyển: **C** Tích vào để hiện/ ẩn chi phí trung chuyển

Hiện/ Ẩn chi phí hiện trường: **C** Tích vào để hiện/ ẩn chi phí hiện trường

QUẢN LÝ CHI PHÍ ĐTXD CT

M DỰ TOÁN GXD 10

Bốc xếp, vận chuyển nội bộ lấy NC nhóm 1, bậc 3/7: đồng/công ĐVT: đồng

STT	MSVT	LOẠI VẬT LIỆU	ĐƠN VỊ	TRONG LƯỢNG ĐƠN VỊ	NGUỒN MUA	PHƯƠNG TIỆN VẬN CHUYỂN	GIÁ VẬT LIỆU TẠI NGUỒN CUNG CẤP	LOẠI ĐƯỜNG	CỰ LY (km)	GIÁ CƯỚC	HỆ SỐ BẮC HẰNG	HỆ SỐ ĐỒ ĐEN	CHI PHÍ LƯU THÔNG KHÁC (nếu có)	GIÁ VẬT LIỆU ĐẾN CÔNG TRÌNH	GIÁ VẬT LIỆU ĐẾN HIỆN TRƯỜNG CÔNG TRÌNH
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]	[7]	[8]	[9]	[10]	[11]	[12]	[13]	[14]	[15]	[16]
1	V10135	Cát vàng đỏ bê tông	m³	1,450			189.000				1	1		189.000	
2	V10280	Đá 1x2	m³	1,600			214.000				1	1		214.000	
3	V10543	Nước	lít				5				1	1		5	
4	V10896	Xi măng PC30	kg	0,001			1.045				1,3	1		1.045	

Hình 2.2a – Bảng tính giá vật liệu hiện trường

Để chèn thêm cự ly vận chuyển, tích chuột phải vào vật liệu và chọn lệnh *Chèn thêm cự ly vận chuyển*. Để xóa bớt cự ly vận chuyển, tích chuột phải vào cự ly cần xóa và chọn lệnh *Xóa cự ly*.

BẢNG TÍNH GIÁ VẬT LIỆU ĐẾN HIỆN TRƯỜNG XÂY DỰNG

Hiện/ Ẩn chi phí trung chuyển: **C** Tích vào để hiện/ ẩn chi phí trung chuyển

Hiện/ Ẩn chi phí hiện trường: **C** Tích vào để hiện/ ẩn chi phí hiện trường

QUẢN LÝ CHI PHÍ ĐTXD CT

M DỰ TOÁN GXD 10

Bốc xếp, vận chuyển nội bộ lấy NC nhóm 1, bậc 3/7: đồng/công ĐVT: đồng

Chèn thêm cự ly vận chuyển

Xóa cự ly

Chèn đường

Chèn nhiều cự ly một lúc bằng cách bôi nhiều dòng

STT	MSVT	LOẠI VẬT LIỆU	ĐƠN VỊ	TRONG LƯỢNG ĐƠN VỊ	NGUỒN MUA	PHƯƠNG TIỆN VẬN CHUYỂN	GIÁ VẬT LIỆU TẠI NGUỒN CUNG CẤP	LOẠI ĐƯỜNG	CỰ LY (km)	GIÁ CƯỚC	HỆ SỐ BẮC HẰNG	HỆ SỐ ĐỒ ĐEN	CHI PHÍ LƯU THÔNG KHÁC (nếu có)	GIÁ VẬT LIỆU ĐẾN CÔNG TRÌNH	GIÁ VẬT LIỆU ĐẾN HIỆN TRƯỜNG CÔNG TRÌNH
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]	[7]	[8]	[9]	[10]	[11]	[12]	[13]	[14]	[15]	[16]
1	V10135	Cát vàng đỏ bê tông	m³	1,450			189.000				1	1		189.000	
2	V10280	Đá 1x2	m³	1,600			214.000				1	1		214.000	
3	V10543	Nước	lít				5				1	1		5	
4	V10896	Xi măng PC30	kg	0,001			1.045				1,3	1		1.045	

Hình 2.2b – Thêm nhiều cự ly vận chuyển

2.2. Phân tích vữa

Khi chiết tính đơn giá công việc sử dụng vật liệu vữa (*không phân tích chi tiết X:C:Đ:N*), để có giá vữa bạn dùng lệnh **2. Bảng giá vữa**.

BẢNG GIÁ VỮA THI CÔNG XÂY DỰNG

CÔNG TRÌNH: CÁC PHẦN MỀM QUẢN LÝ CHI PHÍ ĐTXD CT

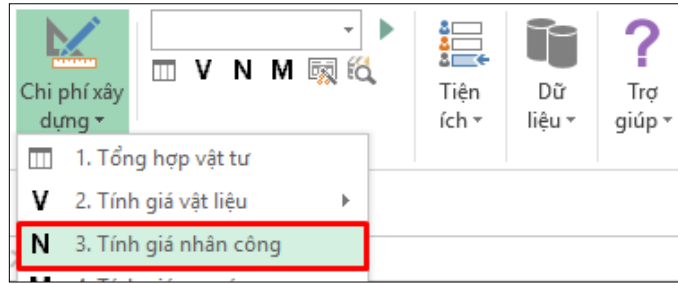
HẠNG MỤC: PHẦN MỀM DỰ TOÁN GXD 10

ĐVT: đồng

STT	MÃ VỮA	MSVT	LOẠI VẬT LIỆU	ĐƠN VỊ	ĐỊNH MỨC	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]	[7]	[8]=[6]*[7]
1	C2122		Vữa bê tông M150, XM PC30, cát vàng, đá 1x2, độ sụt 2 - 4cm	m³			578.329
		V10896	Xi măng PC30	kg	281	1.045	293.645
		V10135	Cát vàng đỏ bê tông	m³	0,493	189.000	93.177
		V10280	Đá 1x2	m³	0,891	214.000	190.674
		V10543	Nước	lít	185	5	833

Hình 2.2c – Bảng giá vữa thi công xây dựng

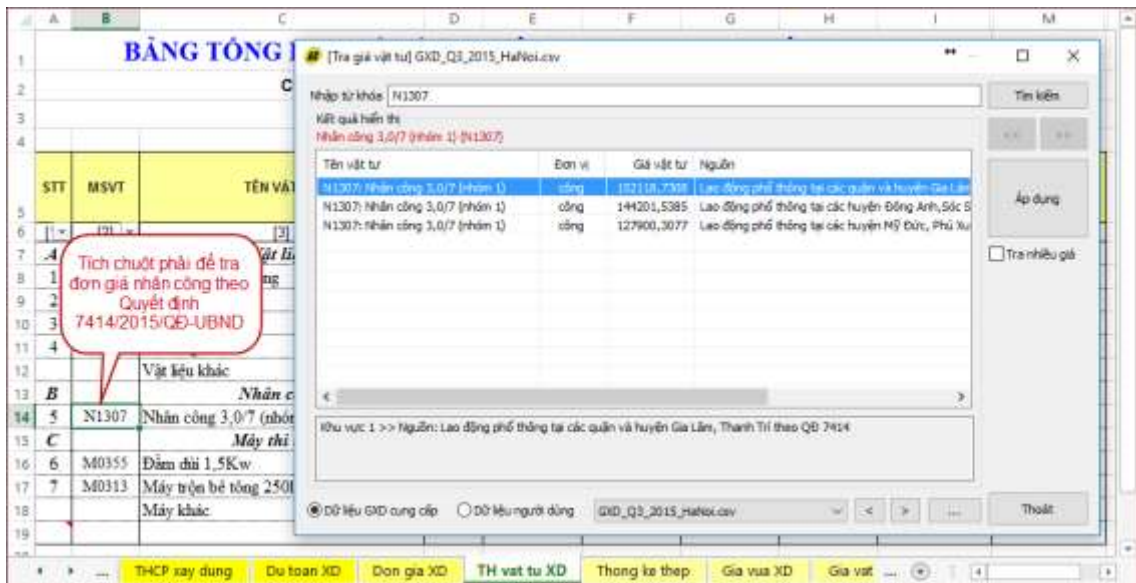
3. Tính giá nhân công



Hình 2.3 – Lệnh tính giá nhân công

Chạy lệnh **4. Tính giá nhân công/ 1 Bảng giá nhân công** để tính ra bảng lương nhân công xây dựng dựa trên thông số tiền lương ở sheet **Ts** và hệ số lương theo **Tùy chọn** ban đầu của bạn theo Thông tư số 05/2016/TT-BXD của Bộ Xây dựng hay theo Nghị định số 205/2004/NĐ-CP.

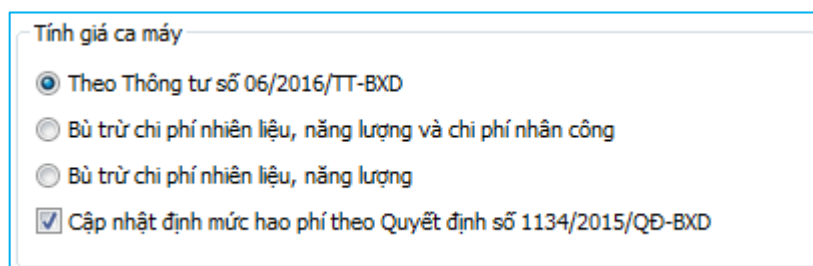
Để tính Đơn giá nhân công theo Quyết định 7414/QĐ-UBND thành phố Hà Nội, tại bảng Tổng hợp vật tư XD kích chuột phải vào MSVT Nhân công. Sau đó lựa chọn đơn giá nhân công theo từng khu vực lập dự toán.



Hình 2.3a – Tính đơn giá nhân công theo Quyết định 7414/QĐ- UBND

4. Tính giá ca máy

Chạy lệnh tính giá ca máy bằng tính sẽ theo lựa chọn trong **Tùy chọn/Tab Vật tư**. Như vậy cần chọn cách tính giá ca máy trước khi chạy lệnh.



Hình 2.4a – Tùy chọn cách tính giá ca máy

4.1. Theo Thông tư số 06/2016/TT-BXD

BẢNG TÍNH BÙ GIÁ CA MÁY (ĐƠN GIẢN)											
CÔNG TRÌNH: CÁC PHẦN MỀM QUẢN LÝ CHI PHÍ ĐTXD CT											
HẠNG MỤC: PHẦN MỀM DỰ TOÁN GXD 10											
STT	MSVT	LOẠI MÁY, THIẾT BỊ	ĐÌNH MỨC TIÊU HAO NHIÊN LIỆU, NĂNG LƯỢNG T CA (C _m)	HỆ SỐ NHIÊN LIỆU PHỤ	THÀNH PHẦN CẤP BÁC THỢ ĐIỀU KHIỂN MÁY	CHI PHÍ NHIÊN LIỆU, NĂNG LƯỢNG TAI THỜI ĐIỂM GỐC	CHI PHÍ TIỀN LƯƠNG TAI THỜI ĐIỂM GỐC	GIÁ CA MÁY GỐC	CHI PHÍ NHIÊN LIỆU, NĂNG LƯỢNG TAI THỜI ĐIỂM CHỈNH	CHI PHÍ TIỀN LƯƠNG TAI THỜI ĐIỂM CHỈNH	GIÁ CA MÁY ĐIỀU CHỈNH (C _{caec})
1	M0355	Đầm dĩa 1,5Kw	6,75 kWh	1,07	1x3/7	8.970	212.508	230.940	11.715	127.900	149.077
2	M0313	Máy trộn bê tông 250l	10,80 kWh	1,07	1x3/7	14.353	212.508	270.051	18.744	127.900	189.834

Hình 2.4b – Bảng giá ca máy theo Thông tư số 06/2016/TT-BXD

Bảng Giá ca máy mới được tính theo công thức (6.1) trong phụ lục số 06 – Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2016/TT-BXD của Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp xác định giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng để lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình.

4.2. Bù trừ chi phí nhiên liệu, năng lượng và chi phí nhân công

BẢNG TÍNH BÙ GIÁ CA MÁY (ĐƠN GIẢN)											
CÔNG TRÌNH: CÁC PHẦN MỀM QUẢN LÝ CHI PHÍ ĐTXD CT											
HẠNG MỤC: PHẦN MỀM DỰ TOÁN GXD 10											
STT	MSVT	LOẠI MÁY, THIẾT BỊ	ĐÌNH MỨC TIÊU HAO NHIÊN LIỆU, NĂNG LƯỢNG T CA (C _m)	HỆ SỐ NHIÊN LIỆU PHỤ	THÀNH PHẦN CẤP BÁC THỢ ĐIỀU KHIỂN MÁY	CHI PHÍ NHIÊN LIỆU, NĂNG LƯỢNG TAI THỜI ĐIỂM GỐC	CHI PHÍ TIỀN LƯƠNG TAI THỜI ĐIỂM GỐC	GIÁ CA MÁY GỐC	CHI PHÍ NHIÊN LIỆU, NĂNG LƯỢNG TAI THỜI ĐIỂM CHỈNH	CHI PHÍ TIỀN LƯƠNG TAI THỜI ĐIỂM CHỈNH	GIÁ CA MÁY ĐIỀU CHỈNH (C _{caec})
1	M0355	Đầm dĩa 1,5Kw	6,75 kWh	1,07	1x3/7	8.970	212.508	230.940	11.715	127.900	149.077
2	M0313	Máy trộn bê tông 250l	10,80 kWh	1,07	1x3/7	14.353	212.508	270.051	18.744	127.900	189.834

Hình 2.4c – Bảng tính bù giá ca máy đơn giản

Phương pháp bù giá ca máy này xem **nguyên giá máy** là không thay đổi qua các năm, tức là các chi phí khấu hao, chi phí sửa chữa, chi phí khác sẽ không đổi. Chỉ tính bù giá cho chi phí nhiên liệu, năng lượng và chi phí tiền lương thợ điều khiển máy.

4.3. Bù trừ chi phí nhiên liệu, năng lượng

Sử dụng phương pháp này khi lập dự toán có dùng hệ số điều chỉnh máy thi công để tính chi phí chi phí máy thi công thời điểm hiện tại, nhưng hệ số điều chỉnh chi phí giá ca máy lại chưa tính đến chênh lệch về giá nhiên liệu, năng lượng.

BẢNG TÍNH BÙ NHIÊN LIỆU										AK	AL	AM	AN	AO
CÔNG TRÌNH: CÁC PHẦN MỀM QUẢN LÝ CHI PHÍ ĐTXD CT										G _{ng} gốc:	19.909	19.545	1.622	
HẠNG MỤC: PHẦN MỀM DỰ TOÁN GXD 10										G _{ng} hiện tại:	13.582	9.427	1.622	
										G _{ng} chênh lệch:	-6.327	-10.118		
STT	MSVT	LOẠI MÁY, THIẾT BỊ	HAO PHÉ CA MÁY	ĐINH MỨC TIỂU HAO NHIÊN LIỆU, NĂNG LƯỢNG 1 CA (C _{nh})	HỆ SỐ NHIÊN LIỆU PHỤ	TỔNG HAO PHÉ NHIÊN LIỆU	CHÉNH LỆCH CHI PHÍ MTC DO CHÉNH LỆCH GIÁ NHIÊN							
[1]	[2]	[3]		[9]	[10]									
1	M0355	Đàn dùi 1,5Kw	0,92	6,75 kWh	1,07	6,67								
2	M0313	Máy trộn bê tông 250l	0,63	10,80 kWh	1,07	7,25								
		Tổng												

Hình 2.4d – Bảng tính bù nhiên liệu

5. Kết nối các bảng

Chạy lệnh này sẽ hiện ra hộp thoại, chọn các bảng cần kết nối rồi bấm **Chấp thuận**.

Kết nối các bảng

Chọn hạng mục để kết nối

Tất cả hạng mục

Bảng tổng hợp vật tư

☐ Nối giá vật liệu từ bảng Giá vật liệu hiện trường
☒ Nối giá nhân công từ bảng Lương nhân công
☐ Nối giá ca máy từ bảng Giá ca máy
☐ Nối giá vữa từ bảng Giá vữa

Bảng đơn giá chi tiết

☐ Nối giá vật tư từ bảng Tổng hợp vật tư
☐ Nối đơn giá vào bảng Dự toán

Bảng giá vữa

☐ Nối giá vật liệu từ bảng Giá vật liệu hiện trường

Chấp nhận

Hủy

Hình 2.5 – Các lựa chọn kết nối

Bảng tổng hợp vật tư: Nối giá vật liệu, vữa, nhân công, máy thi công từ các bảng tính toán về bảng Tổng hợp vật tư.

Bảng đơn giá chi tiết: Nối giá vật tư từ bảng Tổng hợp vật tư về và nối đơn giá về bảng Dự toán

Bảng giá vữa: Nội giá các vật liệu cấu thành (X:C:Đ:N) đã được tính toán từ bảng Giá vật liệu hiện trường về bảng giá vữa

6. Tính dự toán gói thầu

Tùy chọn này sử dụng khi cần tính dự toán gói thầu. Sau khi tích chọn, sheet **THDT Gói thầu XD** sẽ hiện ra để chỉnh sửa.

BẢNG DỰ TOÁN GÓI THẦU THI CÔNG XÂY DỰNG										
CÔNG TRÌNH: CÁC PHẦN MỀM QUẢN LÝ CHI PHÍ ĐTXD CT										
ĐVT: đồng										
STT	HẠNG MỤC	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	GIÁ TRỊ TRƯỚC THUẾ	THUẾ GTGT	GIÁ TRỊ SAU THUẾ	KÝ HIỆU	ĐMTL	
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]	[7]	[8]	[9]		
1	Chi phí xây dựng của gói thầu				1.024.784.507	102.478.451	1.127.262.958	G _{XD}		
7	Sản xuất cầu kiện bê tông đúc sẵn, bê tông cọc cừ, vữa bê tông đá 1x2 mác 150	m ³	13	81.733	1.062.527	106.253	1.168.780			
8	Làm lớp móng cát vàng gia cố xi măng, trạm trộn 50m3/h, tỷ lệ xi măng 8%	100m ³	7	2.786.100	19.502.697	1.950.270	21.452.967			
9	Sản xuất, lắp dựng và kéo hỗn hợp gỗ mui ngói khẩu độ ≤9m	m ³	90	365.106	32.859.563	3.285.956	36.145.519			
10	Chi phí hạng mục chung				35.867.458	3.586.746	39.454.204	C _{HMC}		
11	Chi phí xây dựng nhà tạm tại hiện trường để ở và điều hành thi công				10.247.845	1.024.785	11.272.630	C _{NT}	1,00%	
12	Chi phí một số công tác không xác định được khối lượng từ thiết kế				25.619.613	2.561.961	28.181.574	C _{KKZ}	2,50%	
13	Chi phí hạng mục chung khác							C _K		
14	Chi phí di chuyển thiết bị thi công và lực lượng lao động đến công trường									
15	Chi phí đảm bảo an toàn giao thông phục vụ thi công									
16	...									
17	Chi phí dự phòng						85.170.353	G _{DP}		
18	Chi phí dự phòng cho yếu tố khối lượng phát sinh				53.032.598	5.303.260	58.335.858		5,00%	
19	Chi phí dự phòng cho yếu tố trượt giá				24.394.995	2.439.500	26.834.495		2,30%	
20	TỔNG CỘNG (1+2+3)						1.251.887.515	G _{GTXD}	10,00%	
(Bảng chú: Một tỷ hai trăm năm mươi một triệu tám trăm tám mươi bảy nghìn năm trăm mười lăm đồng.)										
<div> THDT gói thầu XD THCP xây dựng Dự toán XD Đơn giá XD TH vật tư XD Thông kê thép </div>										

Hình 2.6a – Bảng dự toán gói thầu thi công xây dựng

7. Tính dự toán dự thầu

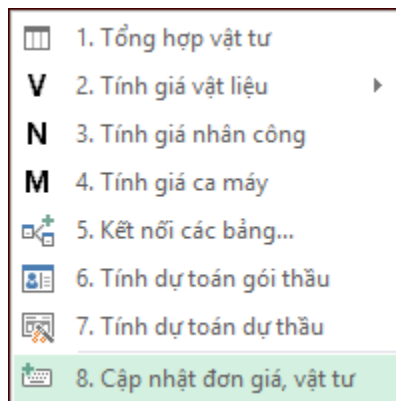
Sau khi lập xong dự toán và có được **Tổng hợp chi phí xây dựng**. Bạn chạy lệnh Tính dự toán dự thầu nếu cần xuất ra bảng dự toán gói thầu và bảng giá dự thầu để tham gia trong công tác đấu thầu.

BẢNG DỰ TOÁN DỰ THẦU THI CÔNG XÂY DỰNG						
CÔNG TRÌNH: CÁC PHẦN MỀM QUẢN LÝ CHI PHÍ ĐTXD CT						
HẠNG MỤC: PHẦN MỀM DỰ TOÁN GXD 10						
STT	MÃ HIỆU	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]	[7]=[5]*[6]
1	AG.11122	Sản xuất cầu kiện bê tông đúc sẵn, bê tông cọc cừ, vữa bê tông đá 1x2 mác 150	m ³	2,00	1.421.787	2.843.573
2	AG.11124	Sản xuất cầu kiện bê tông đúc sẵn, bê tông cọc cừ, vữa bê tông đá 1x2 mác 250	m ³	2,00	1.577.394	3.154.788
3	AG.11213	Sản xuất cầu kiện bê tông đúc sẵn, bê tông xà dầm, vữa bê tông đá 1x2 mác 200	m ³	2,00	1.226.816	2.453.632
		TỔNG CỘNG				8.451.994

Hình 2.6b – Bảng Dự toán dự thầu

8. Cập nhật đơn giá, vật tư

Khi bạn tra thêm các công việc vào bảng dự toán thì sẽ xuất hiện các vật tư mới bên bảng Đơn giá chi tiết hay khi sửa/ thêm/ bớt vật tư trong công tác vận dụng hoặc tạm tính thì các vật tư mới chưa được đưa sang bảng tổng hợp vật tư. Để đưa sang mà không làm thay đổi các giá trị cũ đã có thì bạn chạy lệnh này.



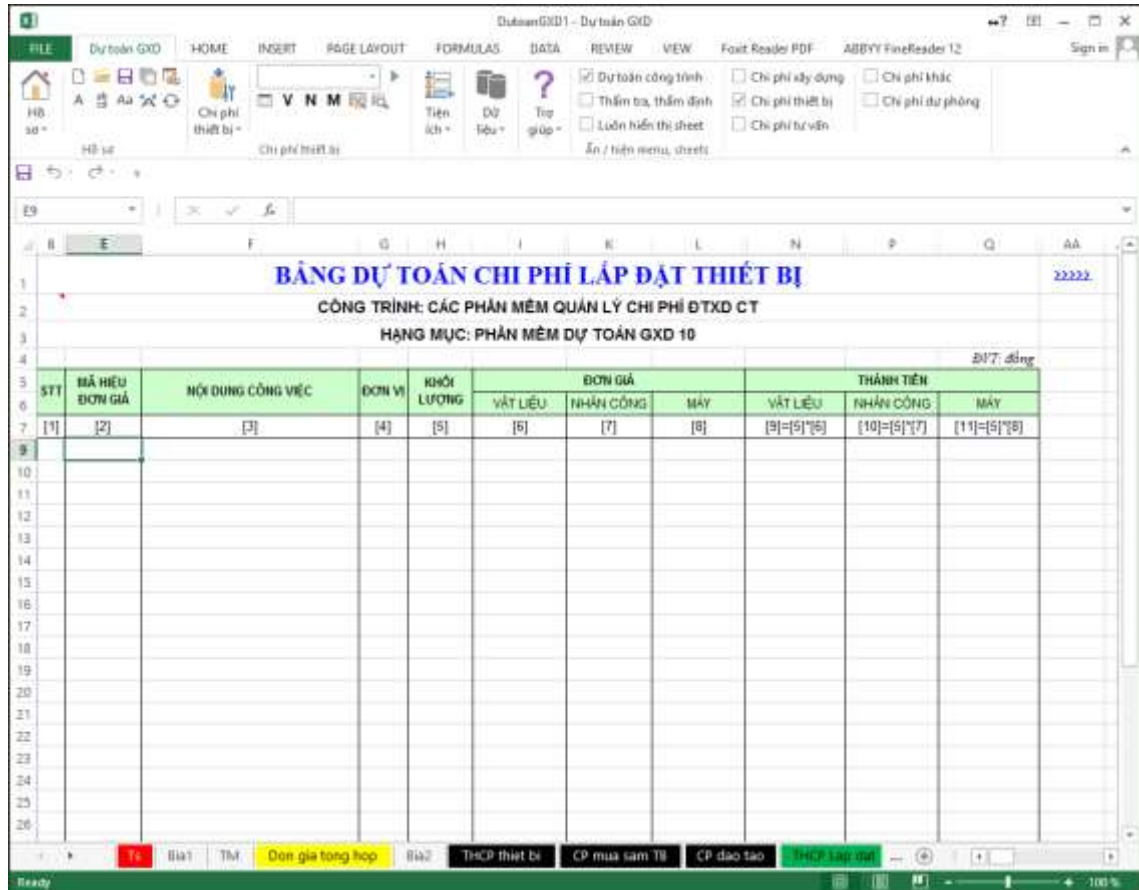
Hình 2.7 – Lệnh cập nhật đơn giá, vật tư

Phần mềm sẽ cập nhật chính xác lại các công thức tính trong bảng đơn giá chi tiết và đưa những vật tư mới sang bảng tổng hợp vật tư, bảng vật liệu hiện trường (nếu tính), bảng giá nhân công, giá ca máy đúng như trình tự bấm các lệnh trước khi cập nhật.

II. MENU CHI PHÍ THIẾT BỊ

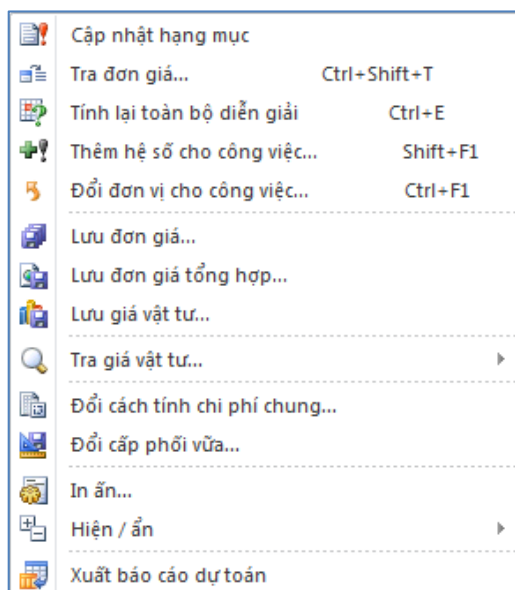
Menu này gồm các lệnh điều khiển các sheet tính toán chi phí thiết bị. Các lệnh trên menu tương tự như menu **Chi phí xây dựng**.

Để thực hiện lập dự toán chi phí phần thiết bị, bạn kích chọn biểu tượng trên menu Ribbon để khởi động các menu lệnh, nút lệnh thuộc phần thiết bị. Sau đó phần mềm sẽ đổi sang hệ thống các sheet, lệnh, nút lệnh để lập dự toán **Chi phí thiết bị**.



Hình 2.8 – Giao diện phần dự toán chi phí thiết bị

III. MENU TIỆN ÍCH



Hình 2.9 – Menu phần tiện ích

1. Cập nhật hạng mục

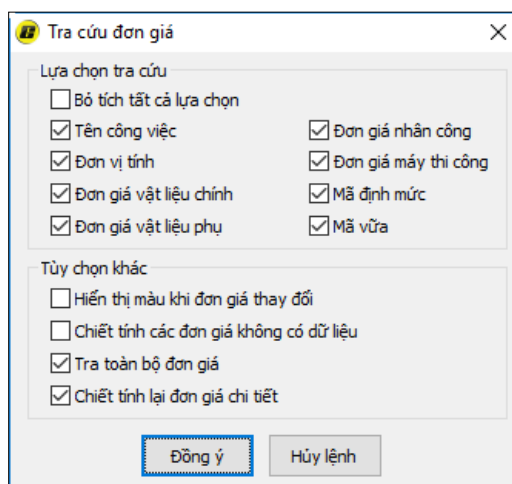
Khi thay đổi từ bảng tổng hợp chi phí theo dạng bảng này sang dạng bảng khác như đã trình bày ở phần **Tùy chọn/ Bảng tổng hợp chi phí**, cần dùng lệnh này để tính lại các bảng tổng hợp vật tư, vật liệu hiện trường, lương nhân công, giá ca máy và link lại các ô giá trị cho chính xác.

Lưu ý: Khi copy dữ liệu từ file dự toán khác sang. Nếu dữ liệu copy có chứa Hạng mục. Các bạn phải sử dụng lệnh Cập nhật hạng mục trước tiên.

2. Tra lại đơn giá

Lệnh: **Tiện ích/ Tra đơn giá** Phím tắt: **Ctrl + Shift + T**

Lệnh này có thể tra lại đơn giá và phân tích lại đơn giá chi tiết cho 1 công tác, cho toàn bộ bảng dự toán hoặc chỉ một vài công tác được lựa chọn. Sử dụng chủ yếu trong các trường hợp chạy lại dự toán.



Hình 2.10a – Hộp thoại tra cứu lại đơn giá

2.1. Lựa chọn tra cứu

Tích vào các nội dung muốn tra cứu lại theo Đơn giá địa phương đã lựa chọn. Bỏ tích để giữ nguyên các nội dung đó trong bảng Dự toán.

2.2. Tùy chọn khác

- Thực hiện chiết tính đơn giá

Mặc định phần mềm đang tích chọn để thực hiện phân tích lại đơn giá chi tiết khi tra lại đơn giá. Bỏ tích nếu chỉ muốn tra lại đơn giá công tác trong bảng Dự toán.

- Chiết tính các đơn giá không có dữ liệu

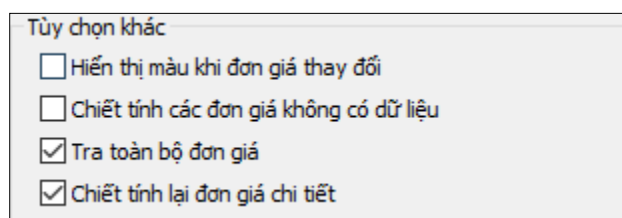
Với các đơn giá không có trong dữ liệu (công tác vận dụng, tạm tính), phần mềm sẽ vẫn tiến hành phân tích đơn giá chi tiết.

- Tra toàn bộ đơn giá: Thực hiện tra cứu lại toàn bộ các công tác trong bảng Dự toán. Bỏ tích để chỉ tra lại các công tác đã được lựa chọn.

- Hiển thị màu khi đơn giá thay đổi: Các đơn giá Vật liệu, Nhân công, Máy sau khi được tra lại sẽ có màu.

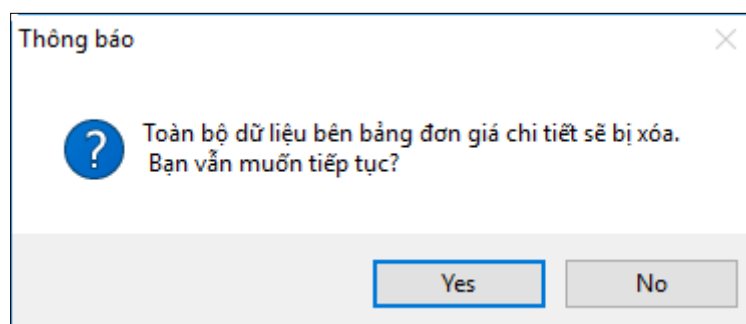
Lưu ý:

- Trước khi chạy lệnh này chú ý: Phải lựa chọn Đơn giá địa phương bạn sẽ dùng để lập dự toán (hoặc như trong “file dự toán gốc bạn lấy dữ liệu” đã sử dụng).
- Khi tích đồng thời *Thực hiện chiết tính đơn giá* và *Tra toàn bộ đơn giá*



Hình 2.10b – Lựa chọn Chiết tính lại toàn bộ đơn giá

Hộp thoại thông báo hiện lên, bấm *Yes* để xóa toàn bộ Bảng đơn giá chi tiết và tiến hành phân tích lại đơn giá toàn bộ các công tác bên bảng Dự toán.



Hình 2.10c – Hộp thoại thông báo Chiết tính lại toàn bộ đơn giá

3. Tính lại toàn bộ diễn giải

Sử dụng lệnh này khi copy dữ liệu từ các file dự toán khác có diễn giải khối lượng chi tiết hoặc muốn tính lại các công thức tính toán khối lượng.

Lệnh: **Tiện ích/ Tính lại toàn bộ diễn giải**

Phím tắt: **Ctrl + E**

BẢNG DỰ TOÁN CHI PHÍ XÂY DỰNG									
CÔNG TRÌNH: CÁC PHẦN MỀM QUẢN LÝ CHI PHÍ ĐTXD CT									
HẠNG MỤC: PHẦN MỀM DỰ TOÁN GXD 10									
STT	MÃ HIỆU ĐƠN GIÁ	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ				TỔNG
					VẬT LIỆU	NHÂN CÔNG	MÁY	VẬT LIỆU	
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]	[7]	[8]	[9]=[5]*[6]	[10]
1	AG.11122	Sản xuất cầu kiện bê tông đúc sẵn, bê tông cọc cừ đá 1x2, vữa bê tông mác 150	m³	2,16	589.938	746.711	58.704	1.274.267	
		12x0,3x0,6		2,16					
2	AG.11123	Sản xuất cầu kiện bê tông đúc sẵn, bê tông cọc cừ đá 1x2, vữa bê tông mác 200	m³	4,8	647.498	746.711	58.704	3.107.991	
		15x0,4x0,8		4,8					
3	AG.11124	Sản xuất cầu kiện bê tông đúc sẵn, bê tông cọc cừ đá 1x2, vữa bê tông mác 250	m³	7,02	706.997	746.711	58.704	4.963.120	
		13x0,6x0,9		7,02					

Bảng 2.11 – Khối lượng công việc sau khi tính lại diễn giải

4. Thêm hệ số cho công việc

Lệnh: **Tiện ích/ Thêm hệ số cho công việc**

Phím tắt: **Shift + F1**

Khi lập dự toán có một số công tác phải thêm hệ số do định mức, đơn giá đang lập cho trường hợp tổng quát, khi ở các điều kiện thi công khác nhau sẽ được áp dụng điều chỉnh bằng một hệ số cho phù hợp.

Kích vào công tác (hoặc nhiều công tác) cần thêm hệ số, bấm lệnh **Thêm hệ số cho công việc** (hoặc phím tắt **Shift+F1**) và nhập hệ số phù hợp/ **Đồng ý**.

Các hệ số đơn giá

Tùy chọn

Đơn giá (HSDG)

Vật liệu chính (HSVLC)

Vật liệu phụ (HSVLP)

Nhân công (HSNC)

Máy thi công (HSMTC)

☐ Thay đổi thành hệ số duy nhất

Đồng ý

Hủy lệnh

Bảng 2.12 – Hộp thoại thêm hệ số cho công tác

Thay đổi thành hệ số duy nhất: Sử dụng trong trường hợp muốn thay đổi hệ số khác hoặc sửa lại hệ số đã thêm.

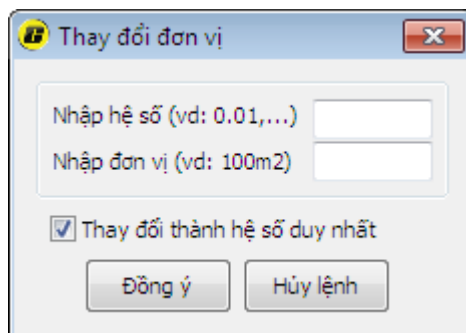
5. Đổi đơn vị tính cho công tác

Lệnh: *Tiện ích/ Đổi đơn vị cho công việc*

Phím tắt: **Ctrl + F1**

Sử dụng khi cần đổi đơn vị tính của công việc cho phù hợp (nhất là khi dùng phần mềm Dự toán GXD để lập giá dự thầu).

Kích vào công tác cần đổi đơn vị tính/ bấm lệnh *Đổi đơn vị cho công việc* (hoặc phím tắt **Ctrl+F1**) và nhập hệ số đơn vị mới so với đơn vị cũ, đơn vị mới/ **Đồng ý**.

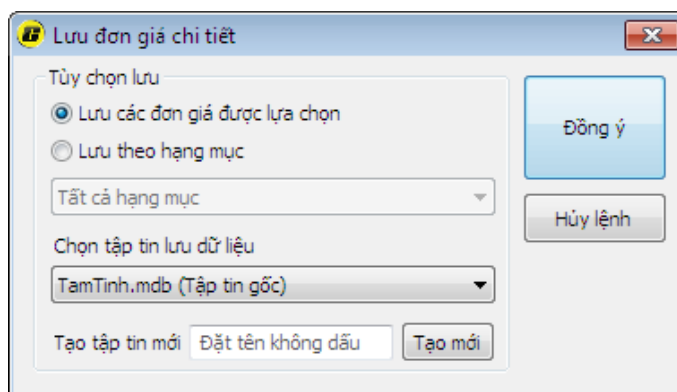


Hình 2.13 – Hộp thoại đổi đơn vị cho công tác

Tính năng này sử dụng được trong Sheet *Du toan XD,LD* sheet *Don gia XD,LD* và sheet *Don gia tong hop*.

6. Lưu đơn giá chi tiết

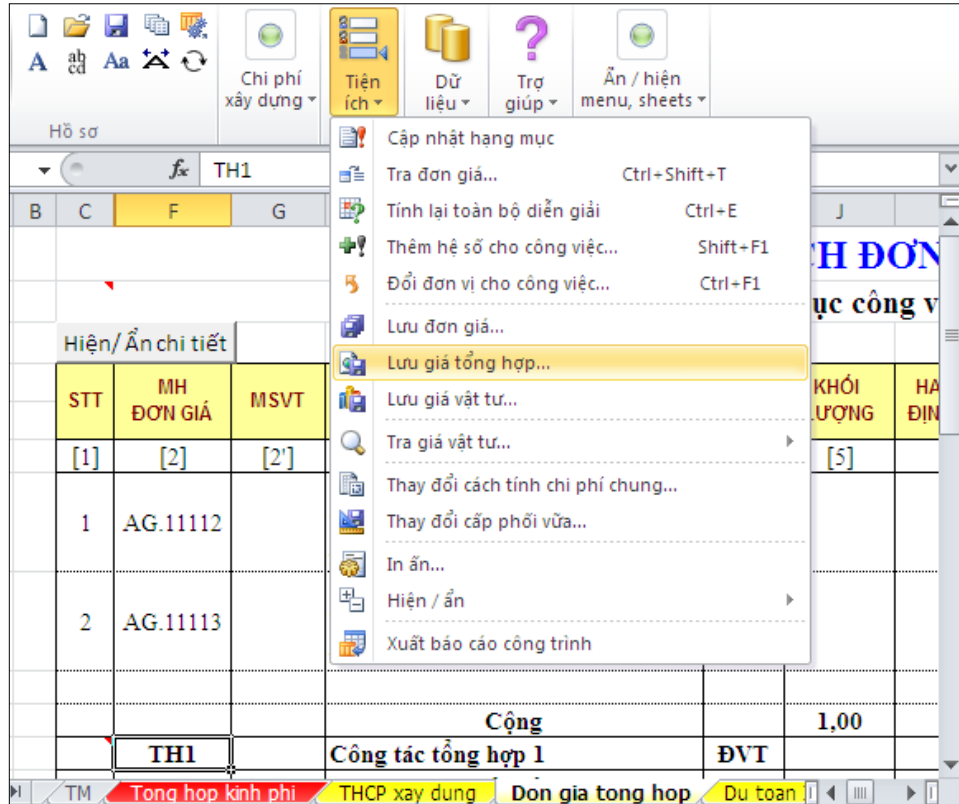
Sử dụng khi muốn lưu đơn giá chi tiết của một công tác nào đó, đặc biệt trong trường hợp các công tác tạm tính, vận dụng để sử dụng cho các công trình sau.



Hình 2.14 – Lưu đơn giá chi tiết

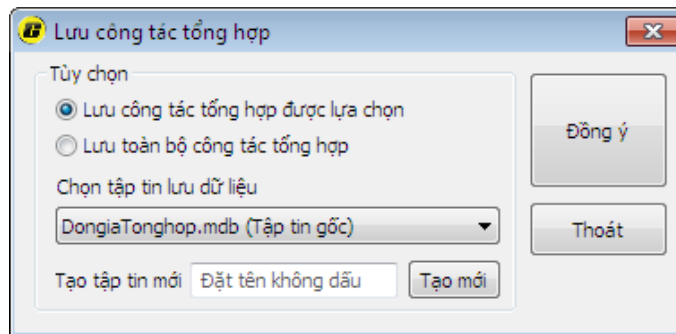
Để tra cứu đơn giá vận dụng hoặc tạm tính đã lưu, có thể gõ trực tiếp mã hiệu đơn giá. Trong một số trường hợp đặc biệt, thêm “+tt” vào cuối mã hiệu khi tra, phần mềm sẽ tự động bắt tới mã vận dụng hay tạm tính cần tìm.

7. Lưu giá xây dựng tổng hợp



Hình 2.15 – Công tác tổng hợp – lệnh Lưu giá tổng hợp

Bạn có thể đặt mã hiệu tùy ý cho công tác tổng hợp và dùng lệnh này khi muốn lưu đơn giá tổng hợp sử dụng cho các công trình sau. Tùy chọn để lưu công tác đang chọn hoặc lưu toàn bộ các đơn giá tổng hợp trên sheet **Đơn giá tổng hợp**. Cách chiết tính đơn giá tổng hợp sẽ được hướng dẫn chi tiết ở phần sau.



Hình 2.16 – Hộp thoại lưu công tác tổng hợp

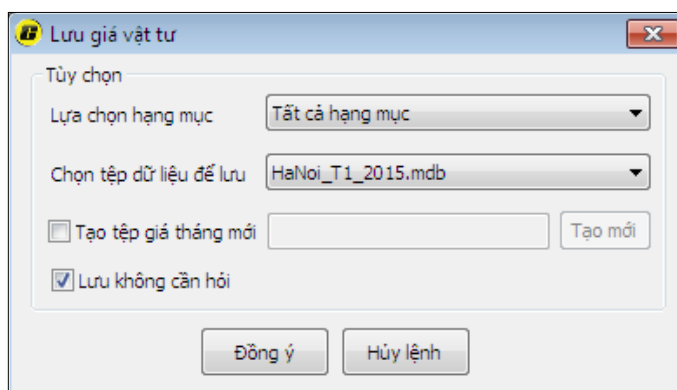
Gõ trực tiếp mã hiệu đơn giá tổng hợp để gọi lại công tác tổng hợp đã lưu. Hoặc gõ “TH” để mở hộp thoại lưu các đơn giá tổng hợp.

8. Lưu giá vật tư

Giá vật tư đã tra được ở cột **Giá vật tư tại thời điểm lập dự toán** nên lưu lại để sử dụng trong trường hợp chạy lại bảng tổng hợp hoặc dùng để lập dự trên một file dự toán công trình khác mà không cần phải tra cứu, nhập lại giá từng vật tư.

Hộp thoại lưu giá vật tư hiện ra, chỉ việc chọn hạng mục (nếu có) và tháng muốn lưu vào rồi bấm **Đồng ý**.

Bạn có thể tạo ra tệp giá tháng tùy ý bằng cách tích vào **Tạo tệp giá tháng mới/ Nhập tên tệp/ Tạo mới**.



Hình 2.17 – Hộp thoại lưu giá vật tư

Mặc định giá các vật tư được **Lưu không cần hỏi** bỏ tích khi muốn mỗi lần lưu vật tư sẽ hỏi có lưu vật tư đó hay không.

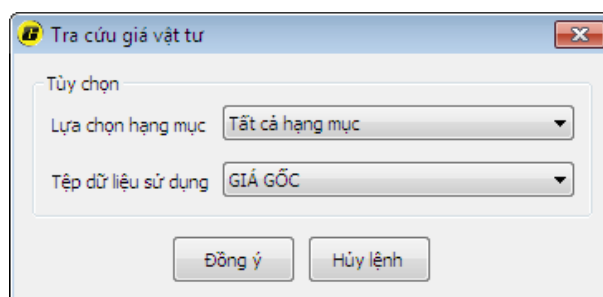
9. Tra giá vật tư

Lệnh này đưa ra 2 lệnh thứ cấp:



Hình 2.18 – Menu lệnh tra giá vật tư

9.1. Tra giá vật tư từ dữ liệu gốc



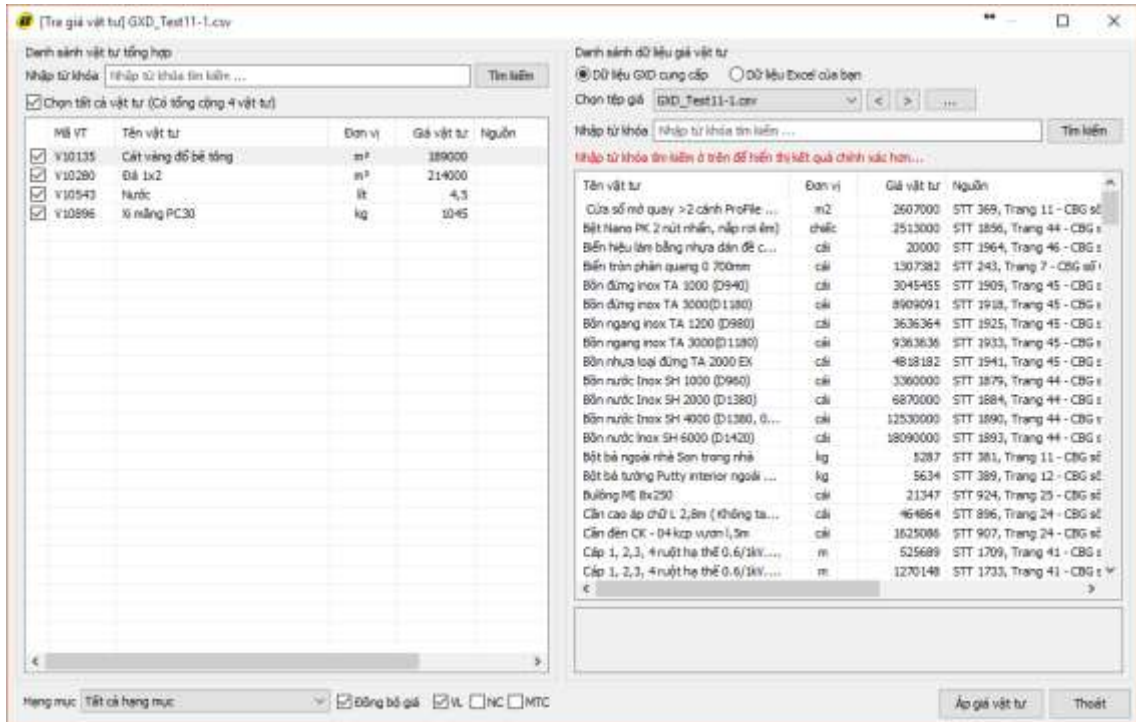
Hình 2.19 – Hộp thoại tra cứu giá vật tư từ dữ liệu gốc

Sau khi đã lưu được tệp giá tháng như mục 8 trên, có thể dùng lệnh này để tra lại các giá đã lưu.

9.2. Tra giá vật tư từ giá tháng thông báo

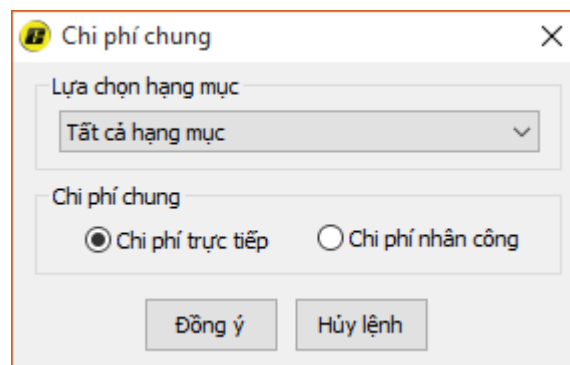
Công ty Cổ phần Giá Xây Dựng sẽ thu thập các tập Báo giá vật liệu xây dựng của các địa phương và các đơn vị cung cấp vật tư trên thị trường tổng hợp thành các tệp dữ liệu giá tháng.

Khách hàng sử dụng phần mềm GXD có thể mua các tập dữ liệu giá tháng này để tra giá vật tư.



Hình 2.20 – Hộp thoại tra cứu giá vật tư từ thông báo giá

10. Thay đổi cách tính chi phí chung

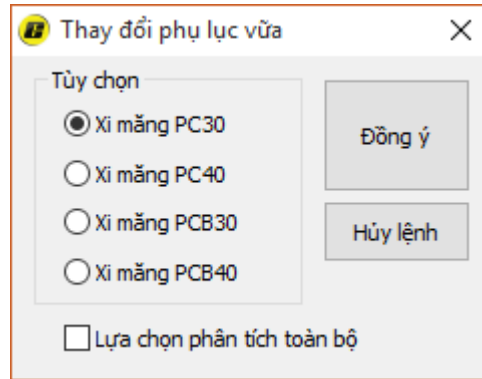


Hình 2.21 – Thay đổi cách tính chi phí chung

Khi mặc định trong **Tùy chọn** đang chọn Chi phí chung tính theo chi phí trực tiếp, nhưng sau khi phân tích rồi muốn thay đổi sang cách tính theo chi phí nhân công có thể sử dụng lệnh này để thay đổi cho từng hạng mục hoặc tất cả các hạng mục.

11. Thay đổi cấp phối vữa

Dùng lệnh này khi cần thay đổi cấp phối vữa đang chọn.



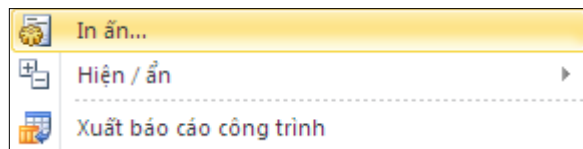
Hình 2.22 – Thay đổi cấp phối vữa

Tích vào cấp phối vữa mong muốn, tích vào **Lựa chọn phân tích toàn bộ** nếu muốn thay đổi cho tất cả các công tác nào sử dụng vữa hoặc không để thay đổi chỉ công tác đang chọn.

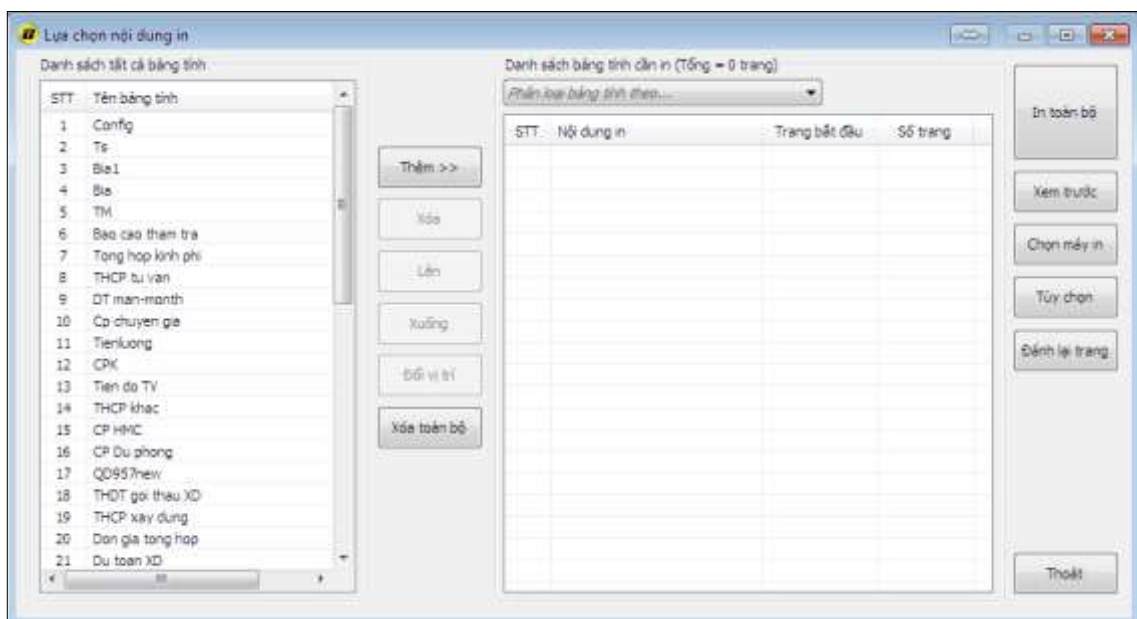
12. In hồ sơ

Để thuận tiện cho việc in ấn hồ sơ, file dự toán. Phần mềm có tính năng **in ấn** hỗ trợ sắp xếp hồ sơ và in ấn hàng loạt.

Thao tác lệnh: **Tiện ích/ In ấn**. Hộp thoại In sẽ hiện ra.



Hình 2.23 – Tiện ích In ấn



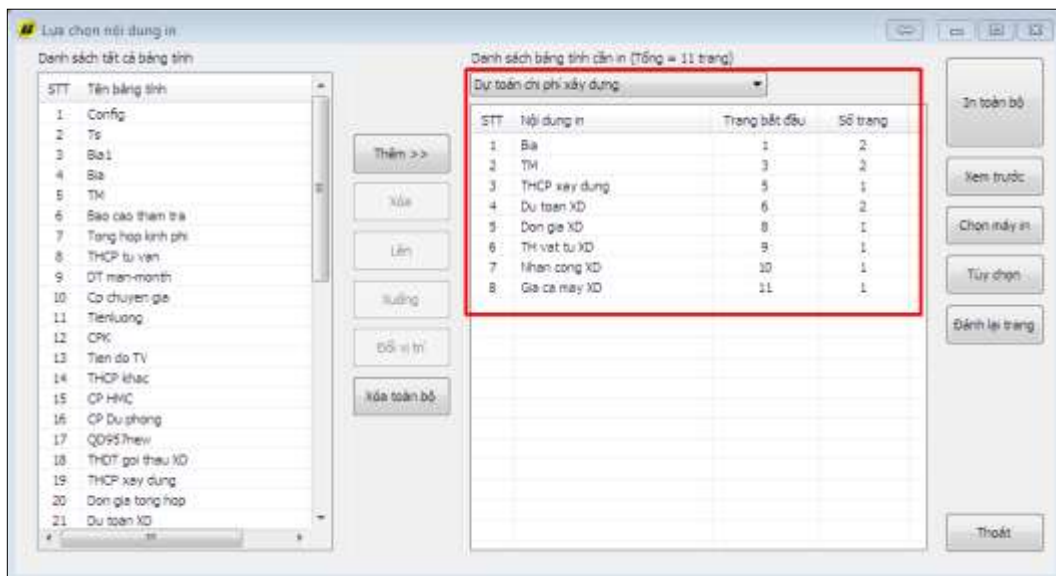
Hình 2.24 – Hộp thoại In ấn trong phần mềm Dự toán GXD

Bấm **Thêm** để đưa những bảng tính sang danh sách in.

Dùng nút **Xóa** để loại bỏ bảng tính khỏi danh sách in.

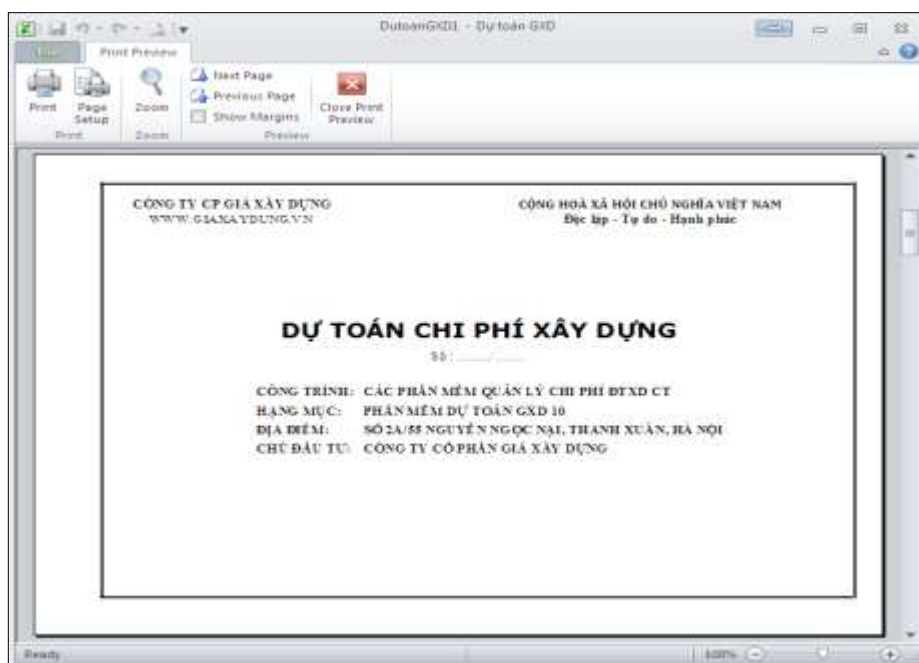
Sử dụng các nút **Lên**, **Xuống**, **Đổi vị trí** để sắp xếp vị trí, thứ tự các danh sách in.

Phần mềm đưa ra listbox *Phân loại bảng tính theo...* nhằm mục đích gợi ý cho người lập dự toán các bảng tính cần in.



Hình 2.25–Lựa chọn *Phân loại in theo bảng tính*

Bấm **Xem trước** để xem toàn bộ trang in. Bạn có thể giữ Ctrl để lựa chọn các bảng tính cần xem trước.



Hình 2.26 – Tính năng xem trước trang in

Sử dụng button **Đánh lại trang** để đánh lại thứ tự trang in sau khi đã sắp xếp chỉnh sửa vị trí các bảng in trong danh sách in.

Kích vào **Tùy chọn** để hiển thị cài đặt trang in.

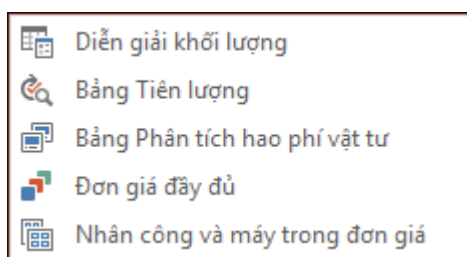


Hình 2.27 – Hộp thoại tùy chọn thiết lập trang in

Hộp thoại thiết lập trang in sẽ hiện lên. Tại đây bạn có thể tùy ý chỉnh sửa các trang in để hồ sơ được đẹp nhất.

13. Hiện/ ẩn

Lệnh này cũng đưa ra một menu lệnh thứ cấp.



Hình 2.28 – Menu tiện ích Hiện/ ẩn

13.1. Hiện/ ẩn diễn giải khối lượng

Khi không cần phải thể hiện diễn giải chi tiết khối lượng trong bảng dự toán, có thể ẩn đi trước khi in hồ sơ, bảng dự toán in ra sẽ ngắn gọn hơn nhiều.

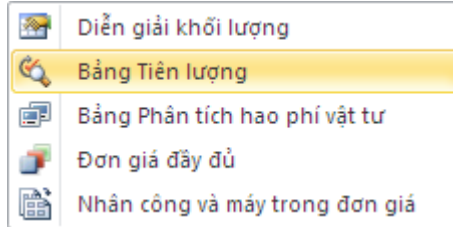
BẢNG DỰ TOÁN CHI PHÍ XÂY DỰNG								
CÔNG TRÌNH: CÁC PHẦN MỀM QUẢN LÝ CHI PHÍ ĐTXD CT								
HẠNG MỤC: PHẦN MỀM DỰ TOÁN GXD 10								
STT	MÃ HIỆU ĐƠN GIÁ	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ			
					VẬT LIỆU	NHÂN CÔNG	MÁY	VẬT L
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]	[7]	[8]	[9]=[5]
1	AG.11122	Sản xuất cầu kiện bê tông đúc sẵn, bê tông cọc cừ đá 1x2, vừa bê tông mác 150	m ³	2,16	589.938	746.711	58.704	1.27
2	AG.11123	Sản xuất cầu kiện bê tông đúc sẵn, bê tông cọc cừ đá 1x2, vừa bê tông mác 200	m ³	4,8	647.498	746.711	58.704	3.10
3	AG.11124	Sản xuất cầu kiện bê tông đúc sẵn, bê tông cọc cừ đá 1x2, vừa bê tông mác 250	m ³	7,02	706.997	746.711	58.704	4.96
	TC	Tổng cộng						9.34

Hình 2.29 – Bảng dự toán sau khi ẩn diễn giải khối lượng

Để hiện diễn giải khối lượng, tích chọn lệnh lại lần nữa.

13.2. Hiện/ ẩn bảng tiên lượng

Ngoài cách thể hiện số liệu đo bóc khối lượng bằng diễn giải ngay dưới tên công việc, Dự toán GXD hỗ trợ nhập số liệu tính toán khối lượng theo bảng **Tiên lượng** ghi kích thước dài, rộng, cao. Bảng tiên lượng này cũng có thể ứng dụng để bóc khối lượng trên bản vẽ hoàn công phục vụ công tác thanh toán, quyết toán.



Hình 2.30 – Hiện/ ẩn Bảng tiên lượng

BẢNG TIÊN LƯỢNG											
CÔNG TRÌNH: CÁC PHẦN MỀM QUẢN LÝ CHI PHÍ ĐTXD CT											
HẠNG MỤC: PHẦN MỀM DỰ TOÁN GXD 10											
STT	MÃ HIỆU ĐƠN GIÁ	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	ĐƠN VỊ	THÀNH TIỀN	SỐ BỘ PHẬN GIỐNG MẪU	KÍCH THƯỚC			HỆ SỐ	KL MỘT BỘ PHẬN	KL TOÁN BỘ
[1]	[2]	[3]	[4]	[7]=[5]*[6]	[5]	DÀI	RỘNG	CAO (SÂU)	[8]	[9]	[10]
1	AG.11122	Sản xuất cầu kiện bê tông đúc sẵn, bê tông cọc cừ, vữa bê tông đá 1x2 mác 150	m ³								24
					1,000	2,000	3,000	4,000		24	24
2	AG.11124	Sản xuất cầu kiện bê tông đúc sẵn, bê tông cọc cừ, vữa bê tông đá 1x2 mác 250	m ³								12
					2,000	1,000	2,000	3,000		6	12
3	AG.11213	Sản xuất cầu kiện bê tông đúc sẵn, bê tông xà dầm, vữa bê tông đá 1x2 mác 200	m ³								24
					4,000	3,000	2,000	1,000		6	24

Hình 2.31 – Tính tiên lượng bằng các kích thước cụ thể

Sau khi có khối lượng, để chuyển về bảng dự toán bạn thực hiện lại lệnh trên 1 lần nữa và thực hiện các bước tính toán tiếp theo như bình thường.

BẢNG DỰ TOÁN CHI PHÍ XÂY DỰNG											
CÔNG TRÌNH: CÁC PHẦN MỀM QUẢN LÝ CHI PHÍ ĐTXD CT											
HẠNG MỤC: PHẦN MỀM DỰ TOÁN GXD 10											
STT	MÃ HIỆU ĐƠN GIÁ	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ			THÀNH TIỀN			ĐVT: đồng
					VẬT LIỆU	NHÂN CÔNG	MÁY	VẬT LIỆU	NHÂN CÔNG	MÁY	
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]	[7]	[8]	[9]=[5]*[6]	[10]=[5]*[7]	[11]=[5]*[8]	
1	AG.11122	Sản xuất cầu kiện bê tông đúc sẵn, bê tông cọc cừ, vữa bê tông đá 1x2 mác 150	m ³	24	589.938	746.711	58.704	14.158.512	17.921.064	1.408.896	
				24							
2	AG.11124	Sản xuất cầu kiện bê tông đúc sẵn, bê tông cọc cừ, vữa bê tông đá 1x2 mác 250	m ³	12	706.997	746.711	58.704	8.483.964	8.960.532	704.448	
				12							
3	AG.11213	Sản xuất cầu kiện bê tông đúc sẵn, bê tông xà dầm, vữa bê tông đá 1x2 mác 200	m ³	24	647.498	383.246	73.946	15.539.952	9.197.904	1.774.704	
				24							

Hình 2.32 – Kết quả Bảng dự toán

13.3. Hiện/ ẩn bảng phân tích vật tư

Khi chiết tính đơn giá, phần mềm đồng thời phân tích đơn giá chi tiết và phân tích vật tư trong sheet Đơn giá XD. Mặc định hiển thị là bảng Đơn giá chi tiết. Để hiện bảng Hao phí vật tư ta chạy lệnh này và ngược lại.

BẢNG PHÂN TÍCH VẬT TƯ							
CÔNG TRÌNH: CÁC PHẦN MỀM QUẢN LÝ CHI PHÍ ĐTXD CT							
HẠNG MỤC: PHẦN MỀM DỰ TOÁN GXD 10							
STT	MÃ HIỆU ĐƠN GIÁ	MSVT	TÊN CÔNG VIỆC / THÀNH PHẦN HAO PHÍ	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	ĐÌNH MỨC HAO PHÍ	HÀO PHÍ
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]	[7]	[11]
1	AG.11122		Sản xuất cấu kiện bê tông đúc sẵn, bê tông cọc cứ, vữa bê tông đá 1x2 mác 150	m ³	24		
			Vật liệu				
		V10896	Xi măng PC30	kg		285,215	6.845,16
		V10135	Cát vàng đổ bê tông	m ³		0,500395	12,01
		V10280	Đá 1x2	m ³		0,904365	21,70
		V10543	Nước	lít		187,775	4.506,60
		V19999	Vật liệu khác	%		0,5	
			Nhân công				
		N1307	Nhân công 3,0/7 (nhóm 1)	công		3,75	90,00
			Máy thi công				
		M0313	Máy trộn bê tông 250l	ca		0,095	2,28

Hình 2.33 – Bảng phân tích vật tư

13.4. Hiện/ ẩn đơn giá đầy đủ

Phần mềm mặc định không hiển thị các chi phí đuôi trong đơn giá chi tiết. Để hiển thị đơn giá đầy đủ, chọn lệnh **Hiện/ ẩn Đơn giá đầy đủ**. Tất cả đơn giá sẽ hiển thị đầy đủ các chi phí đuôi. Tích lệnh một lần nữa để ẩn đi.

BẢNG PHÂN TÍCH VẬT TƯ							
CÔNG TRÌNH: CÁC PHẦN MỀM QUẢN LÝ CHI PHÍ ĐTXD CT							
HẠNG MỤC: PHẦN MỀM DỰ TOÁN GXD 10							
STT	MÃ HIỆU ĐƠN GIÁ	MSVT	TÊN CÔNG VIỆC / THÀNH PHẦN HAO PHÍ	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	ĐÌNH MỨC HAO PHÍ	HÀO PHÍ
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]	[7]	[11]
1	AG.11122		Sản xuất cấu kiện bê tông đúc sẵn, bê tông cọc cứ, vữa bê tông đá 1x2 mác 150	m ³	24		
			Vật liệu				
		V10896	Xi măng PC30	kg		285,215	6.845,16
		V10135	Cát vàng đổ bê tông	m ³		0,500395	12,01
		V10280	Đá 1x2	m ³		0,904365	21,70
		V10543	Nước	lít		187,775	4.506,60
		V19999	Vật liệu khác	%		0,5	
			Nhân công				
		N1307	Nhân công 3,0/7 (nhóm 1)	công		3,75	90,00
			Máy thi công				
		M0313	Máy trộn bê tông 250l	ca		0,095	2,28
		M0355	Đầm dĩa 1,5Kw	ca		0,12	2,88
		M9999	Máy khác	%		10	
			Chi phí trực tiếp			VL+NC+M	
			Chi phí chung			T*6,5%	
			Thu nhập chịu thuế tính trước			(T+C)*5,5%	
			Chi phí xây dựng trước thuế			T+C+TL	
			Thuế giá trị gia tăng			G*10%	
			Chi phí xây dựng sau thuế			G+GTGT	

Hình 2.34 – Hiện thị đơn giá đầy đủ

13.5. Hiện ản nhân công và máy thi công trong đơn giá

Trong trường hợp chỉ muốn hiển thị chiết tính hao phí đơn giá Vật liệu. Chọn lệnh Hiện/ ản nhân công và máy trong đơn giá. Chạy lệnh lại lần nữa để hiển thị đầy đủ Vật liệu, Nhân công và Máy thi công.

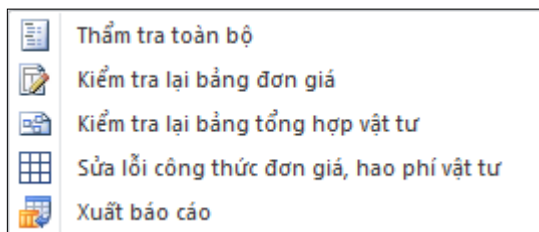
BẢNG PHÂN TÍCH VẬT TƯ										
CÔNG TRÌNH: CÁC PHẦN MỀM QUẢN LÝ CHI PHÍ ĐTXD CT										
HẠNG MỤC: PHẦN MỀM DỰ TOÁN GXD 10										
STT	MÃ HIỆU ĐƠN GIÁ	MSVT	TÊN CÔNG VIỆC / THÀNH PHẦN HAO PHÍ	ĐƠN VỊ	KHOẢNG LƯỢNG	ĐINH MỨC HAO PHÍ	HỆ SỐ	HAO PHÍ		
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]	[7]	[8]	[11]		
1	AG.11122		Sản xuất cầu kiện bê tông đúc sẵn, bê tông cọc cừ, vữa bê tông đá 1x2 mác 150	m ²	24					
			<i>Vật liệu</i>							
		V10896	Xi măng PC30	kg		285,215		6.845,16		
		V10135	Cát vàng đỏ bê tông	m ³		0,500395		12,01		
		V10280	Đá 1x2	m ³		0,904365		21,70		
		V10543	Nước	lít		187,775		4.506,60		
		V19999	Vật liệu khác	%		0,5				
2	AG.11124		Sản xuất cầu kiện bê tông đúc sẵn, bê tông cọc cừ, vữa bê tông đá 1x2 mác 250	m ²	12					
			<i>Vật liệu</i>							
		V10896	Xi măng PC30	kg		411,075		4.932,90		
		V10135	Cát vàng đỏ bê tông	m ³		0,45066		5,41		
		V10280	Đá 1x2	m ³		0,877975		10,54		
		V10543	Nước	lít		187,775		2.251,30		

Hình 2.35 – Hiện/ ản nhân công và máy thi công trong đơn giá

14. Xuất báo cáo công trình

Khi đã hoàn thiện bảng Dự toán xây dựng công trình có thể xuất ra một báo cáo chi tiết về các thông tin, thông số đầu vào về tiền lương, cách tính chi phí nhân công, máy thi công và các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật của công trình.

IV. MENU THẨM TRA, THẨM ĐỊNH



Hình 2.36 – Menu thẩm tra, thẩm định

1. Lệnh thẩm tra toàn bộ

Lệnh này hoạt động tại các sheet *Tong hop kinh phi, THCP xay dung, Du toan XD, Don gia XD, TH vat tu XD, THCP Thiet bi, CP mua sam, THCP Lap dat, Du toan LD, Don gia LD, TH vat tu LD*.

Khi sử dụng lệnh này các bảng tính tại các sheet kể trên sẽ tự động được **copy** sang bên cạnh để tạo ra một bảng gốc để so sánh với bảng sau khi được thẩm tra/ thẩm định.

Bảng nghiệp vụ chuyên môn, cán bộ phụ trách thẩm tra/ thẩm định sẽ chỉ ra **những điểm chưa phù hợp** trên bảng dự toán có thể là **điểm giải khối lượng chưa chính xác, mã hiệu đơn giá áp dụng chưa phù hợp**. Trên bảng THCP xây dựng, THCP lắp đặt có thể là các **hệ số điều chỉnh, định mức tỷ lệ chưa chính xác**. Bảng CP mua sắm có thể là các thiết bị **thừa thiếu, giá chưa đúng**. Hoặc bảng Tổng hợp kinh phí có thể là các **định mức tỷ lệ chi phí** Quản lý dự án, chi phí tư vấn chưa đúng, các khoản mục chi phí khác cần thay đổi...

Tất cả những thay đổi này cán bộ thẩm tra sẽ sửa trực tiếp trên file dự toán đang thẩm tra, và trên phần mềm Dự toán GXD ngay lập tức sẽ đưa ra các **gợi ý chỉnh lệch**. Những gợi ý này sẽ được tổng hợp lại và đưa ra thành các **Nguyên nhân khiến tăng, giảm giá trị dự toán** ở trong **Báo cáo thẩm tra dự toán** khi dùng lệnh **Xuất báo cáo**.

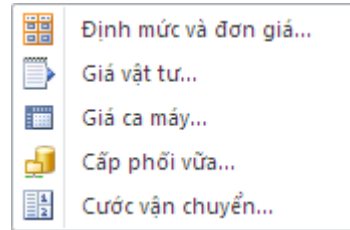
2. Lệnh kiểm tra lại bảng đơn giá, kiểm tra bảng tổng hợp vật tư

Lệnh này hoạt động trên sheet *Don gia XD, Don gia LD*. Khi chạy lệnh này phần mềm sẽ so sánh dữ liệu định mức, mã vật tư, tên vật tư, đơn vị tính, các công thức tính toán, số lượng vật tư có thêm bớt hay không. Những sai khác sẽ xuất hiện ở mục chú thích giúp cán bộ thẩm tra, thẩm định dễ dàng phát hiện ra.

3. Lệnh Xuất báo cáo

Sau đảm bảo tất cả các bảng tính đã được kiểm tra, chỉ cần dùng lệnh này để xuất ra báo cáo thẩm tra, thẩm định dự toán.

V. MENU DỮ LIỆU



Hình 2.37 – Menu Dữ liệu

Menu này gồm các lệnh Dữ liệu **Định mức và Đơn giá, Giá vật tư, Giá ca máy, Cấp phối vữa, cước vận chuyển.**

Khi bấm vào một trong các mục này sẽ hiện ra một hộp thoại. Ví dụ khi chiết tính công tác nào trong Đơn giá chi tiết nghi ngờ sai đơn giá hoặc định mức, hoặc giá vật tư... có thể vào các mục này để kiểm tra so sánh với CSDL.

Thông tin định mức

MSVT	Tên vật tư	Đơn vị	Hao phí	Loại VT	Ghi chú
N1457	Nhân công 4,5/7	công	18,43		N2457x
M0559	Máy khoan T2 W (300CV)	ca	1,13		
M0226	Cần trục bánh xích 25 tấn	ca	0,34		
M0603	Xà lan 200T	ca	1,13		
M0603	Xà lan 200T	ca	1,13		
M0639	Tàu kéo 75CV	ca	0,34		
M9999	Máy khác	%	5		
V10233	Choáng nón xoay loại K	cái	0,28		
V10139	Cần khoan D114	m	0,071		
V10319	Đầu nối	cái	0,019		
V19999	Vật liệu khác	%	5		

Hình 2.38 –Hộp thoại dữ liệu định mức – đơn giá

Các dữ liệu thể hiện trên hộp thoại này có thể sửa ngay trên hộp thoại này bằng cách **Thêm, Sửa.**

VI. MENU TRỢ GIÚP



Hình 2.39 – Menu trợ giúp

1. Hướng dẫn sử dụng

Chọn lệnh này sẽ mở ra file hướng dẫn sử dụng định dạng PDF.

2. Video HDSD

Kích vào sẽ chuyển đến kênh video hướng dẫn sử dụng phần mềm Dự toán GXD.

3. Hội quán Dự toán GXD

Kích sẽ chuyển đến trang thành viên, người sử dụng phần mềm Dự toán GXD.

4. Thông tin phần mềm

Khi kích vào mục này sẽ hiện lên hộp thoại các thông tin về phần mềm bạn đang sử dụng.

Thông tin bản quyền sử dụng			
Tên khách hàng:	Văn Toàn	Điện thoại:	0947892293
Địa chỉ:	GXD JSC		
Email:	vantoan@gxd.vn		
Mã đăng ký:	6A892-8E084-F1D77-79A2F		
Bản quyền:	Bản thương mại	Loại khóa:	Khóa mềm
Ngày kích hoạt:	18/06/2015	Ngày hết hạn:	17/06/2016
Thông tin phiên bản			
Tên phần mềm:	Dự toán GXD		
Phiên bản:	Version: 10.2, Office 32bit		
Ngày xuất bản:	15/01/2016		
Đã có bản mới: Dự toán GXD 10.2			
			<input type="button" value="Cập nhật"/> <input type="button" value="Thoát"/>

Hình 2.40 – Thông tin phần mềm

Khi nhận được thông báo có phiên bản mới hơn, bạn có thể bấm **Cập nhật** để cập nhật phiên bản mới nhất.

5. Hỗ trợ trực tuyến

Trong quá trình sử dụng phần mềm khi gặp vướng mắc cần hỗ trợ, bạn bấm lệnh này để hiện lên hộp thoại của **Phần mềm Hỗ trợ GXD** cho phép điều khiển máy tính từ xa sau đó liên hệ với **Đội hỗ trợ PM GXD** qua tổng đài **1900 0147** để được hỗ trợ một cách nhanh nhất.



Hình 2.41 – Phần mềm Hỗ trợ GXD

6. Phản hồi, góp ý

Kích sẽ tới trang phản hồi, góp ý để gửi các ý kiến phản hồi tới GXD JSC nhanh nhất.

Lưu ý: khi dùng các lệnh trợ giúp từ lệnh số 2 đến lệnh số 5 yêu cầu máy tính của bạn phải có kết nối Internet.

VII. TỔNG HỢP CÁC TÍNH NĂNG HỖ TRỢ KHÁC

1. Các lệnh menu chuột phải

1.1. Không phân tích vữa

- Sử dụng lệnh khi không muốn phân tích cấp phối vữa.
- Sau khi dùng lệnh, đơn giá chiết tính chỉ thể hiện vật tư **Vữa** mà không thể hiện các thành phần chi tiết cấp phối vữa.

STT	Mã báo đơn giá	Hạng mục	Tên công việc / Thành phần hao phí	Đơn vị	Định mức hao phí	Đơn giá	Hệ số	Thành tiền
1	AG.11112		Sản xuất các loại bê tông đặc: sân, bê tông cọc, cột, vữa bê tông đá 1x2 mác 150	m³				
			Vật liệu					589.938
		C2122	Vữa bê tông M150, XM PC30, cát vàng, đá 1x2, độ sụt 2-4cm	m³	1,015	578.329		587.003
		V19999	Vật liệu khác	%	0,5			2.915
			Nhân công					364.293
		N1307	Nhân công 3/7 (nhóm I)	công	1,83	399.123		364.391
			Máy thi công					73.946
		M0313	Máy trộn bê tông 250l	ca	0,095	270.051		25.655
		M0158	Đầu đĩa 1,5kw	ca	0,18	230.940		41.568
		M0999	Máy khác	%	10			6.722
			Chi phí trực tiếp					1.028.280
			Chi phí chung					66.838
			Thu nhập chịu thuế tính trước					60.232
			Chi phí xây dựng trước thuế					1.155.350

Hình 2.42 – Đơn giá sử dụng lệnh Không phân tích vữa

- Phạm vi sử dụng: Sheet **Dự toán XD – Đơn giá XD – Đơn giá tổng hợp.**

1.2. Sử dụng bê tông thương phẩm

- Dùng lệnh khi muốn sử dụng bê tông thương phẩm thay cho bê tông sản xuất qua trạm trộn.
- Sau khi dùng lệnh, đơn giá chiết tính chỉ thể hiện vật tư **Bê tông thương phẩm** mà không thể hiện các thành phần chi tiết cấp phối vữa.

STT	Mã báo đơn giá	Hạng mục	Tên công việc / Thành phần hao phí	Đơn vị	Định mức hao phí	Đơn giá	Hệ số	Thành tiền
1	AG.11112		Sản xuất các loại bê tông đặc: sân, bê tông cọc, cột, vữa bê tông đá 1x2 mác 150	m³				
			Vật liệu					589.938
		C2122	Bê tông thương phẩm M150, XM PC30, cát vàng, đá 1x2	m³	1,015			
		V19999	Vật liệu khác	%	0,5			2.915
			Nhân công					364.293
		N1307	Nhân công 3/7 (nhóm I)	công	1,83	399.123		364.391
			Máy thi công					73.946
		M0313	Máy trộn bê tông 250l	ca	0,095	270.051		25.655
		M0158	Đầu đĩa 1,5kw	ca	0,18	230.940		41.568
		M0999	Máy khác	%	10			6.722
			Chi phí trực tiếp					438.342
			Chi phí chung					28.492
			Thu nhập chịu thuế tính trước					25.676
			Chi phí xây dựng trước thuế					492.510

Hình 2.43 – Đơn giá sử dụng lệnh Sử dụng bê tông thương phẩm

- Phạm vi sử dụng: Sheet **Dự toán XD - Đơn giá XD - Đơn giá tổng hợp.**

1.3. Xóa công tác/ Dòng thừa

- Sử dụng khi muốn xóa hoàn toàn một công tác bất kỳ. Lệnh sẽ xóa công tác tại bảng Dự toán và xóa đơn giá tương ứng đã chiết tính bên bảng Đơn giá chi tiết.
- Tích vào dòng thừa bất kỳ và chọn lệnh, phần mềm sẽ tự động xóa dòng thừa trong bảng **Dự toán XD, Dự toán LD**. Có thể chọn và xóa nhiều công tác một lúc.
- Phạm vi sử dụng: Sheet **Dự toán XD, LD - Đơn giá XD, LD**.

Lưu ý: Khách hàng không sử dụng thao tác xóa thủ công (xóa dòng, xóa bằng phím Delete) để xóa các công tác trong bảng Dự toán.

1.4. Paste công tác

- Phím tắt: **Ctrl + Shift + V**
- Dùng khi muốn sao chép và lấy dữ liệu từ tài liệu khác sang file **Dự toán GXD**.
- Lệnh sẽ xóa bỏ hoàn toàn định dạng nguồn của dữ liệu và đưa trở về định dạng của phần mềm (Time New Roman). Đồng thời sẽ tự động chèn dòng trong trường hợp số dòng của dữ liệu copy sang quá nhiều (vượt qua dòng **Tổng cộng**).
- Phạm vi sử dụng: Sheet **Dự toán XD, LD**

Lưu ý: Khuyến khích khách hàng sử dụng lệnh này để lấy dữ liệu, tránh được các lỗi vô tình mắc phải trong quá trình thao tác phần mềm.

1.5. Kết nối đơn giá với dự toán

- Sử dụng khi muốn nối đơn giá bên bảng Đơn giá sang bảng Dự toán.
- Phạm vi sử dụng: Sheet **Dự toán XD, LD**

1.6. Xóa và cập nhật hạng mục

- Sử dụng khi muốn xóa bỏ hoàn toàn một hạng mục bất kỳ trong bảng Dự toán.
- Sau khi Hạng mục bị xóa, các đơn giá con trong hạng mục sẽ được gộp vào hạng mục phía trên.
- Phạm vi sử dụng: Sheet **Dự toán XD, LD**

Lưu ý: Tính năng chỉ có thể sử dụng khi bảng dự toán có từ 3 Hạng mục trở lên.

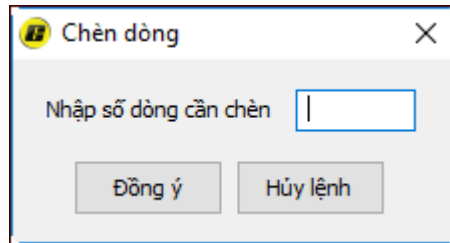
1.7. Tìm kiếm trong đơn giá chi tiết

- Phím tắt: **Ctrl + Shift + G**
- Tại bảng Dự toán khi tích vào 1 công tác và sử dụng lệnh, lập tức phần mềm sẽ đưa bạn đến đúng đơn giá đó đã được chiết tính bên bảng Đơn giá chi tiết. Bạn sẽ không phải lặn chuột để tìm giữa hàng trăm đầu việc nữa.
- Phạm vi sử dụng: Sheet **Dự toán XD, LD**.

1.8. Di chuyển công tác tới vị trí đã chọn

Khi cần di chuyển vị trí các công tác A đến trước công tác B cho phù hợp có thể bôi đen vào công tác đó và bấm lệnh Ctrl+Shift+X. Tiếp theo bấm chuột phải vào vị trí công tác B và chọn lệnh *Di chuyển công tác tới vị trí đã chọn*.

1.9. Chèn dòng



Hình 2.43a – Hộp thoại chèn dòng

- Sử dụng khi muốn chèn thêm dòng trong bảng (số lượng nhiều). Sau khi tích lệnh, phần mềm sẽ hiện lên hộp thoại để nhập số dòng cần chèn.
- Phạm vi sử dụng: Sử dụng trên toàn bộ các sheet của Dự toán GXD.

1.10. Ẩn/hiện các công tác giống nhau

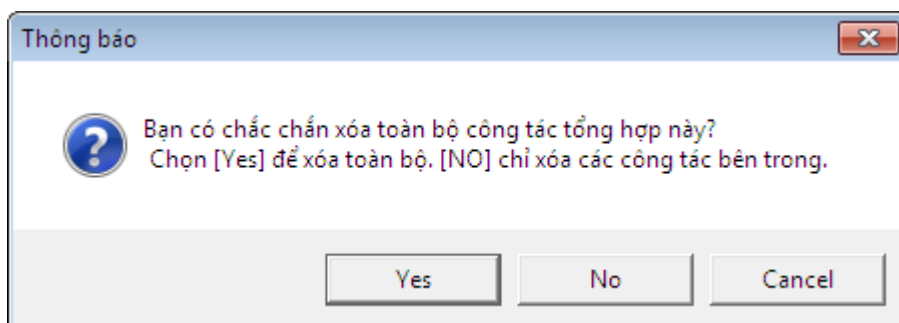
- Sử dụng khi muốn ẩn/hiện các đơn giá chi tiết giống nhau giúp bảng Phân tích đơn giá chi tiết ngắn gọn hơn.

1.11. Đổi nhóm nhân công

- Sử dụng để chuyển đổi giữa Nhân công nhóm I và Nhân công nhóm II.
- Hiện tại Thông tư 05/2016/TT-BXD hướng dẫn phân nhóm nhân công từng loại công tác vẫn chưa rõ ràng. Người sử dụng có thể tùy ý chuyển đổi giữa 2 nhóm nhân công cho phù hợp.
- Phạm vi sử dụng: Sheet **Đơn giá XD, LD – Đơn giá tổng hợp**.

1.12. Xóa công tác trong DGTH

- Sử dụng để xóa công tác con trong Đơn giá tổng hợp hoặc xóa hoàn toàn cả Đơn giá tổng hợp chính.
- Tích vào các công tác con bên trong và sử dụng lệnh để xóa.
- Tích vào Đơn giá tổng hợp và sử dụng lệnh, hộp thoại hiện lên với 2 lựa chọn



Hình 2.43b – Hộp thoại thông báo xóa công tác trong DGTH

- + Yes: Xóa toàn bộ công tác tổng hợp
- + No: Chỉ xóa toàn bộ công tác con bên trong
- Phạm vi sử dụng: Sheet **Đơn giá tổng hợp**.

1.13. Đưa công tác sang bảng dự toán

- Sử dụng để đưa nhanh công tác tổng hợp sang bảng Dự toán.
- Đơn giá tổng hợp sau khi được đưa sang bảng Dự toán sẽ tự động được chiết tính tại bảng Đơn giá chi tiết như một công tác bình thường.

	B	E	F	G	H	J	K	L	M
1	BẢNG PHÂN TÍCH ĐƠN GIÁ CHI TIẾT								
2	CÔNG TRÌNH: CÁC PHẦN MỀM QUẢN LÝ CHI PHÍ ĐTXD CT								
3	HẠNG MỤC: PHẦN MỀM DỰ TOÁN GXD 10								
4									DVT: đồng
5	STT	MÃ HIỆU ĐƠN GIÁ	MSVT	TÊN CÔNG VIỆC / THÀNH PHẦN HAO PHÍ	ĐƠN VỊ	ĐỊNH MỨC HAO PHÍ	ĐƠN GIÁ	HỆ SỐ	THÀNH TIỀN
6	[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[7]	[8]	[9]	[10]
7	1	DGTH3		Bê tông thân, tường ngực, tường cánh móng cầu trên cạn	m3				
8				Vật liệu					1.386.049
9		AF.33116VD	V10898	Xi măng PC40	kg	461,825	1.074		496.000
10		AF.33116VD	V10135	Cát vàng đỏ bê tông	m³	0,45472	189.000		85.942
11		AF.33116VD	V10280	Đá 1x2	m³	0,817075	214.000		174.854
12		AF.33116VD	V10543	Nước	lít	203	5		914
13		AF.33116VD	V10604	Phụ gia dẻo hóa	kg	23,09125	19.152		442.244
14		AF.33116VD	V19999	Vật liệu khác	%	1,20			14.399
15		AK.94321	V10554	Nhựa bi tum số 4	kg	4,725	15.000		70.875
16		AK.94321	V10010	Bao tải	m²	2,4	18.000		43.200
17		AK.94321	V10060	Bột đá	kg	2,715	950		2.579
18		AK.94321	V10221	Cùi	kg	4	1.000		4.000
19		AK.94111	V10554	Nhựa bi tum số 4	kg	2,1	15.000		31.500
20		AK.94111	V10060	Bột đá	kg	1,206	950		1.146
21		AK.94111	V10221	Cùi	kg	2	1.000		2.000
22		AF.87211	V10821	Thép tấm	kg	0,56	16.484		9.231

Hình 2.44 – Chiết tính Đơn giá tổng hợp

1.14. Chèn thêm/ Xóa cự ly vận chuyển

Chèn thêm cự ly vận chuyển

Xóa cự ly

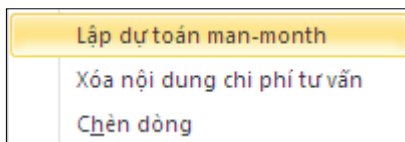
Chèn dòng

- Sử dụng lệnh *Chèn thêm cự ly vận chuyển* khi vật liệu mua tại nguồn đưa tới hiện trường xây dựng phải qua nhiều loại đường vận chuyển.

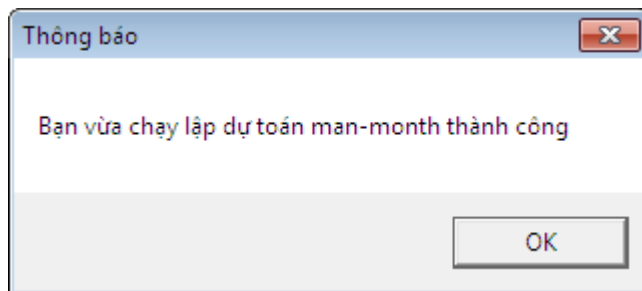
Lưu ý: trước khi chèn cự ly bạn nên nhập nguồn cho các vật liệu có cùng 1 nguồn mua, khi đó việc nhập loại đường, cự ly sẽ được đồng bộ cho tất cả các vật liệu được mua cùng 1 nguồn.

- Dùng lệnh *Xóa cự ly* nếu muốn xóa bớt cự ly đã thêm.
- Phạm vi sử dụng: Sheet **Giá vật liệu HTXD**.

1.15. Lập dự toán Man – Month



- Sử dụng để lập dự toán man-month cho các chi phí tư vấn hoặc chi phí khác cần lập dự toán riêng.
- Tích chuột phải vào chi phí tư vấn/ chi phí khác cần lập và chọn lệnh. Phần mềm sẽ tự động lập dự toán man-month với đầy đủ các khoản mục chi phí cần thiết.



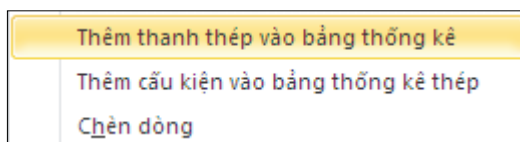
- Có thể kiểm tra nội dung chi tiết tại các sheet **DT mon-month**, **Cp chuyên gia**, **Tiền lương**, **CPK TV**.

	A	B	C	D	E	F	G
1			CHI TIẾT CÁC CHI PHÍ TƯ VẤN				
2			CÔNG TRÌNH: CÁC PHẦN MỀM QUẢN LÝ CHI PHÍ ĐTXD CT				
3							
4	4.1		Dự toán: Chi phí thẩm tra dự toán điều chỉnh, bổ sung, sửa đổi hoặc thẩm tra lại dự toán				
5		STT	KHOẢN MỤC CHI PHÍ	DIỄN GIẢI	GIÁ TRỊ (ĐỒNG)	KÝ HIỆU	HỆ SỐ
6		1	Chi phí chuyên gia	Bảng tính	41.676.601	Ccg	
7		2	Chi phí quản lý	50%*Ccg	20.838.301	Cql	50%
8		3	Chi phí khác	Bảng tính	89.000.000	Ck	
9		4	Thu nhập chịu thuế tính trừ	6%*(Ccg+Cql+Ck)	9.090.894	TN	6%
10		5	Thuế giá trị gia tăng	10%*(Ccg+Cql+Ck+TN)	16.060.580	VAT	10%
11		6	Chi phí dự phòng	5%*(Ccg+Cql+Ck+TN+VAT)	8.833.319	Cdp	5%
12			Tổng cộng	Ccg+Cql+Ck+TN+VAT+Cdp	185.499.694	Ctv	
13			Làm tròn:		185.500.000		
14							

Hình 2.45 – Bảng chi tiết các chi phí tư vấn (Dự toán man-month)

- Phạm vi sử dụng: Sheet **Tổng hợp kinh phí – THCP Tư vấn – THCP Khác**.

1.16. Thêm thanh thép vào bảng thống kê



- Sử dụng khi muốn chèn thêm một thanh thép vào bảng *Thống kê cốt thép*.
- Phần mềm sẽ tự động chèn dòng cùng công thức tính toán cho thanh thép mới.

	B	C	D	E	F	G	H	I	J	K	L	M	N	O	P
1	BẢNG THỐNG KÊ CỐT THÉP														
2	CÔNG TRÌNH: CÁC PHẦN MỀM QUẢN LÝ CHI PHÍ ĐTXD CT														
3	HẠNG MỤC: PHẦN MỀM DỰ TOÁN GXD 10														
4															
5	CẤU KIỆN	Số hiệu thanh	HÌNH DẠNG - KÍCH THƯỚC	Số lượng mỗi nối	Chiều dài mỗi nối	Đ. kính Φ (mm)	Số cấu kiện	1 cấu kiện		Toàn bộ		Tổng trọng lượng (kg)			
6								Số thanh	Chiều dài (m)	Số thanh	Chiều dài (m)				
7	M1	1				6	4	4	0	16	0,00			0	
9		2				18	4	4	0	16	0,00			0	
10		3				22	4	2	0	8	0,00			0	
11						22	4	2	0	8	0,00			0	
12		4				22	4	2	0	8	0,00			0	
13		5				6	4		0	0	0,00			0	
14															
15						$\leq 10\text{mm}$								0	
16						$\leq 18\text{mm}$								0	
17						$> 18\text{mm}$								0	
18															

Hình 2.46 – Thêm thanh thép vào bảng thống kê

- Phạm vi sử dụng: Sheet **Thống kê thép**.

1.17. Thêm cấu kiện vào bảng thống kê thép

Thêm thanh thép vào bảng thống kê
 Thêm cấu kiện vào bảng thống kê thép
 Chèn dòng

- Sử dụng khi muốn thêm cấu kiện và tổng hợp các cấu kiện chung một bảng. Ở cột B tại vị trí muốn thêm cấu kiện, kích chuột phải và chọn lệnh *Thêm cấu kiện vào bảng thống kê thép*.

	A	B	C	D	E	F	G	H	I	J	K	L	M	N	O
1	BẢNG THỐNG KÊ CỐT THÉP														
2	CÔNG TRÌNH: CÁC PHẦN MỀM QUẢN LÝ CHI PHÍ ĐTXD CT														
3	HẠNG MỤC: PHẦN MỀM DỰ TOÁN GXD 10														
4															
5	CẤU KIỆN	Số hiệu thanh	HÌNH DẠNG - KÍCH THƯỚC			Số lượng mỗi nối	Chiều dài mỗi nối	Đ. kính Φ (mm)	Số cấu kiện	1 cấu kiện		Toàn bộ		Tổng trọng lượng (kg)	
6										Số thanh	Chiều dài (m)	Số thanh	Chiều dài (m)		
7															
8	M1	1						6	4	4	0	16	0,00	0	
9		2						18	4	4	0	16	0,00	0	
10		3						22	4	2	0	8	0,00	0	
11															
12	M2	1						6	4	4	0	16	0,00	0	
13		2						18	4	4	0	16	0,00	0	
14		3						22	4	2	0	8	0,00	0	
15															
16								$\leq 10\text{mm}$						0	
17								$\leq 18\text{mm}$						0	
18								$> 18\text{mm}$						0	
19															

Hình 2.47 – Thêm cấu kiện vào bảng thống kê thép

- Phạm vi sử dụng: Sheet **Thống kê thép**.

2. Một số tính năng đặc biệt khác

2.1. Kiểm tra thông tin đơn giá nguồn

- Phím tắt: **Ctrl + Q**
- Sử dụng khi muốn kiểm tra, xem lại thông tin dữ liệu của đơn giá đã tạo ra.

- Tại Dòng đơn giá muốn kiểm tra, sử dụng phím tắt **Ctrl + Q**. Hộp thoại thông tin sẽ thể hiện đầy đủ và bôi đỏ những thông tin đã bị thay đổi sai khác.



Hình 2.48 – Hộp thoại thông tin công tác

- + Khôi phục tên công tác: Đưa tên công tác trở về đúng với trong dữ liệu gốc.
- Phạm vi sử dụng: Sheet **Dự toán XD**.

2.2. Kiểm tra hao phí định mức đơn giá nguồn

- Sử dụng khi muốn kiểm tra, xem lại hao phí định mức của đơn giá gốc đã được phân tích sau khi tra đơn giá bên bảng Dự toán.
- Trong sheet Đơn giá XD, tích **chuột phải** vào Mã hiệu đơn giá muốn kiểm tra. Hộp thoại hiện lên thể hiện đầy đủ thông tin hao phí định mức và giá vật tư, đồng thời cho phép tùy ý chỉnh sửa nội dung đơn giá.

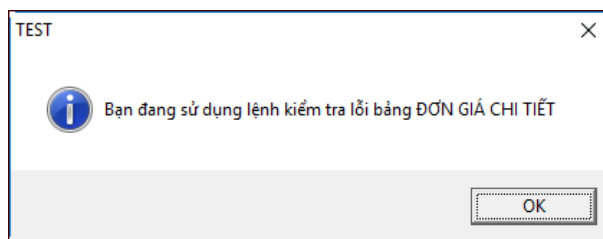


Hình 2.49 – Hộp thoại thông tin đơn giá chi tiết

- + Thêm mới: Bổ sung vật tư vào đơn giá
- + Xóa: Xóa bỏ vật tư trong đơn giá
- + Lưu định mức: Lưu lại dữ liệu định mức sau khi chỉnh sửa
- + Hủy: Quay trở lại bảng Đơn giá chi tiết
- + Cập nhật: Cập nhật lại đơn giá sau khi chỉnh sửa
- Phạm vi sử dụng: Sheet **Đơn giá XD**.

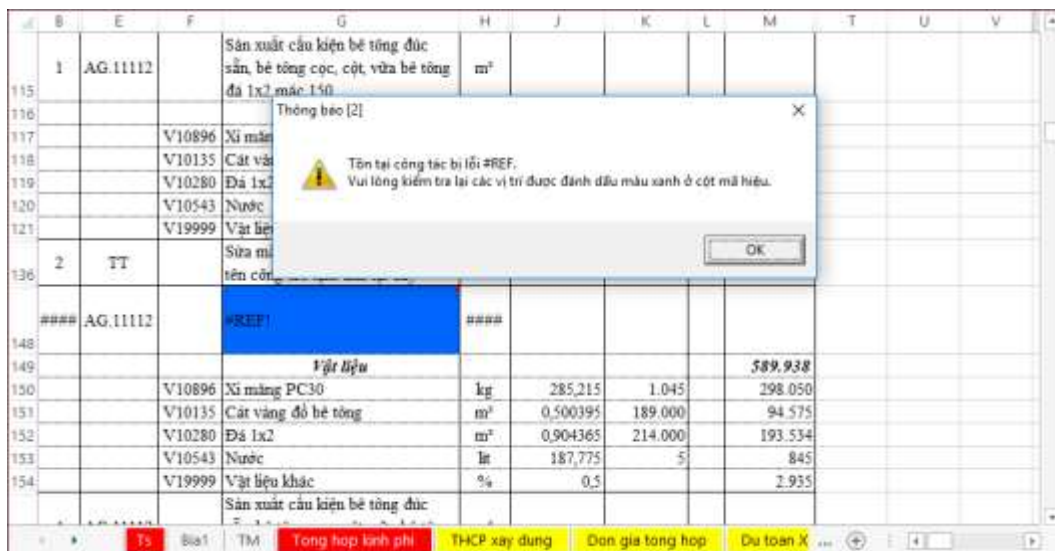
2.3. Kiểm tra lỗi trong bảng Phân tích đơn giá chi tiết

- Phím tắt: **Ctrl + Q**
- Sử dụng để kiểm tra lỗi, các công tác bị #REF!, những điều bất thường trong Sheet **Đơn giá XD**.



Hình 2.49a – Hộp thoại thông báo test bảng Đơn giá chi tiết

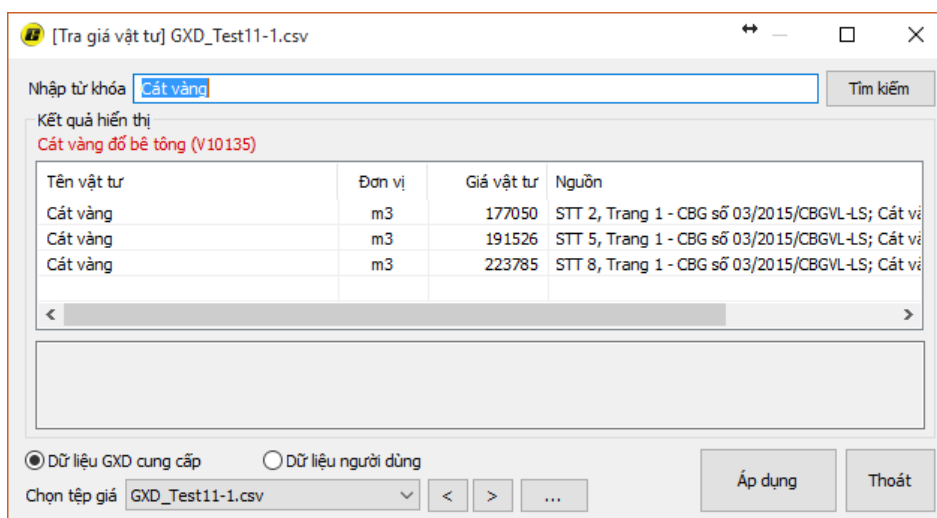
- Với các công tác bị lỗi, phần mềm sẽ đánh dấu vào thông báo chỉnh sửa.



Hình 2.49b – Hộp thoại thông báo vị trí lỗi

2.4. Tra nhanh giá vật tư theo thông báo giá

- Sử dụng khi muốn tra giá vật tư theo thông báo giá của 1 vật tư bất kỳ.
- **Tích chuột phải** vào Mã số vật tư (MSVT) của vật liệu cần tra, hộp thoại tra cứu giá vật tư sẽ hiện lên cho phép lựa chọn giá theo thông báo giá của địa phương.
- Dữ liệu thông báo giá sẽ được Công ty CP Giá Xây Dựng số hóa và đưa trên trang web Dutoangxd.vn để các bạn có thể tải xuống.



Hình 2.50 – Hộp thoại tra cứu giá vật tư – tra cứu giá vật liệu

- Phạm vi sử dụng: Sheet **TH vật tư – Giá vật liệu HTXD – Giá vữa XD**.

2.5. Tra cứu chi phí tư vấn

- Sử dụng để tra cứu lựa chọn các khoản mục chi phí thuộc chi phí tư vấn đầu tư xây dựng.
- Tích chuột phải** tại cột *Nội dung chi phí/ khoản mục Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng*. Hộp thoại tra cứu các khoản mục chi phí thuộc chi phí tư vấn sẽ hiện ra giúp người lập dự toán có thể tra cứu nhanh mà không mất nhiều công sức tìm kiếm.

BẢNG TỔNG HỢP DỰ TOÁN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH								
DỰ ÁN: HỆ THỐNG PHẦN MỀM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG - GXD								
CÔNG TRÌNH: CÁC PHẦN MỀM QUẢN LÝ CHI PHÍ ĐTXD CT								
STT	NỘI DUNG CHI PHÍ	ĐMTL	HỆ SỐ	CÁCH TÍNH	GIÁ TRỊ TRƯỚC THUẾ	THUẾ GTGT	GIÁ TRỊ SAU THUẾ	KÝ HIỆU
1	Chi phí xây dựng			bảng tính				G _{XD}
2	Chi phí thiết bị			bảng tính				G _{TB}
3	Chi phí quản lý dự án			ĐMTL*(GXD+GTB)				G _{QLDA}
4	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng							G _{TV}

Hình 2.51 – Tra cứu chi phí tư vấn tại bảng Tổng hợp kinh phí

BẢNG TỔNG HỢP CHI PHÍ TƯ VẤN								
C PHÂN MỀM QUẢN LÝ CHI PHÍ ĐTXD CT								
STT	NỘI DUNG CHI PHÍ	ĐMTL	HỆ SỐ	CÁCH TÍNH	GIÁ TRỊ TRƯỚC THUẾ	THUẾ GTGT	GIÁ TRỊ SAU THUẾ	KÝ HIỆU

Hình 2.52 – Tra cứu chi phí tư vấn tại bảng Tổng hợp chi phí tư vấn

- Phạm vi sử dụng: Sheet **Tổng hợp kinh phí – THCP tư vấn**.

2.6. Tra cứu chi phí khác

- Sử dụng để tra cứu lựa chọn các khoản mục chi phí thuộc chi phí khác.
- Tích chuột phải** tại cột *Nội dung chi phí/ khoản mục Chi phí khác*. Hộp thoại tra cứu các khoản mục chi phí thuộc chi phí khác sẽ hiện ra giúp người lập dự toán có thể tra cứu nhanh mà không mất nhiều công sức tìm kiếm.

BẢNG TỔNG HỢP DỰ TOÁN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH								
DỰ ÁN: HỆ THỐNG PHẦN MỀM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG - GXD								
CÔNG TRÌNH: CÁC PHẦN MỀM QUẢN LÝ CHI PHÍ ĐTXD CT								
STT	NỘI DUNG CHI PHÍ	ĐMTL	HỆ SỐ	CÁCH TÍNH	GIÁ TRỊ TRƯỚC THUẾ	THUẾ GTGT	GIÁ TRỊ SAU THUẾ	KÝ HIỆU
1	Chi phí xây dựng			bảng tính				G _{XD}
2	Chi phí thiết bị			bảng tính				G _{TB}
3	Chi phí quản lý dự án			ĐMTL*(GXD+GTB)				G _{QLDA}
4	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng							G _{TV}
5	Chi phí khác							G _K
5.1	Chi phí hạng mục chung			bảng tính				G _{HMC}
6	Chi phí dự phòng (G _{DP1} - G _{DP2})			G _{DP1} - G _{DP2}				G _{DP}

Hình 2.53– Tra cứu chi phí tư vấn tại bảng Tổng hợp kinh phí

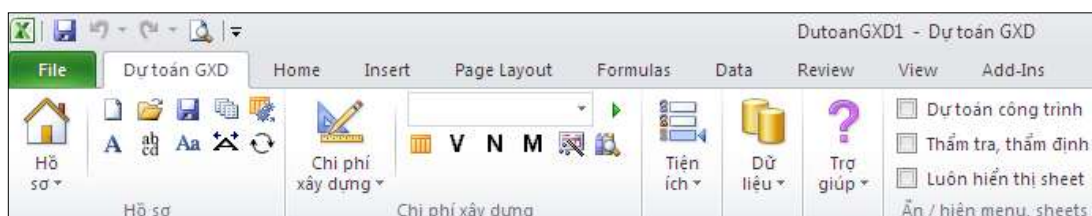
STT	NỘI DUNG CHI PHÍ	HỆ SỐ	CÁCH TÍNH	GIÁ TRỊ TRƯỚC THUẾ	THUẾ GTGT	GIÁ TRỊ SAU THUẾ
5.1	Chi phí hạng mục chung		bảng tính			
Tổng cộng:						
LÀM TRÒN (G _{ch})						

Hình 2.54 – Tra cứu chi phí tư vấn tại bảng Tổng hợp kinh phí

- Phạm vi sử dụng: Sheet **Tổng hợp kinh phí – THCP khác**.

3. Hiển thị các menu, sheets

Mặc định khi mở phần mềm lên các bạn chỉ thấy hiện 7 sheet của phần dự toán chi phí xây dựng: *Ts, Bia, TM, THCP xây dựng, Du toan XD, Đơn giá XD, Thông ke thep*.



Hình 2.55– Mặc định hiển thị menu, sheets

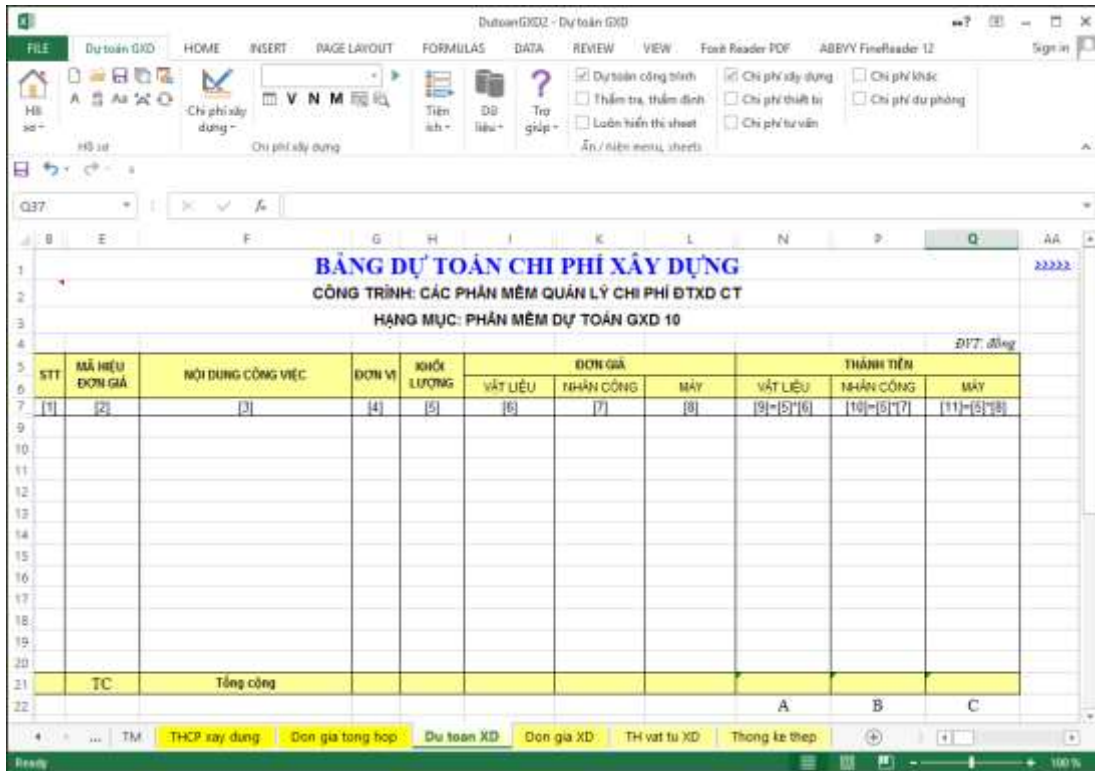
Trên menu ribbon, tích vào **Dự toán công trình** phần mềm sẽ hiển thị tất cả các sheet ra và hiện ra sheet **Tổng hợp kinh phí** gồm đầy đủ 6 khoản mục chi phí: Chi phí Xây Dựng, Chi phí thiết bị, Chi phí quản lý dự án, Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng, chi phí khác, Chi phí dự phòng.

STT	NỘI DUNG CHI PHÍ	ĐVT	HỆ SỐ	CÁCH TÍNH	GIÁ TRỊ TRƯỚC THUẾ	THUẾ GTGT	GIÁ TRỊ SAU THUẾ	KÝ HIỆU
1	Chi phí xây dựng			bảng tính	8.579.950	857.995	9.437.945	G _{XD}
2	Chi phí thiết bị			bảng tính				G _{TB}
3	Chi phí quản lý dự án	2,524%		ĐMTL*(GXD+GTBT)	216.558		216.558	G _{QLDA}
4	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng							G _{TV}
5	Chi phí khác				300.000	30.000	330.000	G _K
5.1	Chi phí hạng mục chung			bảng tính	300.298	30.030	330.328	C _{mc}
6	Chi phí dự phòng (G _{XD} + G _{QLDA})			0,05*(G _{XD} + G _{QLDA})	662.574	66.257	728.831	G _{DP}
6.1	Chi phí dự phòng cho yếu tố khối lượng phát sinh				453.841	45.384	499.225	G _{DP1}
6.2	Chi phí dự phòng cho yếu tố trượt giá				208.733	20.873	229.606	G _{DP2}
21	Tổng cộng:			(1)+(2)+(3)+(4)+(5)+(6)	9.759.082	954.252	10.713.334	
LÀM TRÒN (G_{total})					9.759.000	954.000	10.713.000	

Hình 2.56 – Bảng tổng hợp kinh phí dự toán xây dựng công trình

3.1. Chi phí xây dựng

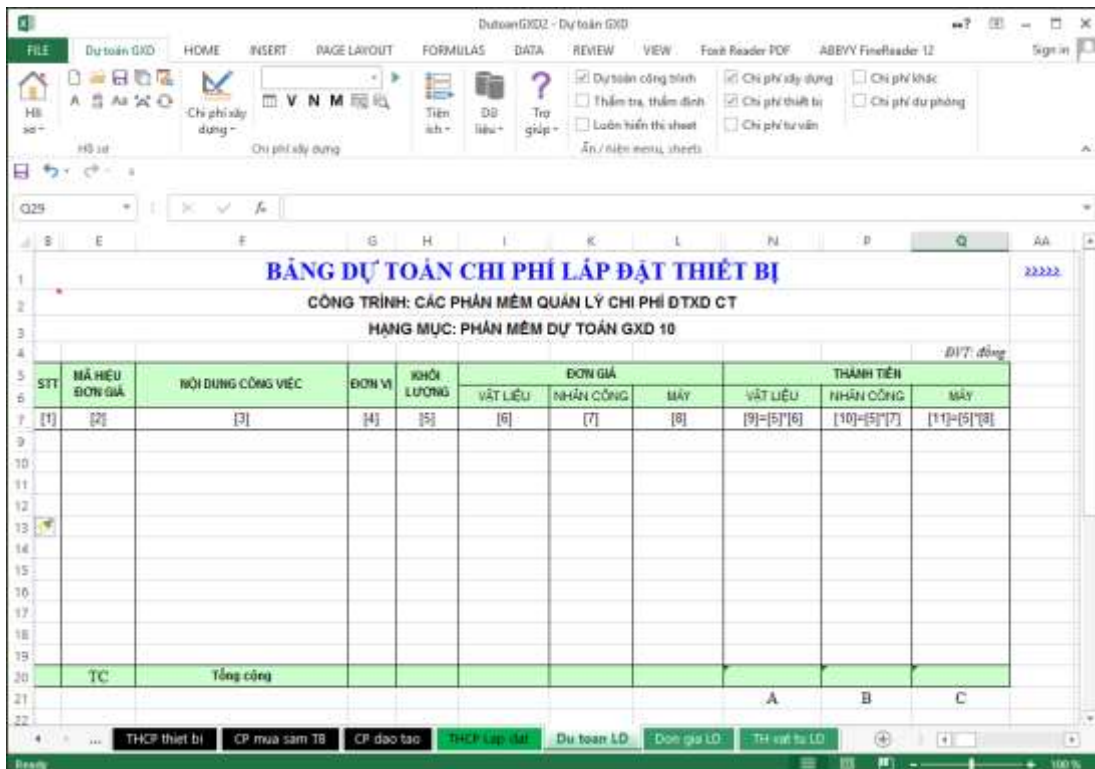
Nếu tích vào **Chi phí xây dựng** chỉ hiện lên các sheet để tính chi phí xây dựng.



Hình 2.57 – Mặc định hiển thị menu, sheets khi lập dự toán chi phí xây dựng

3.2. Chi phí thiết bị

Nếu tích vào **Chi phí thiết bị** chỉ hiện lên các sheet để tính chi phí thiết bị.



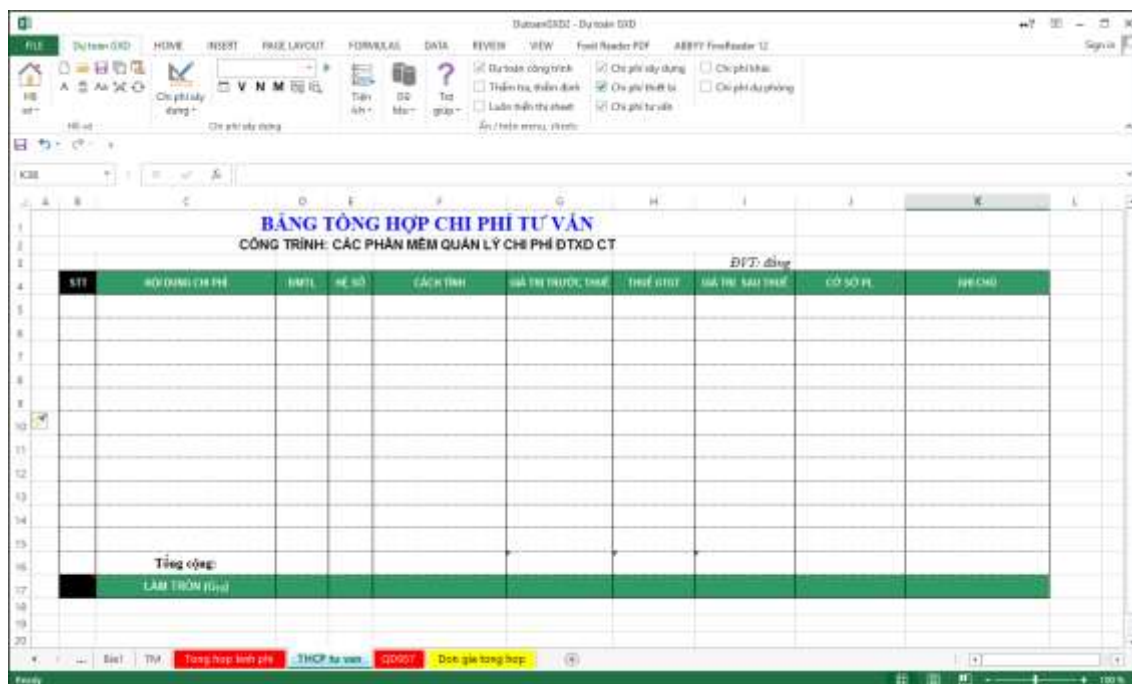
Hình 2.58 – Mặc định hiển thị menu, sheets khi lập dự toán chi phí thiết bị

3.3. Chi phí quản lý dự án

Sau khi đã xác định được giá trị chi phí xây dựng và chi phí thiết bị phần mềm sẽ tự động nội suy ra định mức tỉ lệ để tính chi phí quản lý dự án.

3.4. Chi phí Tư vấn, Chi phí khác

Nếu tích vào **Chi phí tư vấn** hiện lên các sheet Tổng hợp kinh phí, sheet THCP tư vấn, CP HMC... và các sheet liên quan.



Hình 2.59 – Mặc định hiển thị menu, sheets khi lập dự toán chi phí tư vấn

Dưới các dòng **Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng công trình**, **Chi phí khác** có thể bấm chuột phải để hiện ra hộp thoại tra cứu các nội dung thuộc chi phí tư vấn và chi phí khác.

3.5. Chi phí dự phòng

Trên sheet CP Du phong đang để các công thức cũng như mẫu bảng tính chi phí dự phòng do yếu tố phát sinh khối lượng và trượt giá.











Các bạn cần điều chỉnh linh hoạt bảng tính và công thức để phù hợp với từng địa bàn, từng cách tính hoặc số năm thực hiện dự án.

4. Biểu tượng các lệnh tắt trên Menu Ribbon



Hình 2.60 - Biểu tượng lệnh tắt trên Menu

Ý nghĩa của từng biểu tượng:

	Tổng hợp vật tư. => Chi phí xây dựng/ 1. Tổng hợp vật tư
	Giá vật liệu đến hiện trường => Chi phí xây dựng/ 2. Tính giá vật liệu/ 1 Bảng giá vật liệu đến hiện trường
	Tính giá nhân công => Chi phí xây dựng/ 3. Tính giá nhân công
	Tính giá ca máy => Chi phí xây dựng/ 4. Tính giá ca máy
	Dự toán dự thầu => Chi phí xây dựng/ 6. Tính dự toán dự thầu
	Lệnh tra giá vật tư => Tiện ích/ Tra giá vật tư
	Đổi tất cả các chữ trong ô cell thành chữ viết hoa
	Đổi tất cả các chữ trong ô cell thành chữ viết thường
	Viết hoa đối với từ đầu tiên trong ô cell
	Bật bảng đổi mã font chữ

PHẦN 3. THỰC HÀNH LẬP DỰ TOÁN TRÊN DỰ TOÁN GXD

Quy trình lập dự toán chi phí phần xây dựng (các sheet có chữ XD), phần thiết bị làm tương tự (các sheet có chữ TB).

Bước 1: Chọn cơ sở dữ liệu và nhập các thông số ban đầu

Bước 2: Tùy chọn đơn giá không đầy đủ hoặc đơn giá đầy đủ

Bước 3: Tra mã hiệu đơn giá, định mức, nhập số liệu tính toán khối lượng

Bước 4: Tổng hợp vật tư

Bước 5: Kiểm tra lại, chỉnh các bảng biểu, sắp xếp chuẩn bị in hồ sơ

I. LẬP DỰ TOÁN SỬ DỤNG ĐƠN GIÁ KHÔNG ĐẦY ĐỦ

1. Sử dụng đơn giá địa phương lập dự toán chi phí xây dựng khi tính chi phí vật liệu, nhân công, máy thi công sẽ có 2 cách tính:

- Bù trừ chênh lệch trực tiếp.
- Hoặcdùng Hệ số điều chỉnh.

1.1. Điều chỉnh chi phí vật liệu, nhân công, máy thi công bằng phương pháp bù trừ chênh lệch trực tiếp

Ví dụ: Dùng phần mềm Dự toán GXD lập dự toán chi phí cho 12 dầm của một công trình dân dụng 6 tầng, chiều cao 20m, thi công xây dựng tại Quận Thanh Xuân – Hà Nội, dầm có tiết diện 0,2x0,3m, chiều dài L=4,5m, khối lượng cốt thép theo thiết kế là 20kg/dầm. Giả sử thi công chỉ 3 công tác sau: Lắp dựng ván khuôn thép, lắp dựng cốt thép $\phi < 18$, Bê tông dầm đá 1x2, mác 250.

Lập dự toán trên phần mềm Dự toán GXD thực hiện các bước sau:

Bước 1: Chọn cơ sở dữ liệu, nhập các thông số ban đầu

a) Mở phần mềm và tiến hành Chọn cơ sở dữ liệu.

Chạy lệnh: **Hồ sơ/ Chọn cơ sở dữ liệu/** Chọn HaNoi.

b) Nhập các thông số ban đầu

Các thông số ban đầu là các hệ số, định mức tỷ lệ, giá nhiên liệu năng lượng có ảnh hưởng trực tiếp đến giá trị dự toán công trình và tính chính xác của bảng dự toán đang lập. Các giá trị thông số này sẽ được liên kết trực tiếp vào bảng **THCP xây dựng** và các bảng tính chi tiết. Thông số ban đầu được đưa vào sheet **Ts** như sau:

- Thông tin về công trình: các thông tin trên bảng này sẽ được lấy sử dụng cho nhiều bảng biểu khác. Bạn nhập các thông tin trong TMĐT để tính các khoản mục chi sau này. Đặc biệt chi phí xây dựng sau trước thuế sẽ là giá trị để nội suy định mức tỷ lệ chi phí chung khi tính chi phí xây dựng trong bước lập dự toán. Trường hợp chỉ lập báo cáo kinh tế kỹ thuật thì không cần nhập.

CÁC THÔNG SỐ VỀ CÔNG TRÌNH	
THÔNG TIN CHUNG	
DỰ ÁN:	<u>HỆ THỐNG PHẦN MỀM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG - GXD</u>
CÔNG TRÌNH:	<u>CÁC PHẦN MỀM QUẢN LÝ CHI PHÍ ĐTXD CT</u>
HẠNG MỤC:	<u>PHẦN MỀM DỰ TOÁN GXD 10</u>
ĐỊA ĐIỂM:	<u>SỐ 2A/55 NGUYỄN NGỌC NẠI, THANH XUÂN, HÀ NỘI</u>
CHỦ ĐẦU TƯ:	<u>CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁ XÂY DỰNG</u>
LOẠI, CẤP CÔNG TRÌNH, SỐ BƯỚC THIẾT KẾ, LOẠI BÁO CÁO...	
Loại công trình	<div>Công trình dân dụng ▼</div> <div>Thông thường ▼</div>
Cấp công trình	Cấp IV ▼
Số bước thiết kế	Thiết kế 2 bước ▼
Loại báo cáo	Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng ▼
THÔNG TIN VỀ TỔNG MỨC ĐẦU TƯ XÂY DỰNG	
Tổng mức đầu tư xây dựng:	<div></div>
Chi phí xây dựng trước thuế:	<div></div>
Quy mô dự án	9000 m2 sàn

Hình 3.1 – Các thông tin ban đầu về công trình

Hệ số điều chỉnh nhân công, máy thi công, các định mức tỷ lệ:

CÁC HỆ SỐ, ĐỊNH MỨC TỶ LỆ	
Hệ số vật liệu	1
Hệ số nhân công	1
Hệ số máy xây dựng	1
Định mức chi phí chung tính trên chi phí trực tiếp (C)	4,0%
Định mức thu nhập chịu thuế tính trước (TL)	5,5%
Thuế suất thuế giá trị gia tăng ($T^{GTGT-XD}$)	10%
Định mức chi phí một số công tác không xác định được khối lượng từ thiết kế (C_{KKL})	2,0%
Tỷ lệ chi phí xây dựng nhà tạm tại hiện trường để ở và điều hành thi công (C_{TN})	1,0%

Hình 3.2 – Các hệ số, định mức tỷ lệ

- Các hệ số: với cách tính vật liệu nhân công máy thi công bằng cách bù trừ chênh lệch trực tiếp thì các hệ số này giữ nguyên là 1.

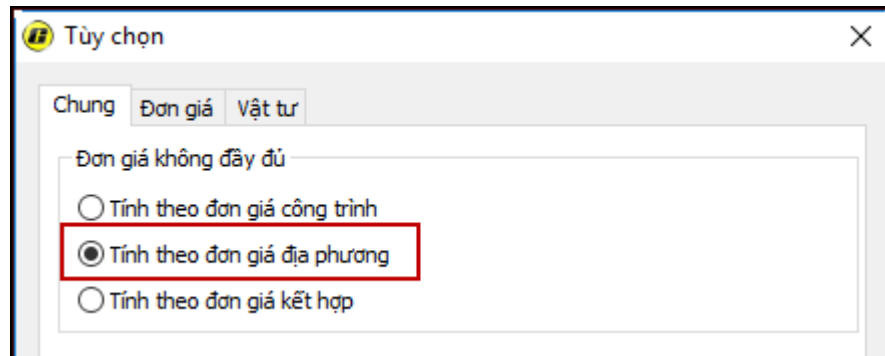
- Các định mức tỷ lệ: chi phí chung, thu nhập chịu thuế tính trước, chi phí một số công tác không xác định được khối lượng từ thiết kế, Tỷ lệ chi phí xây dựng nhà tạm tại hiện trường để ở và điều hành thi công được xác định bằng các định mức tỷ lệ phù hợp với từng loại công trình. Trên hình 3.1, các bạn thấy có các Listbox hiện ra, bạn chỉ cần bấm vào và chọn loại công trình, cùng các thông tin khác cho phù hợp với

công trình thì các định mức tỷ lệ phù hợp sẽ được tự động tra ra cho đúng. Các định mức tỷ lệ này được tra tại Thông tư số 06/2016/TT-BXD.

- Thuế suất GTGT theo thông tư mới nhất của Bộ Tài chính hướng dẫn luật thuế GTGT (mức thuế suất hiện hành là 10% cho đầu ra công trình xây dựng).

Bước 2: Tùy chọn cách tính Đơn giá không đầy đủ

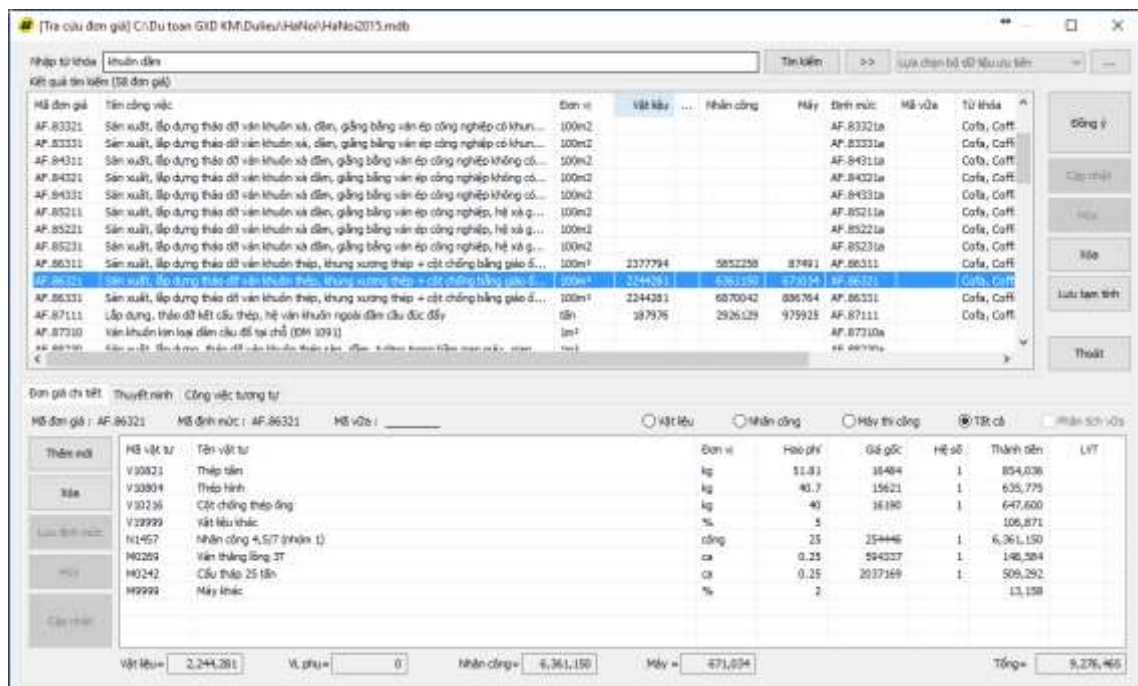
Chạy lệnh: **Hồ sơ/Các tùy chọn/ Tính theo đơn giá địa phương** để thực hiện ví dụ này. Chọn xong ta kích chuột vào **Đồng ý**.



Hình 3.3 – Chọn phương pháp lập dự toán

Bước 3: Tra mã, nhập khối lượng tính toán

Thực hiện tra mã hiệu cho các công tác tại sheet **Du toán XD**.



Hình 3.4 – Chọn mã hiệu từ hộp thoại mã hiệu

Với công tác thứ nhất “công tác ván khuôn đầm” bạn tra bằng cách gõ từ khóa “khuôn+đầm” hoặc “khuôn đầm” vào cột Mã hiệu đơn giá.

Gõ từ khóa xong bấm Enter, lúc đó hộp thoại chọn mã hiệu hiện ra ta thấy mã hiệu AF.86321 có nội dung phù hợp với nội dung công việc đang cần tra.

Một số công tác khi tra ra nội dung công việc chưa đúng với nội dung công việc đang cần có thể chỉnh sửa lại cho phù hợp, sau đó nhập diễn giải khối lượng.

Thực hiện tương tự cho 2 công tác còn lại, nhận được 2 mã AF. 61523 và AF.22333. Ta tiến hành nhập diễn giải khối lượng cho từng công tác. Sau khi hoàn thành kết quả thu được như hình sau:

BẢNG DỰ TOÁN CHI PHÍ XÂY DỰNG										
CÔNG TRÌNH: CÁC PHẦN MỀM QUẢN LÝ CHI PHÍ ĐTXD CT										
HẠNG MỤC: PHẦN MỀM DỰ TOÁN GXD 10										
ĐVT: đồng										
STT	MÃ HIỆU ĐƠN GIÁ	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ			THÀNH TIỀN		
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	VẬT LIỆU	NHÂN CÔNG	MÁY	VẬT LIỆU	NHÂN CÔNG	MÁY
[11]	[12]	[13]	[14]	[15]	[16]	[17]	[18]	[19]=[5]*[16]	[20]=[5]*[17]	[21]=[5]*[18]
1	AF.86321	Sản xuất, lắp dựng tháo dỡ ván khuôn thép, khung xương thép + cột chống bằng giáo ống, ván khuôn xà dầm, giằng, chiều cao ≤50m 12x(0,2x4,5+0,3x4,5x2)100	100m ²	0,432	2.244.281	6.361.150	671.034	969.529	2.748.017	289.887
2	AF.61523	Sản xuất, lắp dựng cột thép xà dầm, giằng, đường kính ≤18mm, chiều cao ≤50m 12x20/1000	tấn	0,24	16.391.100	2.479.188	523.941	3.933.864	595.005	125.746
3	AF.22333	Bê tông sản xuất qua dây chuyền trạm trộn tại hiện trường hoặc vữa bê tông thương phẩm từ các cơ sở sản xuất tập trung và đổ bằng cần cẩu, bê tông xà dầm, giằng, sàn mái, chiều cao ≤50m đá 1x2, vữa bê tông mác 200 12x0,2x0,3x4,5	m ³	3,24	671.356	705.865	122.925	2.175.193	2.287.003	398.277
<div> <div>Tổng hợp kinh phí</div> <div>THCP xây dựng</div> <div>Đơn giá tổng hợp</div> <div>Du toán XD</div> <div>Đơn giá XD</div> <div>TH vật tư XD</div> <div>Thống kê thép</div> </div>										

Hình 3.5 – Bảng dự toán tất cả các công tác

Sau khi tra xong các mã hiệu đơn giá phù hợp, phần mềm sẽ tự động phân tích đơn giá giá chi tiết cho các công tác đó theo đúng định mức hao phí và đơn giá vật tư tại thời điểm công bố bộ đơn giá địa phương trên sheet **Đơn giá XD**.

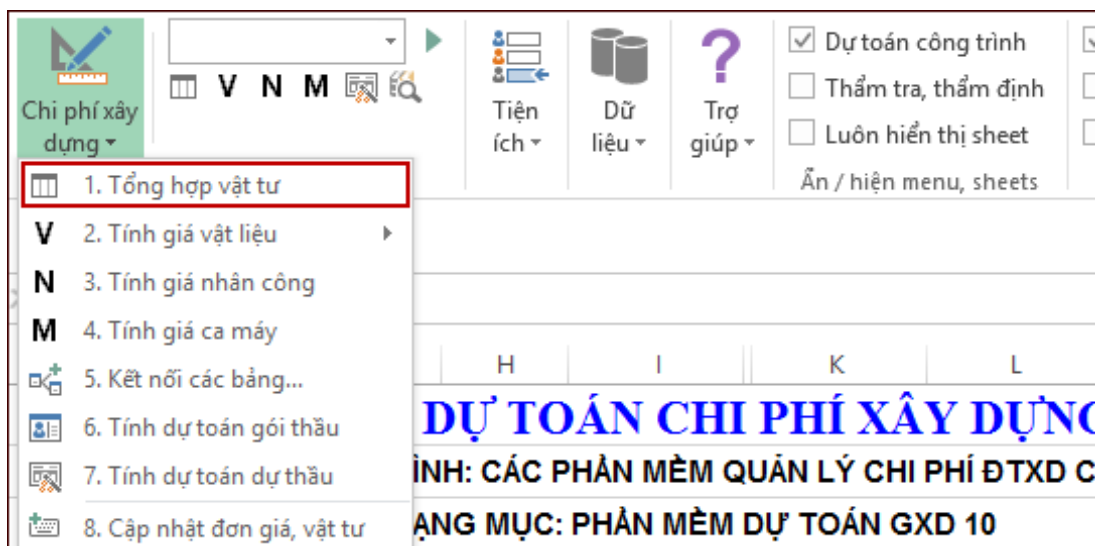
BẢNG PHÂN TÍCH ĐƠN GIÁ CHI TIẾT									
CÔNG TRÌNH: CÁC PHẦN MỀM QUẢN LÝ CHI PHÍ ĐTXD CT									
HẠNG MỤC: PHẦN MỀM DỰ TOÁN GXD 10									
ĐVT: đồng									
STT	MÃ HIỆU ĐƠN GIÁ	MSVT	TÊN CÔNG VIỆC / THÀNH PHẦN HAO PHÍ	ĐƠN VỊ	ĐỊNH MỨC HAO PHÍ	ĐƠN GIÁ	HỆ SỐ	THÀNH TIỀN	
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[7]	[8]	[9]	[10]	
1	AF.86321		Sản xuất, lắp dựng tháo dỡ ván khuôn thép, khung xương thép + cột chống bằng giáo ống, ván khuôn xà dầm, giằng, chiều cao ≤50m	100m ²					
			Vật liệu					2.244.281	
		V10821	Thép tấm	kg	51,81	16.484		854.036	
		V10804	Thép hình	kg	40,7	15.621		635.775	
		V10216	Cột chống thép ống	kg	40	16.190		647.600	
		V19999	Vật liệu khác	%	5			106.871	
			Nhân công					6.361.150	
		N1457	Nhân công 4,5/7	công	25	254.446		6.361.150	
			Máy thi công					671.034	
		M0269	Vận thăng lồng 3T	ca	0,25	594.337		148.584	
		M0242	Cầu tháp 25 tấn	ca	0,25	2.037.169		509.292	
		M9999	Máy khác	%	7			13.158	
<div> <div>Ts</div> <div>Bia</div> <div>TM</div> <div>Tổng hợp kinh phí</div> <div>THCP xây dựng</div> <div>Đơn giá tổng hợp</div> <div>Du toán XD</div> <div>Đơn giá XD</div> </div>									

Hình 3.6 – Bảng đơn giá chi tiết

Bước 4: Tổng hợp vật tư

Mục đích của việc thực hiện tổng hợp vật tư này là đưa tất cả các vật tư và tổng khối lượng hao phí của các vật tư đó ở bảng Đơn giá chi tiết sang tổng hợp thành 1 bảng. Với tùy chọn **Tính theo đơn giá địa phương** thì bảng hiện ra là **Bảng Tổng hợp và tính chênh lệch vật tư**. Sau khi có bảng tổng hợp, thực hiện bù trừ chênh lệch tại đây.

Chạy lệnh: **Chi phí xây dựng/ 1. Tổng hợp vật tư**



Hình 3.7 – Lệnh Tổng hợp vật tư

Kết quả nhận được:

BẢNG TỔNG HỢP VÀ TÍNH CHÊNH LỆCH VẬT TƯ XÂY DỰNG								
CÔNG TRÌNH: CÁC PHẦN MỀM QUẢN LÝ CHI PHÍ ĐTXD CT								
HẠNG MỤC: PHẦN MỀM DỰ TOÁN GXD 10								
STT	MSVT	TÊN VẬT TƯ	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	GIÁ VẬT TƯ GỐC	GIÁ VẬT TƯ TẠI THỜI ĐIỂM LẬP DỰ TOÁN	CHÊNH LỆCH	THÀNH TIỀN
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]	[7]	[8]=[7]-[6]	[9]=[5]*[8]
A Vật liệu								
1	V10135	Cát vàng đỏ bê tông	m ³	1,49	189.000	189.000		
2	V10216	Cột chống thép ống	kg	17,28	16.190	16.190		
3	V10280	Đá 1x2	m ³	2,88	214.000	214.000		
4	V10263	Dây thép	kg	3,43	19.000	19.000		
5	V10543	Nước	lít	647,60	5	5		
6	V10613	Que hàn	kg	1,13	18.600	18.600		
7	V10804	Thép hình	kg	17,58	15.621	15.621		
8	V10821	Thép tấm	kg	22,38	16.484	16.484		
9	V10834	Thép tròn D≤18mm	kg	244,80	15.718	15.718		
10	V10896	Xi măng PC30	kg	1.198,88	1.045	1.045		
		Vật liệu khác	%					
B Nhân công								
11	N1457	Nhân công 4,5/7	công	10,80	254.446	254.446		
12	N1357	Nhân công 3,5/7	công	13,31	216.523	216.523		
C Máy thi công								
13	M0242	Cầu tháp 25 tấn	ca	0,21	2.037.169	2.037.169		
14	M0355	Đầm dùi 1,5Kw	ca	0,58	230.940	230.940		
15	M0522	Máy cắt uốn cắt thép 5Kw	ca	0,08	236.812	236.812		
16	M0485	Máy hàn điện 23Kw	ca	0,27	328.420	328.420		

Hình 3.8 – Bảng tổng hợp và tính chênh lệch vật tư

a. Xác định giá vật liệu tại thời điểm hiện tại:

Tại bảng **Tổng hợp và chênh lệch vật tư xây dựng**, nhập giá vật liệu theo giá thông báo từng thời điểm vào cột “Giá vật tư tại thời điểm lập dự toán”.

Xác định giá hiện tại (thời điểm lập giá dự toán) bằng những nguồn như sau:

- + Tra tìm công bố giá mới nhất về vật liệu của các địa phương.
- + Thu thập các công bố giá của các tổ chức, đơn vị có uy tín.
- + Giá vật liệu từ hồ sơ dự toán của các công trình đã thực hiện.
- + Tìm thông tin giá gốc, giá cước vận chuyển hoặc chi phí vận chuyển ...

❖ Để hỗ trợ người dùng không mất quá nhiều thời gian và công sức trong công việc này. Phần mềm Dự toán GXD đã phát triển tính năng **Tra cứu giá vật tư từ thông báo giá**.

Thao tác lệnh: **Tiện ích/ Tra giá vật tư/ Từ giá thông báo**

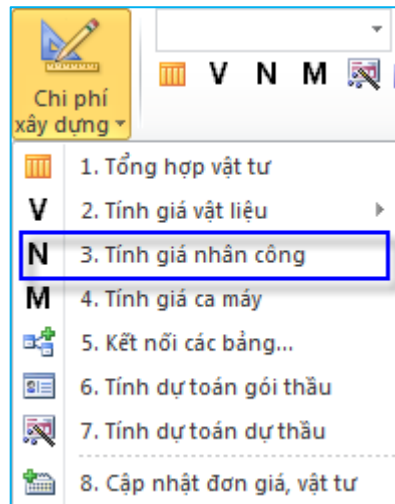
Với những vật liệu không có trong thông báo giá, chúng ta tiến hành nhập tay vào để hoàn thiện.

BẢNG TỔNG HỢP VÀ TÍNH CHÊNH LỆCH VẬT TƯ XÂY DỰNG									
CÔNG TRÌNH: CÁC PHẦN MỀM QUẢN LÝ CHI PHÍ ĐTXD CT									
HẠNG MỤC: PHẦN MỀM DỰ TOÁN GXD 10									
ĐVT: đồng									
STT	MSVT	TÊN VẬT TƯ	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	GIÁ VẬT TƯ GỐC	GIÁ VẬT TƯ TẠI THỜI ĐIỂM LẬP DỰ TOÁN	CHÊNH LỆCH	THÀNH TIỀN	NGUỒN
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]	[7]	[8]=[7]-[6]	[9]=[5]*[8]	[10]
4		Vật liệu						-595.585	
1	V10135	Cát vàng đỏ bê tông	m ³	1,49	189.000	189.630	630	942	STT 5 - Trang 1 - CBG số 01/2015/CBG-LS ngày 01/03/2015
2	V10216	Cột chống thép ống	kg	17,28	16.190	17.200	1.010	17.453	
3	V10280	Đá 1x2	m ³	2,88	214.000	222.789	8.789	25.277	STT 18 - Trang 1 - CBG số 01/2015/CBG-LS ngày 01/03/2015
4	V10263	Dây thép	kg	3,43	19.000	19.500	500	1.714	
5	V10543	Nước	lít	647,60	5	7	3	1.619	
6	V10613	Que hàn	kg	1,13	18.600	19.800	1.200	1.354	STT 268 - Trang 7 - CBG số 01/2015/CBG-LS ngày 01/03/2015
7	V10804	Thép hình	kg	17,58	15.621	16.400	779	13.697	
8	V10821	Thép tấm	kg	22,38	16.484	17.100	616	13.787	
9	V10834	Thép tròn D≤18mm	kg	244,80	15.718	13.143	-2.575	-630.360	STT 166 - Trang 5 - CBG số 01/2015/CBG-LS ngày 01/03/2015
10	V10896	Nỉ măng PC30	kg	1.198,88	1.045	1.009	-36	-43.160	
		Vật liệu khác	%					2.094	
19	B	Nhà công							

Hình 3.9 – Bù giá vật liệu tại Bảng tổng hợp và chênh lệch

b. Xác định đơn giá nhân công thời điểm hiện tại

Chạy lệnh: **Chi phí xây dựng/ 3. Tính giá nhân công**



Hình 3.10 – Lệnh tính bảng giá nhân công

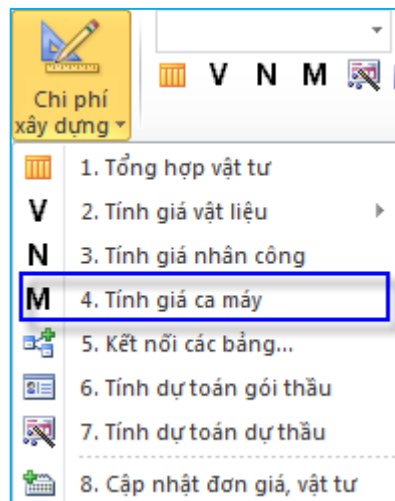
Kết quả nhận được bảng giá nhân công như sau:

	A	B	C	D	E	F	M
1			BẢNG ĐƠN GIÁ NHÂN CÔNG XÂY DỰNG				
2			CÔNG TRÌNH: CÁC PHẦN MỀM QUẢN LÝ CHI PHÍ ĐTXD CT				
3							
4			- Mức lương đầu vào sử dụng để xác định đơn giá nhân công (L_{NC}):				2.350.000 đ/tháng
5							
6	STT	MSVT	LOẠI NHÂN CÔNG	CẤP BẬC	HỆ SỐ LƯƠNG H_{CB}	LƯƠNG CẤP BẬC L_{CB} (đ/tháng)	ĐƠN GIÁ NHÂN CÔNG G_{NC} (đ/công)
7							
8	[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]= $H_{CB} \times L_{NC}$	[7]=[6]/ 26
9	1	N1457	Nhân công 4,5/7	4,5	2,780	6.533.000	251.269
10	2	N1357	Nhân công 3,5/7	3,5	2,355	5.534.250	212.856
11							

Hình 3.11 – Bảng lương nhân công

c. Xác định giá ca máy thời điểm hiện tại

Chạy lệnh: **Chi phí xây dựng/ 4. Tính giá ca máy**



Hình 3.12 – Tính bảng giá ca máy

Kết quả nhận được bảng giá ca máy như sau:

BẢNG GIÁ CA MÁY VÀ THIẾT BỊ THI CÔNG XÂY DỰNG																	
CÔNG TRÌNH: CÁC PHẦN MỀM QUẢN LÝ CHI PHÍ ĐTXD CT																	
HẠNG MỤC: PHẦN MỀM DỰ TOÁN GXD 10																	
ĐVT: đồng/cá																	
ST T	MSVT	LOẠI MÁY, THIẾT BỊ	SỐ CÁN/NĂM	BÌNH MỨC KHẨU HẠO, SỬA CHỮA, CHI PHÍ KHÁC 1 NĂM (C _{kh})				BÌNH MỨC TIÊU HAO NHIÊN LIỆU, NĂNG LƯỢNG 1 CÁ (C _{nl})	HỆ SỐ NHIE N LIỆU PHỤ	THÀNH PHẦN CẤP BẠC THỜI ĐIỀU KHIỆN MÁY	NGUYÊN GIÁ (GIÁ TÍNH KHẨU HẠO)	CHI PHÍ KHẨU HẠO (C _{kh})	CHI PHÍ SỬA CHỮA (C _{sc})	CHI PHÍ NHIÊN LIỆU, NĂNG LƯỢNG (C _{nl})	CHI PHÍ TIỀN LƯƠNG (C _{tl})	CHI PHÍ KHÁC (C _{ck})	GIÁ CA MÁY (C _{cm})
				Khẩu hao	Hệ số thu hồi khi than	Sửa chữa	CP #										
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
1	M0269	Vận thăng lồng 3T	280	17	0,95	4,1	5	47,30 kWh	1,07	1x3/7	353.990.000	204.176	51.581	82.092	195.231	63.213	596.293
2	M0242	Cầu tháp 25 tấn	280	13	0,95	3,8	6	44,40 kWh	1,07	1x3/7+1x6/7	1.675.045.000	738.814	227.328	208.266	517.000	358.938	2.050.346
3	M0485	Máy hàn điện 23Kw	180	24	1	4,8	5	48,30 kWh	1,07	1x4/7	8.841.000	11.788	2.377	83.827	230.481	2.456	330.929
4	M0522	Máy cắt uốn cắt thép 5Kw	220	14	1	4,1	4	9,00 kWh	1,07	1x3/7	12.702.000	8.083	2.356	15.620	195.231	2.309	223.599
5	M0355	Đầm dùi 1,5Kw	110	20	1	8,8	4	6,75 kWh	1,07	1x3/7	3.178.000	5.778	2.528	11.715	195.231	1.156	216.408

Hình 3.13 – Bảng giá ca máy

Đơn giá nhân công và đơn giá máy thi công tính ra sẽ tự động kết nối sang bảng **Tổng hợp và chênh lệch vật tư** để bù chênh lệch trực tiếp.

Để tính toán được đúng đơn giá nhân công và giá ca máy tại thời điểm lập dự toán, bạn quay lại sheet **Ts** để nhập các thông số đầu vào.

- Kiểm tra thông tư mới xác định định mức chi phí chung dự vào chi phí trực tiếp lúc này nhập định mức tỷ lệ mới phù hợp.
- Đối với nhân công: chọn địa phương trên Listbox sẽ tự động đưa ra vùng lương và mức lương đầu vào để tính đơn giá nhân công theo hướng dẫn của Thông tư số 05/2016/TT-BXD.
- Các thông số về nhiên liệu, năng lượng: giá xăng, dầu... tham khảo tại trang petrolimex.com.vn của Tập đoàn xăng dầu Việt Nam. Giá điện tham khảo tại trang evn.com.vn của Tập đoàn điện lực Việt Nam.

CHẾ ĐỘ TIỀN LƯƠNG - GIÁ NHIÊN LIỆU, NĂNG LƯỢNG (TRƯỚC VAT)

Địa phương:

Tỉnh Thái Bình

Huyện Đông Hưng

Vùng IV

Mức lương cơ sở đầu vào để xác định đơn giá nhân công theo Thông tư số 05/2016/TT-BXD

1.900.000 ÷ 2.050.000 đồng/tháng

Căn cứ vào Văn bản hướng dẫn của địa phương, nhập mức lương cơ sở đầu vào ô dưới đây

2.050.000 đồng/tháng

Giá xăng	13.582 đ/lit
Giá dầu Diesel	9.427 đ/lit
Giá dầu Mazut	6.296 đ/lit
Giá điện	1.622 đ/kWh

Hình 3.14 – Các thông số về tiền lương và giá nhiên liệu, năng lượng

Bước 5: Kiểm tra lại, chỉnh các bảng biểu, sắp xếp chuẩn bị in hồ sơ

Sau khi bù giá về vật liệu, nhân công cũng như máy thi công bạn chuyển đến sheet THCP xây dựng sẽ nhận được giá trị dự toán – chi phí xây dựng sau thuế là: **15.792.521 đồng.**

BẢNG TỔNG HỢP DỰ TOÁN CHI PHÍ XÂY DỰNG						
CÔNG TRÌNH: CÁC PHẦN MỀM QUẢN LÝ CHI PHÍ ĐTXD CT						
HẠNG MỤC: PHẦN MỀM DỰ TOÁN GXD 10						
				ĐVT: đồng		
STT	KHOẢN MỤC CHI PHÍ	CÁCH TÍNH	GIÁ TRỊ	KÝ HIỆU	HS1	HS2
	CHI PHÍ THEO ĐƠN GIÁ					
	Chi phí vật liệu		7.078.587	A		
	Chênh lệch vật liệu		-595.585	CLVL		
	Chi phí nhân công		5.630.025	B		
	Chênh lệch nhân công		-83.121	CLNC		
	Chi phí máy xây dựng		813.910	C		
	Chênh lệch máy xây dựng		-5.724	CLM		
I	CHI PHÍ TRỰC TIẾP					
1	Chi phí vật liệu	(A + CLVL) * 1	6.483.002	VL	1	
2	Chi phí nhân công	B*1+CLNC	5.546.903	NC	1	
3	Chi phí máy thi công	C*1+CLM	808.186	M	1	
	Chi phí trực tiếp	VL+NC+M	12.838.091	T		
II	CHI PHÍ CHUNG	T*6%	770.285	C	6,0%	
III	THU NHẬP CHỊU THUẾ TÍNH TRƯỚC	(T+C)*5,5%	748.461	TL	5,5%	
	Chi phí xây dựng trước thuế	T+C+TL	14.356.837	G		
IV	THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG	G*10%	1.435.684	GTGT	10%	
	Chi phí xây dựng sau thuế	G+GTGT	15.792.521	G _{XD}		
	NGƯỜI LẬP	NGƯỜI CHỦ TRÌ				

Bảng 3.15 – Bảng tổng hợp chi phí xây dựng

Sử dụng lệnh in trong Menu tiện ích để in ấn.

Các sheet cần in ra có thể bao gồm: **Bia, TM, THCP xây dựng, Du toan XD, Đơn giá XD, TH vật tư XD** (tương tự cho phần thiết bị).

Trường hợp có thuyết minh viết riêng bên Word, không viết vào sheet **TM**, cần phải đánh số nối tiếp thuyết minh.

1.2. Điều chỉnh chi phí vật liệu, nhân công, máy thi công bằng phương pháp dùng hệ số điều chỉnh

Nếu Sở Xây dựng địa phương có công bố hệ số điều chỉnh nhân công, giá ca máy. Tại sheet **Ts** nhập hệ số trong phần Các Hệ số, Định mức tỷ lệ. Khi có hệ số điều chỉnh thì trong bảng **Tổng hợp và chênh lệch vật tư** giữ nguyên phần nhân công và máy thi công mà không phải nhập giá hay nối giá từ bảng **Lương nhân công và Giá ca máy**.

Với phương pháp này, người dùng chỉ chạy đến **Bảng tổng hợp và tính chênh lệch** và dừng lại để nhập Giá vật liệu cùng Hệ số điều chỉnh NC, MTC tại sheet **Ts**. **Không cần chạy lệnh tính bảng Nhân công và Máy thi công**.

2. Chi phí vật liệu, nhân công, máy tính theo đơn giá công trình

Đơn giá công trình là Đơn giá mà người lập dự toán tự xây dựng lên từ Định mức và các giá vật liệu, nhân công, máy thi công tại công trình đó ở thời điểm lập dự toán (thay vì dùng Đơn giá địa phương và bù giá).

Ví dụ: Giả sử chúng ta cần lập dự toán chi phí xây dựng theo đơn giá công trình cho công tác thi công cột bê tông cốt thép tiết diện $<0,1\text{m}^2$ của một công trình dân dụng (công trình cao $<16\text{m}$, thi công tại Thanh Xuân – Hà Nội) cho 3 công tác với số liệu như sau:

Công tác lắp dựng cốt thép (giả thiết chỉ dùng $\phi <18\text{mm}$): 10,871 (tấn)

Công tác ván khuôn cột, ván khuôn kim loại (cột vuông): 9,879 (100m²)

Công tác đổ bê tông cột (bê tông đá 1x2, mác 200): 115.737 (m³)

Bước 1: Chọn cơ sở dữ liệu, nhập các thông số ban đầu

Thực hiện tương tự như ví dụ bù trừ trực tiếp vật liệu, nhân công, máy thi công

Bước 2: Tùy chọn cách tính chi phí vật liệu, nhân công, máy thi công

Chạy lệnh: **Hồ sơ/ Các tùy chọn/ Tính theo đơn giá công trình/Đồng ý.**

Bước 3: Tra mã, nhập khối lượng tính toán

BẢNG DỰ TOÁN CHI PHÍ XÂY DỰNG										
CÔNG TRÌNH: CÁC PHẦN MỀM QUẢN LÝ CHI PHÍ ĐTXD CT										
HẠNG MỤC: PHẦN MỀM DỰ TOÁN GXD 10										
STT	MÃ HIỆU ĐƠN GIÁ	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ			THÀNH TIỀN		
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	VẬT LIỆU	NHÂN CÔNG	MÁY	VẬT LIỆU	NHÂN CÔNG	MÁY
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]	[7]	[8]	[9]=[5]*[6]	[10]=[5]*[7]	[11]=[5]*[8]
1	AF.61422	Sản xuất, lắp dựng cốt thép cột, trụ, đường kính $\leq 18\text{mm}$, chiều cao $\leq 16\text{m}$	tấn	10,871	16.393.332	2.206.369	479.880	178.211.912	23.985.441	5.216.780
2	AF.82111	Sản xuất, lắp dựng tháo dỡ ván khuôn thép cho bê tông đổ tại chỗ, cây chống gỗ, ván khuôn tường, cột vuông (chữ nhật), xà dầm, giằng, chiều cao $\leq 16\text{m}$	100m ²	9,879	2.848.782	8.954.572	589.973	28.143.117	88.462.221	5.828.344
3	AF.22223	Bê tông sản xuất qua dây chuyền trạm trộn tại biển trường hoặc vữa bê tông thương phẩm từ các cơ sở sản xuất tập trung và đổ bằng cần cẩu, bê tông cột tiết diện $\leq 0,1\text{m}^2$, chiều cao $\leq 16\text{m}$ đá 1x2, vữa bê tông mác 200	m ³	115,737	713.744	824.953	210.809	82.606.552	95.477.543	24.398.408
TC		Tổng cộng						288.961.582	207.925.205	35.443.533
								A	B	C

Hình 3.16 - Bảng dự toán các công tác

Khi tra mã hiệu thì đồng thời phần mềm cũng phân tích đơn giá chi tiết và tự động nối sang bảng dự toán.

Bước 4: Tổng hợp vật tư

Chạy lệnh: **Chi phí xây dựng/ 1. Tổng hợp vật tư**

Kết quả nhận được:

BẢNG GIÁ VẬT TƯ							
CÔNG TRÌNH: CÁC PHẦN MỀM QUẢN LÝ CHI PHÍ ĐTXD CT							
HẠNG MỤC: PHẦN MỀM DỰ TOÁN GXD 10							
ĐVT: đồng							
STT	MSVT	TÊN VẬT TƯ	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	GIÁ VẬT TƯ TẠI THỜI ĐIỂM LẬP DỰ TOÁN	THÀNH TIỀN	NGUỒN
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]	[7]=[5]*[6]	[10]
A		Vật liệu				288.961.582	
1	V10135	Cát vàng đỏ bê tông	m³	53,38	189.000	10.089.518	
2	V10280	Đá 1x2	m³	102,73	214.000	21.985.065	
3	V10329	Đỉnh	kg	5,56	19.000	105.552	
4	V10334	Đỉnh đĩa	cái	40,74	3.000	122.218	
5	V10263	Dây thép	kg	155,24	19.000	2.949.520	
6	V10432	Gỗ chống	m³	4,90	2.000.000	9.799.968	
7	V10449	Gỗ ván cầu công tác	m³	2,31	2.000.000	4.629.480	
8	V10543	Nước	lít	23.132,93	5	104.098	
9	V10613	Que hàn	kg	107,72	18.600	2.003.604	
10	V10804	Thép hình	kg	482,49	15.621	7.536.982	
11	V10821	Thép tấm	kg	511,83	16.484	8.437.022	
12	V10834	Thép tròn D≤18mm	kg	11.088,42	15.718	174.287.786	
<div> <div>Tổng hợp kinh phí</div> <div>THĐT gọi thầu XD</div> <div>THCP xây dựng</div> <div>Đơn giá tổng hợp</div> <div>TH vật tư XD</div> <div>Dự toán XD</div> <div>Đơn giá</div> </div>							

Hình 3.17 – Bảng Giá vật tư

Các bước nhập giá vật liệu, kết xuất bảng giá nhân công và kết xuất bảng giá ca máy tương tự như ví dụ bù trừ trực tiếp vật liệu, nhân công, máy thi công. Sau khi hoàn thiện thao tác, ta được bảng giá vật tư như sau.

ĐVT: đồng							
STT	MSVT	TÊN VẬT TƯ	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	GIÁ VẬT TƯ TẠI THỜI ĐIỂM LẬP DỰ TOÁN	THÀNH TIỀN	NGUỒN
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]	[7]=[5]*[6]	[10]
A		Vật liệu				264.259.279	
1	V10135	Cát vàng đỏ bê tông	m³	53,38	189.630	10.123.149	STT 5 - Trang 1 - CBG số 01/2015/CBG-LS ngày 01/03/2015
2	V10280	Đá 1x2	m³	102,73	222.789	22.887.994	STT 18 - Trang 1 - CBG số 01/2015/CBG-LS ngày 01/03/2015
3	V10329	Đỉnh	kg	5,56	20.000	111.108	
4	V10334	Đỉnh đĩa	cái	40,74	3.000	122.218	
5	V10263	Dây thép	kg	155,24	19.500	3.027.139	
6	V10432	Gỗ chống	m³	4,90	2.000.000	9.799.968	STT 155 - Trang 4 - CBG số 01/2015/CBG-LS ngày 01/03/2015
7	V10449	Gỗ ván cầu công tác	m³	2,31	2.000.000	4.629.480	STT 149 - Trang 4 - CBG số 01/2015/CBG-LS ngày 01/03/2015
8	V10543	Nước	lít	23.132,93	7	161.931	
9	V10613	Que hàn	kg	107,72	19.800	2.132.868	STT 268 - Trang 7 - CBG số 01/2015/CBG-LS ngày 01/03/2015
10	V10804	Thép hình	kg	482,49	16.100	7.768.095	
11	V10821	Thép tấm	kg	511,83	16.500	8.445.211	
12	V10834	Thép tròn D≤18mm	kg	11.088,42	13.143	145.735.104	STT 166 - Trang 5 - CBG số 01/2015/CBG-LS ngày 01/03/2015
13	V10896	Nỉ máng PC30	kg	42.825,58	1.100	47.108.142	
		Vật liệu khác	%			2.206.873	
B		Nhân công				264.600.129	
14	N1357	Nhân công 3,5/7	công	551,73	212.856	117.439.650	
15	N1407	Nhân công 4,0/7	công	378,17	230.481	87.160.479	
C		Máy thi công				34.983.980	
16	M0224	Cần trục bánh xích 10 tấn	ca	10,42	1.820.568	18.963.637	
17	M0335	Đảm dùi 1,5Kw	ca	20,83	216.408	4.508.354	
18	M0522	Máy cắt uốn cắt thép 5Kw	ca	3,48	223.590	777.838	
19	M0485	Máy hàn điện 23Kw	ca	27,43	330.929	9.077.005	
20	M0286	Máy vận thăng 0,8T	ca	2,90	334.362	971.185	
		Máy khác	%			685.960	
T		Tổng cộng				503.843.388	
<div> <div>Dự toán XD</div> <div>Đơn giá XD</div> <div>TH vật tư XD</div> <div>Thống kê thép</div> <div>Nhân công XD</div> <div>Giá ca máy XD</div> </div>							

Hình 3.18 – Bảng Giá vật tư sau khi hoàn thiện

Điểm khác nhau cơ bản nhất của cách **tính theo đơn giá công trình** so với cách **tính theo đơn giá địa phương** là giá vật tư tại thời điểm lập dự toán sẽ tự động được

nổi sang sheet **Don gia XD** để tính ra đơn giá VL, NC, MTC tại đúng thời điểm đang lập dự toán và đơn giá này sẽ được nổi sang bảng **Dự toán XD** để tính thành tiền chi phí vật liệu, chi phí nhân công, chi phí máy thi công tại thời điểm hiện tại mà không cần phải bù trừ chênh lệch.

BẢNG DỰ TOÁN CHI PHÍ XÂY DỰNG										
CÔNG TRÌNH: CÁC PHẦN MỀM QUẢN LÝ CHI PHÍ ĐTXD CT										
HẠNG MỤC: PHẦN MỀM DỰ TOÁN GXD 10										
ĐVT: đồng										
STT	MÃ HIỆU ĐƠN GIÁ	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	ĐƠN VỊ	KHOẢNG LƯỢNG	ĐƠN GIÁ			THÀNH TIỀN		
					VẬT LIỆU	NHÂN CÔNG	MÁY	VẬT LIỆU	NHÂN CÔNG	MÁY
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]	[7]	[8]	[9]=[5]*[6]	[10]=[5]*[7]	[11]=[5]*[8]
1	AF 61422	Sản xuất, lắp dựng cột thép cột, trụ, đường kính ≤18mm, chiều cao ≤16m	tán	10,871	13.779.756	2.169.000	478.180	149.799.727	23.579.202	5.198.293
2	AF 82111	Sản xuất, lắp dựng tháo dỡ ván khuôn thép cho bê tông đổ tại chỗ, cây chống gỗ, ván khuôn tường, cột vuông (chữ nhật), xà dầm, giằng, chiều cao ≤16m	100m ²	9,879	2.881.272	8.822.804	591.584	28.464.091	87.160.479	5.844.255
3	AF 22223	Bê tông sản xuất qua dây chuyền trạm trộn tại hiện trường hoặc vữa bê tông thương phẩm từ các cơ sở sản xuất tập trung và đổ bằng cần cẩu, bê tông cột tiết diện ≤0,1m ² , chiều cao ≤16m, đá 1x2, vữa bê tông mác 200	m ³	115,737	743.025	810.980	206.861	85.995.461	93.860.448	23.941.431
TC		Tổng cộng						264.259.279	204.600.129	34.983.980
								A	B	C

Hình 3.19 – Bảng dự toán với đơn giá công trình

Bảng Tổng hợp dự toán chi phí xây dựng sau đây thể hiện đầy đủ dự toán chi phí phần xây dựng, kết quả nhận được như hình sau:

A	B	C	D	E	F	G
1	BẢNG TỔNG HỢP DỰ TOÁN CHI PHÍ XÂY DỰNG					
2	CÔNG TRÌNH: CÁC PHẦN MỀM QUẢN LÝ CHI PHÍ ĐTXD CT					
3	HẠNG MỤC: PHẦN MỀM DỰ TOÁN GXD 10					
4	ĐVT: đồng					
5	STT	KHOẢN MỤC CHI PHÍ	CÁCH TÍNH	GIÁ TRỊ	KÝ HIỆU	HS1 HS2
6		CHI PHÍ THEO ĐƠN GIÁ				
7		Chi phí vật liệu		264.259.279	A	
9		Chi phí nhân công		204.600.129	B	
11		Chi phí máy xây dựng		34.983.980	C	
13	I	CHI PHÍ TRỰC TIẾP				
14	1	Chi phí vật liệu	A*1	264.259.279	VL	1
15	2	Chi phí nhân công	B*1	204.600.129	NC	1
16	3	Chi phí máy thi công	C*1	34.983.980	M	1
17		Chi phí trực tiếp	VL+NC+M	503.843.388	T	
18	II	CHI PHÍ CHUNG	T*6%	30.230.603	C	6,0%
19	III	THU NHẬP CHỊU THUẾ TÍNH TRƯỚC	(T+C)*5,5%	29.374.070	TL	5,5%
20		Chi phí xây dựng trước thuế	T+C+TL	563.448.061	G	
21	IV	THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG	G*10%	56.344.806	GTGT	10%
22		Chi phí xây dựng sau thuế	G+GTGT	619.792.867	G _{XD}	

Hình 3.20 – Bảng dự toán chi phí xây dựng công trình

Bước 5: Kiểm tra lại, chỉnh các bảng biểu, sắp xếp chuẩn bị in hồ sơ

Thực hiện tương tự như ví dụ bù trừ trực tiếp vật liệu, nhân công, máy thi công

3. Chi phí vật liệu, nhân công, máy tính theo đơn giá kết hợp

Hình 3.21 – Bảng dự toán chi phí xây dựng công trình

Lập dự toán tính theo đơn giá kết hợp chính là sự kết hợp của hai cách lập dự toán theo đơn giá không đầy đủ đã nêu trên. Với cách lập dự toán này thì các bước và thao tác trên phần mềm tương tự như 2 ví dụ trên. Chỉ có sự khác biệt là **đơn giá vật liệu** sẽ được tính theo đơn giá công trình, đơn giá nhân công và máy thi công thì vẫn tính theo đơn giá địa phương.

II. LẬP DỰ TOÁN SỬ DỤNG ĐƠN GIÁ ĐẦY ĐỦ

Để đồng bộ với dự toán gói thầu, bảng dự toán có thể lập theo đơn giá đầy đủ. Khi đó cách lập dự toán nhìn sẽ đơn giản và dễ hiểu hơn rất nhiều. Hiện nay cách làm này chưa thực sự được phổ biến nhưng xu hướng tất yếu của tất cả các vấn đề là phải tập trung về bản chất. Bản chất của dự toán nói chung là **khối lượng x đơn giá**. Tại Bảng Dự toán các bạn sẽ thấy không còn xuất hiện 3 cột vật liệu, nhân công, máy thi công như trước đây mà thay vào đó là đơn giá đầy đủ (bao gồm chi phí trực tiếp, chi phí chung, chi phí thu nhập chịu thuế tính trước, thuế giá trị gia tăng (nếu chọn **Đơn giá sau thuế**)) đã được tính toán theo giá tại thời điểm hiện tại bên sheet **Đơn giá XD** rồi nổi sang.

Vì vậy ví dụ để thực hành cũng rất đơn giản, các bạn có thể lấy luôn 2 ví dụ ở trên để thực hành. Lựa chọn các thông số đầu và chỉ khác tùy chọn dùng đơn giá đầy đủ và tiến hành tra cứu mã hiệu, xử lý khối lượng, thực hiện các bước để ra giá vật liệu, nhân công, máy thi công. Và cuối cùng sẽ có Chi phí xây dựng tại sheet **THCP Xây dựng**.

III. LẬP DỰ TOÁN CÓ SỬ DỤNG ĐƠN GIÁ TỔNG HỢP

Khi lập dự toán chi phí xây dựng hay chi phí thiết bị có trường hợp sử dụng đơn giá tổng hợp. Tức là công việc phải sử dụng nhiều mã hiệu định mức hoặc các nhóm loại công tác, đơn vị kết cấu, bộ phận của công trình gồm nhiều công tác chi tiết nhưng cần thỏa mãn theo một chỉ tiêu kỹ thuật nào đấy. Đơn giá đó cũng được sử dụng nhiều lần trong các hạng mục khác nhau.

Ví dụ như đơn giá công tác liên quan đến vận chuyển phải dùng nhiều mã hiệu đơn giá phù hợp với định mức chia theo các cự ly, các công tác đào đất phải chia tỷ lệ đào thủ công, đào bằng máy. Đặc biệt trong dự toán các công trình giao thông phần nền, mặt đường có thể sử dụng đơn giá tổng hợp cho các tiết diện điển hình. Công trình hạ tầng kỹ thuật có thể dùng để tính cho các đoạn cống...

Giả sử lập dự toán chi phí xây dựng một công trình đường giao thông, phần mặt đường có đơn giá cho lớp bê tông nhựa chặt hạt mịn D12,5 dày 6cm. Đơn giá thực hiện 1 đơn vị lớp bê tông nhựa hạt trung này chính là đơn giá tổng hợp bao gồm các công tác chi tiết: Sản xuất bê tông nhựa tại trạm trộn 80T/h, vận chuyển từ trạm trộn đến nơi thi công khoảng cách là 20km bằng ô tô 10 tấn và rải thảm mặt đường 6cm.

Trên phần mềm Dự toán GXD có thể lập đơn giá tổng hợp này theo các bước sau:

Bước 1: Hiện lên sheet Đơn giá tổng hợp

Vào **Tùy chọn/ Tab Đơn giá/ Đơn giá tổng hợp/ Đồng ý.**

Bước 2: Xác định tên công tác tổng hợp, đơn vị tính

Đổi từ tên mặc định **Công tác tổng hợp 1** thành **Lớp BT nhựa chặt hạt mịn D12,5 dày 6cm** đơn vị **100 m²**

Bước 3: Xác định các công tác chi tiết

Rải thảm mặt đường dày 6cm: AD.23234.

Sản xuất bê tông nhựa: AD.26323.

Vận chuyển bê tông 20km cần sử dụng 2 mã hiệu đơn giá: AD.27242 và AD.27252.

Bước 4: Xác định khối lượng công tác chi tiết trong 1 đơn vị công tác tổng hợp

Rải thảm 100 m² **Lớp BT nhựa chặt hạt mịn D12,5 dày 6cm** theo định mức cần 14,54 tấn bê tông nhựa.

Khối lượng bê tông nhựa cần sản xuất để rải 100m²: $14,54 \times 1,01 = 14,6854$ tấn bê tông (hao hụt 1%).

Vận chuyển 14,6854 tấn bê tông sử dụng mã hiệu AD.27242 4km đầu và mã hiệu AD.27252 cho 16km tiếp theo.

BẢNG PHÂN TÍCH ĐƠN GIÁ XÂY DỰNG TỔNG HỢP												
Hạng mục công việc: Lớp BT nhựa chặt hạt mịn D12,5 dày 6cm												
Hiện/Ấn chi tiết												
STT	MH ĐƠN GIÁ	MSVT	THÀNH PHẦN CÔNG VIỆC	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	HẠO PHÉ BÌNH MỨC	GIÁ VẬT TƯ	HỆ SỐ	THÀNH PHẦN CHI PHÍ			TỔNG CỘNG
									Vật liệu	Nhân công	Máy	
[1]	[2]	[3]	[3]	[4]	[5]	[6]	[7]	[8]	[9]	[10]	[11]	[12]
1	AD.26323		Sản xuất bê tông nhựa hạt mịn bằng trạm trộn 80T/h	100tấn	0,1469	0,147			19.165.876	156.988	895.611	20.218.476
2	AD.27242		Vận chuyển đá dăm đen, bê tông nhựa từ trạm trộn đến vị trí đổ bằng ôtô 10 tấn, cự ly 4km	100 tấn	0,1469	0,147					794.408	794.408
3	AD.27252		Vận chuyển đá dăm đen, bê tông nhựa từ trạm trộn đến vị trí đổ bằng ôtô 10 tấn, 1km tiếp theo	100 tấn	0,1469	0,147					80.835	80.835
4	AD.23234		Rải thảm mặt đường bê tông nhựa hạt mịn, chiều dày đã lên ép đầm	100m²	1,0000	1,000				519.309	479.964	999.273
			Cộng		1,00							
	TH1		Lớp BT nhựa chặt hạt mịn D12,5 dày 6cm	ĐVT					19.165.876	676.297	2.250.818	22.092.991
			Vật liệu									
	AD.23234	V10020	Bê tông nhựa hạt mịn	tấn	1,0000	14,540						
	AD.26323	V10280	Đá 1x2	m³	0,1469	28,800	214.000		905.374			
	AD.26323	V10134	Cát vàng	m³	0,1469	35,000	189.000		971.744			
	AD.26323	V10555	Nhựa bitum	kg	0,1469	6.057.300	15.000		13.347.261			
	AD.26323	V10060	Bột đá	kg	0,1469	9.447.000	930		1.318.376			
	AD.26323	V10242	Dầu diesel	kg	0,1469	150,000	21.787		480.077			
	AD.26323	V10246	Dầu mazut	kg	0,1469	850,000	15.572		1.844.398			
	AD.26323	V10237	Dầu bảo ôn	kg	0,1469	42.500	31.818		198.648			
			Nhân công									
	AD.23234	N2407x	Nhân công 4,07	công	1,0000	2,220	233.923			519.309		
	AD.26323	N2457x	Nhân công 4,57	công	0,1469	4,200	254.448			156.988		
			Máy thi công									
THCP xây dựng Đơn giá tổng hợp Dự toán XD Đơn giá XD TH vật tư XD Thông kê thép												

Hình 3.22 – Bảng đơn giá tổng hợp sau tra xong đơn giá và nhập khối lượng

Lưu ý:

- Công tác chi tiết cũng có đơn giá trong bộ CSDL bộ đơn giá địa phương, bước chọn CSDL như hướng dẫn ở các mục trước.
- Cột MH đơn giá có thể tra mã hiệu đơn giá công tác chi tiết tương tự tra mã hiệu tại sheet **Dự toán XD**.
- Phần vận chuyển cần thêm hệ số cho công tác AD.27252 vận chuyển từ km số 5 đến km số 20 thêm hệ số 16. Dùng **Tiện ích/ Thêm hệ số cho công việc**.

Các hệ số đơn giá

Tùy chọn

Đơn giá (HSDG)

Vật liệu chính (HSVLC)

Vật liệu phụ (HSVLP)

Nhân công (HSNC)

Máy thi công (HSMTC)

16

☐ Thay đổi thành hệ số duy nhất

Đồng ý

Hủy lệnh

Hình 3.23 - Nhập hệ số cho công tác

BẢNG PHÂN TÍCH ĐƠN GIÁ XÂY DỰNG TỔNG HỢP												
Hạng mục công việc: Lớp BT nhựa chặt hạt mịn D12,5 dày 6cm												
Hiện/Ấn chỉ tiết									THÀNH PHẦN CHI PHÍ			TỔNG CỘNG
STT	MH ĐƠN GIÁ	MSVT	THÀNH PHẦN CÔNG VIỆC	ĐƠN VỊ	KHOẢNG LƯỢNG	HAO PHÍ ĐỊNH MỨC	GIÁ VẬT TƯ	HỆ SỐ	Vật liệu	Nhân công	Máy	
[1]	[2]	[3]	[3]	[4]	[5]	[6]	[7]	[8]	[9]	[10]	[11]	[12]
1	AD.26523		Sản xuất bê tông nhựa hạt mịn bằng trạm trộn 80T/h	100tấn	0,1469	0,147			19.165.876	156.988	895.611	20.218.476
2	AD.27242		Vận chuyển đá dăm đen, bê tông nhựa từ trạm trộn đến vị trí đổ bằng ôtô 10 tấn, cự ly 4km	100 tấn	0,1469	0,147					794.408	794.408
3	AD.27252		Vận chuyển đá dăm đen, bê tông nhựa từ trạm trộn đến vị trí đổ bằng ôtô 10 tấn, 1km tiếp theo	100 tấn	0,1469	0,147					1.293.353	1.293.353
4	AD.23234		Rải thảm mặt đường bê tông nhựa hạt mịn, chặt dày 6cm, ép 6cm	100m ²	1,0000	1,000				519.309	479.964	999.273
Dưới đây là bảng phân tích đơn giá chi tiết cho các hạng mục công việc liên quan:												
AD.27252	M0125		Ô tô vận chuyển 10 tấn	ca	0,1469	0,290	1.897.480	16			1.293.353	
AD.27242	M0125		Ô tô vận chuyển 10 tấn	ca	0,1469	0,290	1.897.480				794.408	
AD.26523	M0372		Trạm trộn bê tông asphalt - năng suất 80 tấn/h	ca	0,1469	0,391	10.372.614				595.781	
AD.26323	M0040		Máy trộn 2,3m ³ /giờ	ca	0,1469	0,391	3.426.694				196.822	
AD.26323	M0055		Máy ủi 108CV	ca	0,1469	0,300	1.938.891				85.447	
AD.26323	M9999		Máy khác	%		2,000					17.561	

Hình 3.24 – Đơn giá ca máy đã thay đổi sau khi nhập hệ số

- Sau bước 4, kiểm tra đơn giá chi tiết của các công tác chi tiết nếu không phải chỉnh sửa định mức hao phí có thể sử dụng nút **Hiện/ Ẩn chi tiết** để ẩn phần chi tiết đi cho gọn và hoàn thiện đơn giá tổng hợp để gọi sang sheet ***Dự toán XD***.

BẢNG PHÂN TÍCH ĐƠN GIÁ XÂY DỰNG TỔNG HỢP								
Hạng mục công việc: Lớp BT nhựa chặt hạt mịn D12,5 dày 6cm								
Hiện/Ấn chi tiết								
STT	MH ĐƠN GIÁ	THÀNH PHẦN CÔNG VIỆC	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	THẦN PHẦN CHI PHÍ			TỔNG CỘNG
					Vật liệu	Nhân công	Máy	
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[9]	[10]	[11]	[12]
1	AD.26323	Sản xuất bê tông nhựa hạt mịn bằng trạm trộn 80T/h	100tấn	0,1469	19.165.876	156.988	895.611	20.218.476
2	AD.27242	Vận chuyển đá dăm đen, bê tông nhựa từ trạm trộn đến vị trí đổ bằng ô tô 10 tấn, cự ly 4km	100 tấn	0,1469			794.408	794.408
3	AD.27252	Vận chuyển đá dăm đen, bê tông nhựa từ trạm trộn đến vị trí đổ bằng ô tô 10 tấn, 1km tiếp theo	100 tấn	0,1469			1.293.353	1.293.353
4	AD.23234	Rải thảm mặt đường bê tông nhựa hạt mịn, chiều dày đã lên ép 6cm	100m²	1,0000		519.309	479.964	999.273
		Cộng		1,00				
	TH1	Lớp BT nhựa chặt hạt mịn D12,5 dày 6cm	100m2		19.165.876	676.297	3.463.336	23.305.509
<div style="display: flex; justify-content: space-between;"> THCP xây dựng Đơn giá tổng hợp Du toán XD Đơn giá XD TH vật tư XD Thông kê thép </div>								

Hình 3.25 – Đơn giá tổng hợp sau khi hoàn thiện

BẢNG DỰ TOÁN CHI PHÍ XÂY DỰNG										
CÔNG TRÌNH: CÁC PHẦN MỀM QUẢN LÝ CHI PHÍ ĐTXD CT										
HẠNG MỤC: PHẦN MỀM DỰ TOÁN GXD 10										
STT	MÃ HIỆU ĐƠN GIÁ	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ			THÀNH TIỀN		
					VẬT LIỆU	NHÂN CÔNG	MÁY	VẬT LIỆU	NHÂN CÔNG	MÁY
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]	[7]	[8]	[9]=[5]*[6]	[10]=[5]*[7]	[11]=[5]*[8]
1	AB.21141	Đào san đất tạo mặt bằng, bằng máy đào ≤1,6m ³ + máy ủi ≤110CV, đất cấp I	100m ³	139,37		99.562	755.439		13.875.886	105.285.579
2	AA.22111	Pha đồ kết cấu bê tông có cốt thép bằng búa cán	m ³	272,74	27.900	129.914	327.506	7.609.446	35.432.690	89.323.905
	TH1									

Hình 3.26 – Gõ mã hiệu gọi công tác tổng hợp sang bảng Dự toán

Sau khi gọi công tác TH1 sang sheet Du toan XD, công tác TH1 sẽ tự động được chiết tính phân tích như một đơn giá chi tiết bình thường và có thể tổng hợp vật tư.

3	TH1		Lớp BT nhựa chặt hạt mịn D12,5 dày 6cm	100m ²						
			Vật liệu							19.165.876
	AD.23234	V10020	Bê tông nhựa hạt mịn	tấn	14,54					
	AD.26323	V10280	Đá 1x2	m ³	4,23072	214.000				905.374
	AD.26323	V10134	Cát vàng	m ³	5,1415	189.000				971.744
	AD.26323	V10555	Nhựa bitum	kg	889,81737	15.000				13.347.261
	AD.26323	V10060	Bột đá	kg	1387,7643	950				1.318.376
	AD.26323	V10242	Dầu diesel	kg	22,035	21.787				480.077
	AD.26323	V10246	Dầu mazut	kg	124,865	15.572				1.944.398
	AD.26323	V10237	Dầu bảo ôn	kg	6,24325	31.818				198.648
			Nhân công							676.297
	AD.23234	N2407x	Nhân công 4,0/7	công	2,22	233.923				519.309
	AD.26323	N2457x	Nhân công 4,5/7	công	0,61698	254.446				156.988
			Máy thi công							3.463.336
	AD.23234	M0376	Máy rải 130CV-140CV	ca	0,0521	4.466.629				232.711
	AD.23234	M0083b	Máy lu 10T	ca	0,12	1.199.973				143.997
	AD.23234	M0089	Máy đầm bánh hơi tự hành 16T (lu bánh lốp)	ca	0,064	1.466.319				93.844
	AD.23234	M9999	Máy khác	%	2					9.411
	AD.27252	M0123	Ô tô tự đổ 10 tấn	ca	0,042601	1.897.480	16			1.293.353
	AD.27242	M0123	Ô tô tự đổ 10 tấn	ca	0,418665	1.897.480				794.408
	AD.26323	M0372	Trạm trộn bê tông asphalt - năng suất 80 tấn/h	ca	0,0574379	10.372.614				595.781
	AD.26323	M0040	Máy xúc 2,3m ³ /gầu	ca	0,0574379	3.426.694				196.822
	AD.26323	M0055	Máy ủi 108CV	ca	0,04407	1.938.891				85.447
	AD.26323	M9999	Máy khác	%	2					17.561

Hình 3.27 – Công tác TH1 đã được phân tích bên sheet Đơn giá XD

Các bạn tiếp tục gọi các công tác TH sang bảng Dự toán (nếu có) và hoàn thiện file dự toán như bình thường.

IV. LẬP DỰ TOÁN NHIỀU HẠNG MỤC

1. Khai báo hạng mục

Thực hiện **Bước 1** và **Bước 2** tương tự 2 ví dụ đã trình bày ở trên. **Bước 3** thì trong bảng dự toán chi phí xây dựng, gõ HM để bắt đầu 1 hạng mục mới.

Ví dụ trong hình dưới, đầu tiên gõ **HM** để báo hiệu bắt đầu lập dự toán hạng mục. Nhập tên hạng mục ví dụ: **Phần móng** và tra các mã hiệu đơn giá thuộc hạng mục Phần móng này.

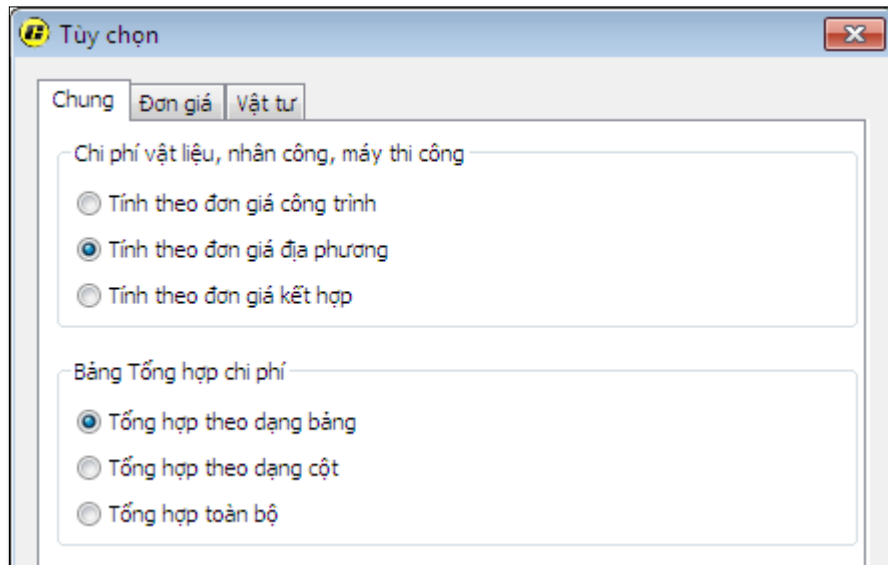
Sau khi tra xong các mã hiệu đơn giá Phần móng, gõ tiếp **HM** để bắt đầu hạng mục mới, sửa tên thành **Phần thân**. Khi đó sẽ có dòng **TC** tự động chèn để cộng thành tiền cho hạng mục **Phần móng**. Tương tự để lập dự toán cho nhiều hạng mục sau.

BẢNG DỰ TOÁN CHI PHÍ XÂY DỰNG										
CÔNG TRÌNH: CÁC PHẦN MỀM QUẢN LÝ CHI PHÍ ĐTXD CT										
HẠNG MỤC: PHẦN MỀM DỰ TOÁN GXD 10										
STT	MÃ HIỆU ĐƠN GIÁ	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ			THÀNH TIỀN		
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	VẬT LIỆU	NHÂN CÔNG	MÁY	VẬT LIỆU	NHÂN CÔNG	MÁY
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]	[7]	[8]	[9]=[5]*[6]	[10]=[5]*[7]	[11]=[5]*[8]
	HM	Hạng mục 1								
1	AF.61120	Sản xuất, lắp dựng cốt thép móng, đường kính ≤18mm	tấn	1,2	16.389.984	1.805.802	443.610	19.667.981	2.166.962	532.332
2	AF.11214	Bê tông đá dăm sản xuất bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, bê tông móng rộng ≤250cm đá 1x2, vữa bê tông	m³	10,32	717.515	326.562	46.209	7.404.752	3.370.117	476.872
	TC	Cộng: Hạng mục 1						27.072.732	5.537.079	1.009.204
	HM	Hạng mục 2								
1	AF.61422	Sản xuất, lắp dựng cốt thép cột, trụ, đường kính ≤18mm, chiều cao ≤16m	tấn	2,4	16.393.332	2.206.369	479.880	39.343.997	5.295.286	1.151.713
2	AF.82111	Sản xuất, lắp dựng tháo dỡ ván khuôn thép cho bê tông đổ tại chỗ, cây chống gỗ, ván khuôn tường, cột vuông (chữ nhật), xà dầm, giằng	100m²	0,98	2.848.782	8.954.572	589.973	2.791.806	8.775.481	578.174
3	AF.12224	Bê tông đá dăm sản xuất bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, bê tông cột tiết diện ≤0,1m², chiều cao ≤16m đá 1x2, vữa bê tông mác 250	m³	18,27	759.902	1.043.641	104.965	13.883.416	19.067.319	1.917.711
	TC	Cộng: Hạng mục 2						56.019.219	33.138.086	3.647.598
	HM	Hạng mục 3								
1	AK.22124	Trát trụ cột, lam đứng, cầu thang, chiều dày trát 1,5cm, vữa XM mác 75	m²	137	7.986	121.640	745	1.094.088	16.664.675	102.108
	TC	Cộng: Hạng mục 3						1.094.088	16.664.675	102.108
	TC	Tổng cộng						84.186.040	55.339.840	4.758.910
								A	B	C

Hình 3.28 – Bảng dự toán nhiều hạng mục

2. Bảng tổng hợp chi phí

Khi lập dự toán nhiều hạng mục, phần mềm Dự toán GXD có thể đưa ra các dạng bảng tổng hợp chi phí khác nhau.



Hình 3.29 – Thực hiện các tùy chọn bảng THCP Xây dựng

2.1. Tổng hợp theo dạng bảng

Mặc định Bảng tổng hợp chi phí xây dựng, lắp đặt sẽ theo dạng bảng, mỗi hạng mục có 1 bảng tổng hợp chi phí xây dựng và tương ứng các bảng Tổng hợp vật tư, Bảng tính giá vật liệu hiện trường, Bảng lương nhân công, Bảng giá ca máy cũng được tính toán riêng cho từng hạng mục.

BẢNG TỔNG HỢP DỰ TOÁN CHI PHÍ XÂY DỰNG							BẢNG TỔNG HỢP DỰ TOÁN CHI PHÍ XÂY DỰNG						
CÔNG TRÌNH: CÁC PHẦN MỀM QUẢN LÝ CHI PHÍ ĐT&D CT							CÔNG TRÌNH: CÁC PHẦN MỀM QUẢN LÝ CHI PHÍ ĐT&D CT						
Hạng mục: PHẦN MÔNG							Hạng mục: PHẦN THÂN						
STT	KHOẢNG MỤC CHI PHÍ	CÁCH TÍNH	GIÁ TRỊ	HYỆU	HỢT	#	STT	KHOẢNG MỤC CHI PHÍ	CÁCH TÍNH	GIÁ TRỊ	HYỆU	HỢT	#
I CHI PHÍ THEO ĐƠN GIÁ							I CHI PHÍ THEO ĐƠN GIÁ						
	Chi phí vật liệu		27.072.732	A				Chi phí vật liệu		36.019.218	A		
	Chi phí nhân công		5.537.079	CLNC				Chi phí nhân công		33.138.088	CLNC		
	Chi phí máy thi công		1.009.204	C				Chi phí máy thi công		3.647.598	C		
	Chi phí máy xây dựng			CLM				Chi phí máy xây dựng			CLM		
II CHI PHÍ TRỰC TIẾP							II CHI PHÍ TRỰC TIẾP						
1	Chi phí vật liệu	A*1	27.072.732	VL	1		1	Chi phí vật liệu	A*1	36.019.218	VL	1	
2	Chi phí nhân công	B*1	5.537.079	NC	1		2	Chi phí nhân công	B*1	33.138.088	NC	1	
3	Chi phí máy thi công	C*1	1.009.204	M	1		3	Chi phí máy thi công	C*1	3.647.598	M	1	
	Chi phí trực tiếp	VL+NC+M	33.619.015	T				Chi phí trực tiếp	VL+NC+M	62.804.904	T		
III CHI PHÍ CHUNG							III CHI PHÍ CHUNG						
	Chi phí chung	T*8%	2.689.524	C	8,0%			Chi phí chung	T*8%	5.024.395	C	8,0%	
IV CHI PHÍ CHỤP THUẬT TÍNH TRƯỚC							IV CHI PHÍ CHỤP THUẬT TÍNH TRƯỚC						
	Chi phí xây dựng trước thuế	(T+C)*5,3%	1.959.989	TL	5,3%			Chi phí xây dựng trước thuế	(T+C)*5,3%	3.410.528	TL	5,3%	
	Chi phí xây dựng trước thuế	T+C+TL	37.596.145	G				Chi phí xây dựng trước thuế	T+C+TL	103.783.724	G		
V THUẾ GIÁ THỊ GIA TĂNG							V THUẾ GIÁ THỊ GIA TĂNG						
	Thuế giá trị gia tăng	G*10%	3.759.615	GTGT	10%			Thuế giá trị gia tăng	G*10%	10.378.372	GTGT	10%	
	Chi phí xây dựng sau thuế	G+GTGT	41.355.760	G _{sum}				Chi phí xây dựng sau thuế	G+GTGT	114.162.096	G _{sum}		
BẢNG TỔNG HỢP DỰ TOÁN CHI PHÍ XÂY DỰNG							BẢNG TỔNG HỢP DỰ TOÁN CHI PHÍ XÂY DỰNG						
CÔNG TRÌNH: CÁC PHẦN MỀM QUẢN LÝ CHI PHÍ ĐT&D CT							CÔNG TRÌNH: CÁC PHẦN MỀM QUẢN LÝ CHI PHÍ ĐT&D CT						
Hạng mục: PHẦN THÂN							Hạng mục: PHẦN THÂN						

Hình 3.29 – Bảng tổng hợp dự toán chi phí các hạng mục theo dạng bảng

Khi lập dự toán nhiều hạng mục, sheet **Hạng mục XD** sẽ tự động xuất hiện và tổng hợp giá trị các hạng mục để đưa sang **Bảng Tổng hợp kinh phí**.

2.2. Tổng hợp theo dạng cột

Trên menu **Hỗ trợ/ Tùy chọn/Tab Chung/ Tổng hợp theo dạng cột**.

BẢNG TỔNG HỢP DỰ TOÁN CHI PHÍ XÂY DỰNG								
CÔNG TRÌNH: CÁC PHẦN MỀM QUẢN LÝ CHI PHÍ ĐTXD CT								
Hạng mục: PHẦN MÓNG								
ĐVT: đồng								
STT	KHOẢN MỤC CHI PHÍ	CÁCH TÍNH	Hạng mục: PHẦN MÓNG	Hạng mục: PHẦN THÁC	Hạng mục: PHẦN HOÀN T	KÝ HIỆU	HS1	HS2
	CHI PHÍ THEO ĐƠN GIÁ							
	Chi phí vật liệu		27.072.732	56.019.219	1.094.088	A		
	Chênh lệch vật liệu					CLVL		
	Chi phí nhân công		5.537.079	33.138.086	16.664.675	B		
	Chênh lệch nhân công					CLNC		
	Chi phí máy xây dựng		1.009.204	3.647.598	102.108	C		
	Chênh lệch máy xây dựng					CLM		
I	CHI PHÍ TRỰC TIẾP							
1	Chi phí vật liệu	A*1	27.072.732	56.019.219	1.094.088	VL	1	
2	Chi phí nhân công	B*1	5.537.079	33.138.086	16.664.675	NC	1	
3	Chi phí máy thi công	C*1	1.009.204	3.647.598	102.108	M	1	
	Chi phí trực tiếp	VL+NC+M	33.619.016	92.804.904	17.860.871	T		
II	CHI PHÍ CHUNG	T*6%	2.017.141	5.568.294	1.071.652	C	6,0%	
III	THU NHẬP CHỊU THUẾ TÍNH TRƯỚC	(T+C)*5,5%	1.959.989	5.410.526	1.041.289	TL	5,5%	
	Chi phí xây dựng trước thuế	T+C+TL	37.596.145	103.783.724	19.973.812	G		
IV	THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG	G*10%	3.759.615	10.378.372	1.997.381	GTGT	10%	
	Chi phí xây dựng sau thuế	G+GTGT	41.355.760	114.162.096	21.971.193	G _{XD}		
NGƯỜI LẬP			NGƯỜI CHỦ TRÌ					

Hình 3.30 – Bảng tổng hợp dự toán chi phí các hạng mục theo dạng cột

2.3. Tổng hợp toàn bộ

Trên menu **Hồ sơ/ Tùy chọn/ Tab Chung/ Tổng hợp toàn bộ**

Khi chọn tùy chọn này, bảng tổng hợp dự toán chi phí trong sheet **THCP xây dựng và THCP lập dat** sẽ tổng hợp lại thành một bảng duy nhất. Các bảng khác như **Bảng Tổng hợp vật tư...** vẫn tách riêng từng hạng mục riêng, nếu muốn gộp lại các bạn chạy lại các bảng tính đó.

3. Chèn thêm hạng mục

Khi muốn chèn thêm hạng mục vào giữa 2 **Hạng mục Phần Cọc** và **Hạng mục Phần thân**, sử dụng lệnh **Chèn dòng** vào trước dòng **TC của Hạng mục Phần cọc**. Sau đó chỉ cần nhập chữ **HM** để khai báo tạo hạng mục mới, nhập số liệu cho hạng mục mới và thực hiện các bước sau như với các hạng mục bình thường.

**Cảm ơn bạn đã tin dùng phần mềm GXD.
Thân ái và Quyết thắng!**